

NGUYỄN-DU

TRUYỆN THÚY KIỀU

(Đoạn trường tân thanh)



SÁCH GIÁO-KHOA
In đúng bản nôm cổ

CỔ VĂN VIỆT NAM

Nguyễn-Du

TRUYỆN THÚY KIỆU (Đoạn trường tân thanh)



TRẦN-CỬU-TRƯỜNG

Cử-nhân văn-chương

HOÀNG-HIỀN

Nguyên giáo-sư Trường Minh-Lý

HIỆU-KHẢO

Họa-sĩ SONG-TRÂM và PHƯỢNG-BÌNH

Cựu sinh-viên Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội

MINH-HOÀ



Sách giáo-khoa

IN ĐÚNG THEO BẢN NÔM CỒ

NHÀ XUẤT BẢN

THANH - TÂM

SAIGON



LỜI NÓI ĐẦU

Truyện Thủy-Kiều là một áng văn hay nhất của nước ta và người Việt-Nam nào cũng vẫn ao ước có một quyển truyện Kiêu hoàn toàn đẹp để xem. Xưa nay truyện Kiêu của Nguyễn-Du tiên sinh đã được nhiều người khen ngợi và cũng được xuất-bản nhiều cuốn có chú giải rõ-ràng, nhưng thiết tưởng cũng chưa đủ để cung cấp cho toàn dân trong nước.

Nay chúng tôi xuất-bản Truyện Thủy-Kiều này nhằm những đặc-điểm sau đây :

— Tra cứu đầy đủ và chọn lọc lại **rất đúng bản chính.**

- Giải-thích các điển-tích và những danh-từ chữ hán thật rõ-ràng để **ai xem cũng hiểu**.
- Tùy theo ý nghĩa từng câu trong mỗi đoạn **minh-họa thành những bút tranh**. Đây là một lối mới rất linh động giúp đọc-giả dễ hiểu dễ nhớ.

Như trên đã nói, truyện Thúy-Kiều là một truyện cũ, văn truyện Kiều là một thể-văn xưa, nhưng ngày nay mỗi khi nghe truyện Kiều vẫn không thấy nhạt, đọc truyện Kiều vẫn không thấy chán. Cho nên chúng tôi góp sức **minh-họa truyện Thúy-Kiều** này và cũng là một dịp để tưởng nhớ Nguyễn-Du tiên-sinh, một văn-hào bất hủ của dân tộc Việt.

HOÀNG-HIỀN

Giáo-sư

và **PHƯƠNG-BÌNH**

Cựu sinh-viên trường Cao-đẳng

Mỹ-thuật Hà-nội.



Tiểu Sử NGUYỄN DU

Cụ tự là Tố-Như hiệu là Thanh-Hiên, quán tại làng Tiên-diên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, con thứ ba của ông Nguyễn-Nghiêm làm Thủ-Tướng Lê-triều. Tổ tiên nhà Cụ đời đời làm quan to với Nhà Hậu-Lê.

Tố-Như tiên-sinh là con bà Thấn, bà sinh được bốn người con trai là : Trụ, Nệ, Du (tức là tiên sinh) và Úc. Tiên sinh sanh vào năm Ất-Dậu là năm Cảnh-hung thứ 26 (1.765) Thuở còn trẻ Tiên-sinh rất khôi ngô tuấn tú, năm 19 tuổi đã thi đỗ tú tài.

Sau khi Tây-Son dứt nhà Lê, Tiên-sinh mưu toan khôi phục Lê-Hoàng nhưng mưu sự bất thành nên Tiên-sinh bỏ về quê.

Năm Gia-Long nguyên-niên (1802) Tiên-sinh được triệu ra làm Tri-huyện huyện Phù-Dực (nay là tỉnh Thái-bình) rồi được ít lâu thăng lên Tri-phủ Thường-tín (Hà-đông). Đến năm 1809 Tiên-

sinh ra làm Cai-bạ (tức là Bối-Chính) Quảng-bình và đến năm 1813 thăng Cần-chánh-điện học-sĩ rồi sung chức Chánh-sứ sang cống bên Tàu. Đến khi về nước được thăng Lễ-bộ hữu tham-tri và qua năm Minh-Mệnh nguyên-niên (1820) lại có chỉ sai Tiên-sinh đi sứ Tàu lần thứ nhì, nhưng chưa kịp lên đường thọ bệnh mất vào ngày mồng 10 tháng 8 năm Canh-thìn (1820) thọ được 56 tuổi.

Tổ-Như tiên sinh là người học rộng, tinh-thâm nho học và thông-đạt cả Đạo Phật, Đạo Lão. Nhiều kiến-thức và rất giỏi về nghề cầm, kỳ, thi, họa, tiên-sinh có làm ra nhiều văn-thơ và sách-vở bằng chữ nho có giá trị như :

Thanh-hiên tiền-hậu-tập,
Bắc-hành thi tập,
Nam-Trung tập ngâm,
Lê-Quy kỷ-sự.

Tiên-sinh lại có biệt tài về văn nôm. Khi đi sứ Tàu về Tiên-sinh liền soạn quyển Truyện Thúy-Kiều mà nguyên lúc đầu tiên-sinh nhan là « Đoạn trường tân thanh ».





GIÁ TRỊ TRUYỆN THÚY-KIỀU

Truyện Thủy-Kiều nguyên là một tiểu-thuyết của Thanh-tâm-tài-nhân, văn-chương rất tầm thường, nhưng trong truyện có tiểu-sử của một mỹ-nhân vẹn toàn tài sắc, đúng mực khôn ngoan, đủ điều trung, hiếu, tiết, nghĩa, mà rồi chẳng may phải chịu gian-truân khổ-hận, thật đáng thương tâm.

Nhân bộ tiểu-thuyết tầm thường ấy, Tố-Như tiên-sinh làm thành một quyển sách kiệt-tác bằng quốc-âm ta. Đầu tiên, Tố-Như tiên-sinh lấy tựa là « Đoạn trường tân thanh » nhưng hình như về sau Cụ Phạm-quí-Thích là bạn đồng-liêu của Tố-Như tiên-sinh đổi tựa lại là « Kim, Vân, Kiều Tân truyện » và cho khắc thành bản đem in ra trước nhưt.

Dụng tâm của Tố-Như tiên-sinh là lấy Truyện Thúy-Kiều để bày tỏ tâm-sự riêng của mình vì vậy mà tiên - sinh nhan quyền sách kiệt-tác ấy là « Đoạn trường tân thanh » nghĩa là « Tiếng than khóc mới về nỗi đau lòng » Tiên-sinh vốn tự coi mình như một cựa thần nhà Lê, nhưng gặp lúc Quốc biến lại không thể trọn chữ trung cùng Lê-Hoàng, cảnh ngộ ấy nào có khác chi nàng Kiều đã đính ước cùng Kim-Trọng mà vì gia biến đã không giữ nổi chữ trinh với tình-quân đến đời phải bán mình cho kẻ khác.

Đây là phần tâm-sự của Tiên-sinh đã đem gửi vào tập truyện Thúy-Kiều để cho hậu thế xét soi, còn như về các nhân-vật trong truyện Kiều thì tiên-sinh mô-tả một cách tinh-thâm, ai thế nào tiên-sinh đem vẽ rõ chơn-dung của họ ra thế ấy, khiến cho độc-giả có thể tưởng-tượng họ như là những người còn sống trước mắt mình: Vương-viên-ngoại là nhà nền-nếp, thật-thà, trung-hậu. Cô Vân có cái vẻ đẹp phong-lưu, phú-quí. Cô Kiều có cái vẻ đẹp tươi thắm hoàn toàn...

Cuộc đời của một hồng-nhan đa tình⁴ đa cảm như nàng Kiều mà rồi chỉ gặp toàn bước gian truân náo-nùng thăm-thiết, hoa trời, bèo giạt lênh-đênh, thì thử hỏi ai là người đọc đến mà không động lòng thương xót. Song le, truyện dầu hay đến đâu mà câu văn non-nớt, lời-lẽ không thanh-nhã thì cũng đành là truyện xoàn mà thôi. Đàng này lời văn của Tố-Như tiên-sinh là lời văn tài-

trình mỹ-lệ, lời văn hùng-hồn, lưu-loát, thanh-tao, từ đầu đến cuối không câu nào non, không chữ nào lép, nhất là những câu kể chuyện thì thật thần tình, không bút mực nào sánh kịp. Làm văn được như tiên-sinh thật là đã đi đến chỗ « Sơn cùng thủy-tận ».

Đọc lên bất cứ một đoạn nào, ta cũng nghe nhẹ-nhàng êm-ái, lời văn thanh-nhã như tiếng đàn đầm-thấm say-sưa ai rót vào tai vắng-vắng. Thiết tưởng, văn mà tả được phân-minh gọn-gàng những cảm tình như : vui, buồn, thương, giận, nhớ nhung, như văn của Tố-Như tiên-sinh thì ai ai cũng phải cho là khéo là hay.

Nhờ có lối văn-chương kiệt-tác như thế cho nên ai ai cũng thích đọc Truyện Thủy-Kiều mà càng đọc càng thấy nồng-nàn thấm-thía như hương-vị ngạt-ngào bát-nghát của một thứ hoa thơm cỏ lạ, huyền-ảo, mê-ly, như một khúc hòa-nhạc véo-von đậm-dà, khéo gợi cho tâm hồn bao nỗi nhớ-nhung yêu-mến !

TRẦN-CỬU-TRƯỜNG

Cử - nhân văn-chương,

LƯỢC TRUYỆN

ĐOẠN MỞ ĐẦU (câu 1-38). Tác-giả đem thuyết « tài mệnh tương đố » (tài mệnh ghét nhau) nêu lên làm luận-đề, đoạn nói qua gia-thế và tả tài-sắc cô Vân và cô Kiều.

I. — Thúy-Kiều, Kim-Trọng đính ước nhau (câu 39-528). — Thúy-Kiều cùng hai em là Thúy-Vân và Vương-Quan đi chơi thanh-minh, gặp mả của Đạm-Tiên là một nàng kỹ-nữ tài sắc lẫy lừng nhưng số mệnh không ra gì.

Lúc trở về Kiều gặp Kim-Trọng, hai bên bắt đầu làm quen. Kiều về nhà nghĩ tới thân phận Đạm-Tiên rồi lo-âu cho hậu-vận mình, lại nhớ đến Kim-Trọng, không biết duyên-nợ sẽ ra sao ? Từ khi được biết Thúy-Kiều, Kim-Trọng đem lòng tưởng nhớ rồi tìm cách đến ở bên cạnh nhà Kiều. Đôi trai-tài gái-sắc lại gặp nhau thề nguyện gắn bó.

II. — Vương viên-ngoại mắc oan, Thúy-Kiều bán mình (câu 529-864). Sau khi từ biệt Thúy-Kiều, Kim-Trọng về hộ tang chú thì Vương-viên-ngoại bị tên bán tơ vu oan nên bị bắt. Muốn có tiền để chuộc cha, Kiều phải bán mình cho Mã-Giám-Sinh và theo y về Lâm-Chuy. Trước khi đi Kiều dặn Vân thay lời đền nghĩa cho Kim-Trọng.

III.— Kiều vào thanh-lâu (câu 865-1274).

— Mã-Giám-Sinh nói dối là mua Kiều để làm thiếp ; thực ra, y chỉ là tay-sai của Tú-bà, chủ một thanh-lâu. Kiều biết mình bị gạt khi đến Lâm-chuy, nên toan liều mình tự-tử. Tú-bà dỗ ngọt Kiều ra ở lầu Ngưng-bích nghỉ-ngoi và hứa sẽ tìm người xứng-dáng cho nàng kết duyên. Nhưng kỳ thật Tú-bà lập mưu rồi sai Sở-Khanh làm ra mặt nghĩa-hiệp, đưa Kiều đi trốn. Được nửa đường, Sở-Khanh lẩn-trốn làm cho Kiều bị Tú-bà bắt trở về và ép nàng phải ra tiếp khách.

IV.— Kiều lọt vào tay Hoạn-Thư. (câu 1275-1992). Kiều vào ở thanh-lâu được ba năm. Sau gặp Thúc-Sinh lấy nàng làm thiếp. Nhưng Hoạn-Thư là vợ cả nổi ghen, thừa lúc Thúc-Sinh đi vắng, cho người bắt Kiều đem về nhà hành-hạ.

V.— Kiều kết duyên cùng Từ-Hải (câu 1993-2736). Bỏ nhà Hoạn-Thư, Kiều trốn đi đến ở nơi Chiêu-ân am. Biết tâm sự cuộc đời của Kiều, Giác-Duyên liền đem gởi Bạc-bà. Không ngờ Bạc-bà cũng một phường như Tú-bà, giả làm lễ cưới Kiều cho cháu là Bạc - Hạnh rồi đem bán nàng vào một thanh-lâu ở châu Thai. Thế là Kiều bị vào thanh-lâu lần nữa. Tại đây Kiều gặp Từ-Hải thương tình kết duyên chồng vợ nên nàng được dịp trả oán cũ, báo ơn xưa. Nhưng không bao lâu Hồ-Tô-Hiển dùng mưu đánh Từ ; vì nghe theo lời Kiều, Từ giải binh ra hàng bị Hồ tập binh đánh phá ; Từ tử-trận. Hồ ép Kiều lấy thổ-quan. Kiều

gieo mình xuống sông Tiền-đường nhưng nhờ bà vãi Giác-Duyên thuê thuyền đón-vớt đem về ở trong am.

VI. — Thúy-Kiều tái hợp cùng Kim-Trọng (câu 2737-2966) Kim-Trọng trở về được tin gia biến của Kiều liền đến đón ông bà họ Vương về nhà mình và thuê người đi tìm Kiều. Nhờ lời Kiều dẫn lối ra đi Kim-Trọng kết duyên với Thúy-Vân. Cùng với Vương-Quan, Kim-Trọng đi thi đố và được cử-nhậm về Nam-bình, nên khi đi ngang qua Hàng-châu, bắt được tin Kiều đã trầm mình tại sông Tiền-đường.

VII. — Cả nhà đoàn tụ (câu 2967-3240). Kim-Trọng lập đàn chiêu-hồn Kiều ở bờ sông Tiền-đường, gặp được Giác-Duyên kể rõ sự tình và đem cả nhà họ Vương về am cho cha con, anh em, vợ chồng, hội ngộ. Thúy-Kiều tạ từ Giác-Duyên rồi theo Kim-Trọng lên đường về quan nha.

VIII. — Đoạn kết (câu 3241-3254) Tác-giả nhắc lại thuyết « tài mệnh tương đố » và khuyên người đời nên trau-giồi chữ « thiện tâm ».





Trăm năm, trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh, khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.



Lạ gì bỉ sắc, tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.
Cỏ thơm lẫn giở trước đèn,
« **Phong-tình cổ-lục** » còn truyền sử xanh.

I

1. Trăm năm, trong cõi người ta, (1)

Chữ **tài** chữ **mệnh**, khéo là ghét nhau. (2).

Trải qua một cuộc bể dâu, (3)

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.

5. Lạ gì **bỉ** sắc, tư phong, (4)

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen. (5)

Cảo thơm (6) lần giở trước đèn,

« **Phong-tình cở-lục** » (7) còn truyền sử xanh. (8)

(1) Trăm năm là do câu chữ nhỏ « **nhân-sinh bách tuế vi kỳ** », ý nói một đời người sống trăm tuổi.

(2) Ghét nhau : ý nói tài mệnh không ưa nhau.

(3) Bể dâu : bể hóa ra ruộng trồng dâu, ý nói cuộc đời biến đổi không yên bao giờ.

(4) Ở đây ta nên chú-thích nghĩa từng chữ cho dễ thấy
Bỉ : kia — **Sắc** : kém — **Tư** : ấy — **Phong** : hơn.
Ý nói Tạo-hóa cho mình hơn cái nọ phải kém cái kia.

(5) Tạo-hóa ghen với người đàn bà đẹp, cũng như ghét người có tài. Có bản viết : ...quen với.

(6) Cảo thơm là pho sách hay, lưu tiếng thơm lại về sau.

(7) Phong-tình cở-lục là sách phong-tình đời xưa.

(8) Sử xanh là bởi chữ thanh-sử, người thượng cờ chép sử vào mảnh tre xanh.

Rặng : năm Gia-tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng - lặng, hai Kinh
vững-vàng.

Có nhà viên-ngoại họ Vương,
Gia-tư nghỉ cũng thường thường bậc
trung.





Một trai con thú rất lòng,
Vương-Quan là chủ, nổi dòng nho-gia.
Đầu lòng hai ả Tố-Nga,
Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân.

Rằng : năm Gia-tĩnh (1) triều Minh,
10. Bốn phương phảng-lặng, hai Kinh (2) vững-vàng.
Có nhà viên-ngoại (3) họ Vương,
Gia-tư nghỉ (4) cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ rớt lòng, (5)
Vương-Quan là chữ, nổi dòng nho-gia.
15. Đầu lòng hai ả Tố-Nga, (6)
Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân.



- (1) Gia-Tĩnh là niên hiệu vua Thế-Tôn nhà Minh nước Tàu (1522-1566).
- (2) Hồi ấy có hai Kinh là Nam-kinh và Bắc-kinh. Bây giờ là Bắc-bình.
- (3) Viên-ngoại là trưởng-giả, người giàu có.
- (4) Có bản chép là nghỉ, nhưng xét không có nghĩa. Nghỉ theo tiếng nói miền Thanh-Nghệ là nó, hã, ông ấy. Gia-tư là của cải trong nhà.
- (5) Rớt lòng : Vương-Quan sinh sau cùng ; con trai út.
- (6) Tố-Nga là nàng con gái đẹp, còn tơ.



Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy-dặn, nét ngài nữ-niang.
Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang ;
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.



Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần, (1)
Mỗi người một vẻ, mười phần vẹn mười. (2)
Vân xem trang-trọng khác vời, (3)
20. Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở-nang. (4)
Hoa cười, ngọc thốt (3), đoan trang ;
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da. (6)
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
25. Làn thu-thủy, nét xuân-sơn (7),
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

-
- (1) Ý nói hai chị em Kiều đẹp và quý. Cốt cách của cây mai : lịch sự, và tinh thần của tuyết : rất là trong trắng.
- (2) Mỗi người một vẻ, mà vẻ nào cũng đẹp cả.
- (3) Khác vời là khác thường.
- (4) Khuôn trăng đầy-dặn ý nói mặt như trăng tròn ; nét ngài nở-nang ý nói lông mi nhiều. Vân đẹp một cách phúc hậu, không lộng lẫy.
- (5) Thốt là nói. Đoan trang là đẹp, nèn-nếp, có bản viết : Hoa cười ngọc thuyết đoan trang.
- (6) Ý nói tóc đen mà da trắng. Mây đây là cây mây chứ không phải là đám mây.
- (7) Tình-sử có câu : **Nhãn như thu thủy, mi tựa xuân sơn** (mắt trong như nước mùa thu, lông mày tựa vệt núi mùa xuân).

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông-minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung, thương lâu bạc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương.



TRUYỆN THÚY KIỀU

Một hai nghiêng nước nghiêng thành, (1)

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai. (2)

Thông-minh vốn sẵn tính trời,

30. Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.

Cung, thương, lâu bạc ngũ-âm, (3)

Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm (4) một trương.

-
- (1) Trong bài ca của Lý-duyên-Niên có câu: **nhất cố khuyh nhân thành, tái cố khuyh nhân quốc**: nghĩa là ngoảnh lại một cái xiêu thành, ngoảnh lại cái nữa đổ nước. Ý nói người con gái đẹp quá đến đòi người ta mê để cho mất cả thành, mất cả nước.
- (2) Sắc đành đòi một: sắc của Kiều thì chỉ có một ở trên đời này. Tài đành họa hai: tài của Kiều thì họa may ra mới có người sánh ngang với nàng.
- (3) Ngũ-âm là năm âm: cung, thương, giốc, trụ, vũ là bậc của tiếng đàn.
- (4) Hồ-cầm: đàn tỳ bà. Tích xưa có bà Chiêu Quân bị đưa đi cống cho rợ Hồ, vì bà thường đánh cây đàn tỳ bà cho nên tục gọi đàn ấy là Hồ-Cầm.



Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên « **bạc-mệnh** », lại càng nảo nhân.
Phong-lưu rất mực hồng-quần,
Xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập kê.
Êm-dềm trương rủ màn che,
Trường đông ong bướm đi về mặc ai.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Khúc nhà tay lựa nên chương, (1)

Một thiên « **bạc-mệnh** », lại càng nảo nhân. (2)

35. Phong-lưu rất mực hồng-quần, (3)

Xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập kê. (4)

Êm-dềm trưởng rủ màn che,

Tường đông ong bướm đi về mặc ai. (5)

-
- (1) Nên chương : thành ra hay. Có bản viết : nên xoang thì cũng có nghĩa vì chữ xoang là một bản đàn nhưng dùng chữ xoang nghe không được tự-nhiên. Và lại các bản cò đều viết chữ chương cả.
- (2) Một thiên bạc-mệnh : gầy đến khúc đàn tả về số phận bạc-béo của người ; lại càng nảo nhân: lại càng làm cho người nảo ruột lấm.
- (3) Hồng-quần : người con gái . Tục bên Tàu ngày xưa con gái mặc quần đỏ.
- (4) Cò lẽ con gái đến 15 tuổi thì bới tóc, cài kê (cũng giống như cái trâm) tỏ ra đã đến tuổi lấy chồng được rồi.
- (5) Ý nói là nàng con gái có nền-nếp, giữ-gìn ý tứ, cần thận, Kiều không bận tâm đến chàng trai trèo tường phía đông để ve vãn mình ; nghĩa là Kiều không hề để ý đến những chuyện trai gái gió trăng.



Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu-mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Thanh-minh, trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh.
Gần xa nô-nức yến anh,
Chị em sắm-sửa bộ-hành chơi xuân.
Đập-diu tài-tử, giai-nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.



TRUYỆN THÚY KIỀU

Ngày xuân con én đưa thoi, (1)

40. Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu-mươi. (2)

Cỏ non xanh tận chân trời, (3)

Cành lê trắng điểm (4) một vài bông hoa.

Thanh-minh, trong tiết tháng ba,

Lẽ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh. (5)

45. Gần xa nô-nức yến anh, (6)

Chị em sắm-sửa bộ-hành chơi xuân.

Đạp-diu tài-lử, giai-nhân,

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm. (7)

(1) Ngày xuân qua mau như cái thoi dệt. Cái thoi thường làm bằng gỗ đẽo giống hình con chim én.

(2) Mỗi mùa 3 tháng tức 90 ngày. Mùa xuân có 90 thiều quang. Ngoài 60 tức là đã sang tháng ba rồi.

(3) Có bản viết ; xanh rợn chân trời.

(4) Có bản viết : trang điểm. Nhưng trắng điểm mới đúng.

(5) Tháng ba, tiết thanh minh, người ta vừa đi tảo-mộ vừa đi du chơi. Đạp thanh là giậm chân lên cỏ xanh.

(6) Ý nói lũ trai gái vui-vẻ, ríu-rít như từng đoàn chim oanh chim yến.

(7) Các bản cũ đều viết chữ nêm nghĩa là đông người, nhưng có bản lại viết chữ nen. « áo quần như nen » ý nói áo quần nhiều như cỏ nen. Nhưng áo quần mà đem ví với cỏ nen nghe không được thanh-nhã.



Ngôn-ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng hồ rắc, tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ-thần đan tay ra về.

Bước lần theo ngọn tiêu-khê,
Lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.
Nao-nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè năm đất bên đường,
Dàu-dàu ngọn cỏ, nửa vàng, nửa xanh.



TRUYỆN THÚY KIỀU

- Ngôn-ngang gò đống kéo lên, (1)
50. Thoi vàng hồ rặc, (2) tro tiền-giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây, (3)
Chị em thơ-thần, dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiều-khê, (4)
Lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.
55. Nao-nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh (5) bắc ngang.
Sè sè nắm đất lên đường, (6)
Dàu-dàu (7) ngọn cỏ, nửa vàng, nửa xanh.

-
- (1) Có bản viết : gò đống cầu liên. Có nghĩa nhiều gò đống liên như cầu.
(2) Có bản viết là vàng-vó. Vàng hồ là vàng giấy. Tiết thanh-minh, người đi lễ mộ thường rất vàng hồ và đốt tiền-giấy.
(3) Ý nói trời chiều.
(4) Dòng suối nhỏ.
(5) Có bản viết : cuối ruênh . . .
(6) Tà cái buồn của một ngôi mộ lẻ-loi.
(7) Có bản viết : rầu-rầu ngọn cỏ...

Răng : « Sao trong tiết Thanh-minh,
« Mà dây hương-khói vắng tanh thế mà? »





Vương-Quan mời dẫn gần xa :
« Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi.
Nổi danh tài sắc một thì,
« Xôn-xao ngoài cửa, thiếu gì yến-anh.



« Phận hồng-nhan có mong-mạnh,
« Nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên-hương.
« Có người khách ở viễn phương,
« Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.

- Rằng : « Sao trong tiết Thanh-minh,
60. « Mà đây hương-khói vắng tanh thế mà » ? (1)
Vương-Quan mới dẫn gần xa :
« Đạm-Tiên nằng ấỵ xưa là ca-nhi. (2)
« Nồi danh tài sắc một thì,
« Xôn-xao ngoài cửa, thiếu gì yến-anh. (3)
65. « Phận hồng-nhan có mong-mạnh,
« Nửa chùng xuân, thoát gẫy cành thiên-hương. (4)
« Có người khách ở viễn phương,
« Xa nghe cũng nức tiếng nằng tìm chơi.

-
- (1) Vắng tanh thế mà ; có bản viết : vắng tanh thế này, lời
văn không được mạnh và không hợp văn.
- (2) Người đàn hát, ca xướng.
- (3) Có bản viết : hiếm gì yến-anh.
- (4) Thiên-hương : mùi thơm của Trời. Cành thiên-hương
tức là cành hoa thơm, nói ví với phẩm giá của người
mỹ-nhân có sắc đẹp lộng-lẫy.



« Thuyền tình vừa ghé đến nơi,
« Thì đã trăm gãy binh rơi bao giờ !
« Buồng không lạnh ngắt như tờ,
« Dầu xe ngựa đã rêu lò-mờ xanh.



« Khóc-than khôn biết sự tình,
« Khéo vô duyên bấy là mình với ta!
« Đã không duyên trước chẳng mà,
« Thì chi chút ước gọi là duyên sau.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Thuyền tình vừa ghé đến nơi,
70. « Thì đã trâm gãy (1) bình rơi bao giờ !
« Buồng không lạnh ngắt như tờ, (2)
« Dấu xe ngựa đã rêu lờ-mờ xanh.
« Khóc-than khôn xiết sự tình,
« Khéo vô duyên bấy (3) là mình với ta !
75 « Đã không (4) duyên trước chẳng mà,
« Thi chi chút ước (5) gọi là duyên sau.

-
- (1) Trâm gãy bình rơi là người đã chết, mấy chữ này để dùng riêng cho những người phụ-nữ. Có bản viết : Thì đã hoa gãy : ý tứ rất đúng với câu thơ Đường « **nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn, bình trâm hoa chiếc dĩ đa thời** » nghĩa là thuyền tình mới đến bờ, bình đã chìm, cành hoa đã gãy tự bao giờ.
- (2) Tờ là tờ giấy. Đây chỉ sự bình-tĩnh không xôn-xao chẳng khác chi sự bằng-phẳng của tờ giấy đã trải, không gợn lên một tiếng động. Tiếng Việt có câu « im như tờ ».
- (3) Có bản viết :... vô duyên mấy, hoặc vô duyên mới : đều không đúng. Bản cũ dùng chữ bấy nghe mạnh-mẽ và đúng hơn.
- (4) Có bản viết : Đã đành...
- (5) Có bản viết : Thì xin chút ước... hoặc thì chi chút đỉnh, nhưng cả hai đều không đúng vì các bản cũ đều viết : Thì chi chút ước...

« Sấm-sanh nếp tử, xe châu,
« Vùi nông một năm, mặc dầu cỏ hoa.
« Trái bao thổ lặn, ác tà,
« Ấy mờ vô chủ, ai mà viếng thăm! »





Lòng đau sẵn mới thương tâm,
Thoắt nghe, Kiều đã dầm-dẫm châu sa :

« Đau-dớn thay, phận đàn-bà !

« Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Sắm-sanh nếp tử, xe châu, (1)

« Vui nông (2) một năm, mặc dầu cỏ hoa.

Trái bao thỏ lặn, ác tà, (3)

80. « Ấy mờ vô chủ, ai mà viếng thăm ! »

Lòng đau sẵn mối thương tâm,

Thoắt nghe, Kiều đã đầm-đầm châu sa : (4)

« Đau-đớn thay, phận đàn-bà !

« Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.

-
- (1) Nếp tử là cái áo quan, quan tày ; xe châu là cái linh xa trang điểm bóng lảnh như hạt châu. Đây là nói người khách viễn-phương làm lễ táng cho Đạm-Tiên rất trọng thể chu đáo. Có bản viết : xe trâu ý nói là xe trâu kéo nhưng hơi tục.
- (2) Vui nông ; ý nói khi chôn vui xong rồi bị bỏ-roi không ai tưởng nhớ đến. Có bản viết : Bụi hồng một năm có ý nói cái mả chôn ở bên đường.
- (3) Thỏ là ngọc thỏ tức mặt trăng, ác là Kim-ô tức mặt trời. Ý nói hết đêm lại ngày, mà ngày ấy qua ngày khác.
- (4) Châu sa là nước mắt rơi xuống. Chữ Châu mà dịch là nước mắt là do nơi sự tích xưa kể rằng : Đời thượng-cồ có một giống người ở dưới biển Nam-hải cứ mỗi năm lên bờ buôn bán với người miền duyên-hải và cứ đến cuối năm thì khóc-lóc thắm-thiết đề từ biệt những người quen đặng trở về thủy-động. Những giọt nước mắt chảy ra lại hóa thành những ngọc châu và họ để lại tặng người quen ; vì lẽ đó người ta gọi châu là giọt nước mắt.

« Phũ-phàng chi bẩy Hóa-công !
« Ngày xanh mòn-mỏi, má hồng phôi-pha.
« Sống làm vợ khắp người ta,
« Khéo thay ! thác xuống làm ma không chồng !



85. « Phũ-phàng chi bẩy Hóa-công ! (1)

« Ngày xanh (2) mồn-mỏi, má hồng phôi-pha.

« Sống làm vợ khắp người ta,

« Khéo thay ! thác xuống làm ma không chồng ! (3)



- (1) Hóa-công : thợ TẠO-hóa, ý nói Trời như người thợ, sanh-sanh hóa-hóa vạn vật.
- (2) Ngày xanh bởi chữ thanh-xuân, nói về tuổi trẻ chẳng khác nào cây cỏ xanh tươi trong mùa xuân.
- (3) Làm ma không chồng : câu này thoát ở câu chữ :
« Sinh vi vạn nhân thế, tử tác vô phu quỷ »
nghĩa là : Sống làm vợ muôn người, chết làm ma không chồng ».



« Nào người phượng chạ loan chung,
« Nào người tích lục tham hồng, là ai?
« Đã không kẻ đoái, người hoài,
« Sẵn đây ta thả một vài nén hương.
« Gọi là gặp-gỡ giữa đường,
« Họa là người dưới suối vàng biết cho ».

Lầm-dầm khăn vái nhỏ to,
Sụp ngồi, vãi gặt trước mờ, bước ra.
Một vùng cỏ áy, bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một vãi bông lau.



TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Nào người phượng chạ loan chung, (1)
90. « Nào người tích lục tham hồng, (2) là ai ?
« Đã không kẻ đoái, người hoài,
« Sẵn đây ta thắp một vài nén hương.
« Gọi là gặp-gỡ giữa đường,
« Họa là người dưới tuổi vàng (3) biết cho.»
95. Lầm-dầm khăn vái (4) nhỏ to,
Sụp ngời, vài gặt (5) trước mờ, bước ra.
Một vùng cỏ áy (6), bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một vài bông lau. (7)
-

- (1) Phượng chạ loan chung : ý nói những cặp vợ chồng sung-hợp.
(2) Tích lục tham hồng : ý nói những người tiếc mùi xanh thêm mùi đỏ ; ám chỉ những người yêu mến Đạm-Tiên lúc nàng còn trẻ, đẹp. Hai câu này ngụ ý than thân phận Đạm-Tiên không được tình-nhân nghĩ đến sẵn-sóc năm mờ.
(3) Tuổi vàng bởi chữ hoàng-tuyền tức là nói chốn âm-phủ. Có sách chép rằng dưới âm-phủ có chín ngọn tuổi vàng cho nên người ta gọi âm-phủ là cửu tuyền hay là chín tuổi.
(4) Khăn vái : có bản viết : khăn-khứa.
(5) Vài gặt, có bản viết : Sụp ngời đặt cỏ... lấy tục ngày xưa thường dùng bó cỏ làm lễ tế đê rót rượu vào hay để thay nén hương.
(6) Cỏ áy là ngọn cỏ đã vàng úa đi, đây ám chỉ cánh đồng điều-hiếu âm-dạm. Có bản viết : cỏ ác.
(7) Bông lau ; có bản viết : ngọn lau.



Rút trăm sắn giắt mái đầu,
Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê-mẩn tâm-thần,
Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra.



Lại càng ủ-dột nét hoa,
Sầu tườn đứt nỗi, châu sa vẫn dài !
Vân rằng : « Chị cũng nực cười,
« Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa ! »

TRUYỆN THÚY KIỀU

Rút trâm (1) sẵn giắt mái đầu,

100. Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần. (2)

Lại càng mê-mẩn tâm-thần,

Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra. (3)

Lại càng ủ-dột nét hoa,

Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài !

105. Vần rằng : «Chị cũng nực cười,

Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa,



(1) Có bản viết : chiếc trâm...

(2) Theo điệu tứ tuyệt thì có bốn câu mà 3 câu phải vần với nhau. Có bản viết : ...tám câu bốn vần.

(3) Chẳng ra : đây không phải là chẳng đi ra mà nghĩa nó là không nghĩ ra thế nào. Vì lúc ấy Kiều đang băng-khuâng suy nghĩ vần-vơ.



« Rằng : Hồng-nhan tự nghìn xưa,
« Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu.
« Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
« Thấy người nằm đó, biết sau thế nào? »

Rằng (1) : « Hồng-nhan tự nghìn xưa,
« Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu.

« Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
110. «Thấy người nằm đó (2), biết sau thế nào ? » (3)

-
- (1) Rằng : Hồng nhan tự nghìn xưa : chữ rằng có hai nghĩa đều dùng được cả (Kiều trả lời rằng) hoặc (có câu rằng).
- (2) Thấy người nằm đó là thấy Đạm-Tiên.
- (3) Biết sau thế nào là biết thân mình về sau sẽ ra thế nào. Có bản viết : Thấy người trước đó biết sau thế nào ?

Quan rằng : « Chị nói hay sao,
« Một lời là một vận vào, khó nghe !
« Ở đây âm-khí nặng-nề,
« Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa... »





Kiều rằng : « Những đấng tài-hoa,
« Thác là thề-phách, còn là tinh-anh.
« Dễ hay tinh lại gặp tinh,
« Chờ xem, ắt thấy hiền-linh bây giờ ».

Một lời nói chưa kịp thừa,
Phúc đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
 Ào ào đổ lộc, rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.



TRUYỆN THÚY KIỀU

Quan rằng : « Chị nói hay sao,
« Một lời (1) là một vận vào, khó nghe !
« Ở đây âm-khí nặng-nề, (2)
« Bóng chiều (3) đã ngã, đậm về còn xa... »

115. Kiều rằng : « Những đấng tài-hoa,
« Thác là thể-phách, còn là tinh-anh. (4)
« Dễ hay (5) tình lại gặp tình,
« Chờ xem, ắt thấy hiển-linh bây giờ ».

Một lời nói chưa kịp thừa,
120. Phúc đầu trận gió cuốn cờ (6) đến ngay.
 Ào ào đổ lộc, rung cây,
Ở trong đường có hương bay (7) ít nhiều.

-
- (1) Có bản viết : một điều là ... có bản lại viết : một câu là...
- (2) Âm-khí là cái không-khí âm-u âm-đậm tức là nói chỗ tha ma.
- (3) Bóng chiều đã ngã : mặt trời đã khuất, xế chiều rồi.
- (4) Những người có tài chết là mất phần xác thịt chớ cái tinh danh thì vẫn còn lưu lại mãi.
- (5) Dễ hay là dễ đâu, ý nói cơ hội tốt không mấy khi được gặp.
- (6) Cuốn cờ tức là ngọn gió lốc có thể làm cho lá cờ cuốn lên.
- (7) Gió có chút hương thơm tỏ ra sự linh-hiễn của hồn Đạm-Tiên vừa huyền-bí vừa cao quý.



Đè chừng ngọn gió lẩn theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.
Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: « Này thực tinh-thành chẳng xa

« Hữu tình ta lại gặp ta,
« Chờ nề u-ẩn, mới là chị em ».
Đã lòng hiển-hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nổi thêm vài lời.





Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,
Gốc cây, lại vạch một bài cò thi.
Dùng-dăng nửa ở, nửa về,
Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần-gần.

Đè chùng ngọn gió lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.
125. Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng : « Nay thực tinh-thành (1) chẳng xa.
« Hữu tình ta lại gặp ta,
« Chớ nề u-hiễn (2) mới là chị em. »
Đã lòng hiển-hiện cho xem,
130. Tạ lòng, nàng lại nối thêm vài lời.
Lòng thơ (3) lai-lãng bồi-hồi,
Gốc cây, lại vạch một bài cổ thi. (4)
Dùng-dăng nửa ở, nửa về,
Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần-gần.

- ~~~~~
- (1) Lòng thành kết tinh lại, ý nói lòng thành đã thấy linh ứng.
- (2) U là mờ tối nói về phần người đã chết, hiễn là rõ-rệt nói về phần người hiện sống.
- (3) Lòng thơ là bụng cảm hứng muốn làm thơ; cũng như nói hứng thơ.
- (4) Cổ thi là bài thơ làm theo điệu cổ.

Trông chừng thấy một văn-nhân,
Lông buông tay khấu, bước lẫm dẫm băng.
Đề-huê lưng túi gió trắng,
Sau chân theo một vài thằng con con.





Tuyết in sắc ngựa câu đòn,
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tỵ tinh.

135. Trông chừng thấy một văn-nhân,
Lông buông tay khấu, (1) bước lằn dậm băng. (2)
 Đề.huề lưng túi gió trăng, (3)
Sau chân theo một vài thằng con con.
 Tuyết in sắc ngựa câu dòn, (4)
140. Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời. (5)
 Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.

-
- (1) Lông buông tay khấu : khấu, theo tự-điền chữ nho nghĩa là kéo con ngựa lại, không cho nó tiến lên. Đây tác-giả dùng chữ, khấu theo nghĩa cầm cương ngựa. Câu này có nghĩa là buông lỏng cương cho ngựa đi thong-thả.
- (2) Dậm băng : Dậm là một thoi đường dài 135 trượng, nghĩa rộng là một con đường rất dài. Băng là nước bị lạnh đông lại. Cả hai chữ này có nghĩa là một con đường dài và phẳng như mặt nước đông lại vậy.
- (3) Lưng túi gió trăng (lưng : voi) do nơi câu chữ nho **bán nang phong nguyệt** (nửa túi gió trăng) Đây là nói về cách đi chơi của người văn-sĩ phong-lưu, chỉ đem theo gió trăng, tức là đi tay không.
- (4) Câu là con ngựa con. Chữ dòn chưa được tường nghĩa, đây tạm cho nó nghĩa là xin đẹp.
- (5) Mùi áo nhuộm non da trời có nghĩa là mùi lam.



Hải văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh, cảnh giao.
Chàng Vương, quen mặt ra chào,
Hai Kiều e-then nép vào dưới hoa.

Nguyên người quanh-quất đầu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trăm-anh.
Nền phú-hậu, bậc tài-danh,
Văn-chương nét dất, thông-minh tinh trời.



TRUYỆN THÚY KIỀU

Hài vãn (1) lần bước dặm xanh, (2)
Một vùng như thể cây quỳnh, cảnh giao. (3)

14a. Chàng Vương, quen mặt ra chào,
Hai Kiều (4) e-thẹn nép vào dưới hoa.

Nguyên người quanh-quất đầu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm-anh. (5)

Nền phú-hậu, bậc tài-danh,
150. Văn-chương nét đất, (6) thông-minh tính trời. (7)

~~~~~  
(1) Hài vãn (hài : giầy) : giầy của người văn-nhân đi.

(2) Dặm xanh là cánh đồng cỏ xanh.

(3) Cây quỳnh cảnh giao : : Quỳnh và giao là hai thứ ngọc quý. Câu này ý nói Kim-Trọng đi trên đường mà nhờ cái vẻ đẹp của chàng nên cây cối cả vùng tăng vẻ đẹp lên, tưởng chừng cảnh lá đều bằng ngọc cả.

(4) Hai kiều là hai người con gái đẹp.

(5) Trâm anh : trâm là cái kim cài mũ vào tóc, anh là dải mũ, hai thứ này là đồ dùng của quan, nên gọi trâm anh là nhà dòng-dối thế-gia.

(6) Văn-chương nét đất : con nhà dòng-dối văn chương. Hồi ấy người ta cho là nhà nào đời đời có người học giỏi thi đỗ là nhà đó được nét đất.

(7) Thông-minh tính trời là cái tính thông-minh của trời phú cho.



Phong-tư tài-mạo tuyệt vời,  
Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.  
Chung-quanh vẫn đất nước nhà,  
Vời Vương-Quan, trước vẫn là đồng thần.



Trộm nghe thơm nức hương-lân,  
Một nền Đông-trước, khóa xuân hai Kiều.  
Nước non cách mấy buồng điều,  
Những là trộm nhớ, thăm yêu, chốc mong.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Phong-từ tài-mạo tuyết vời, (1)

Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.

Chung-quanh vẫn đất nước nhà,

Vời Vương-Quan, trước vẫn là đồng thân. (2)

155. Trộm nghe thơm nức hương-lân,

Một nền đồng-tước (3) khoá xuân hai Kiều;

Nước non cách mấy buồng điều. (4)

Những là trộm nhớ thăm yêu, chốc mòng. (5)



(1) Có bản viết : thiên tư tài mạo tốt vời.

(2) Đồng thân đây cũng nghĩa như chữ đồng song (đồng : cùng ; song : cửa sổ), có nghĩa là bạn học cùng ngồi đọc sách ở cửa sổ.

(3) Đồng-tước là chim sẻ bằng đồng. Tích lấy ở trong truyện Tam-quốc : Tào-Tháo đào sông Chương-hà, bắt được con sẻ bằng đồng, mới làm một ngôi đền đặt tên là Đồng-tước. Câu : Một nền đồng-tước, khoá xuân hai Kiều có nghĩa là hai chị em Thúy-Kiều ở nhà ít khi đi ra ngoài cho nên Kim-Trọng tuy nghe tiếng đã lâu nhưng chưa hề gặp mặt.

(4) Buồng điều : buồng đào, chỗ con gái ở. Có bản viết : buồng thêu có nghĩa là buồng người con gái thêu dệt.

(5) Chốc mòng là bấy lâu nay.



May thay giải-cầu tương phùng,  
Gặp tuần đở lá, thỏa lòng tim hoa.  
Bóng hồng nhắc thấy nẻo xa,  
Xuân lan, thu cúc, mận-mà cả hai.

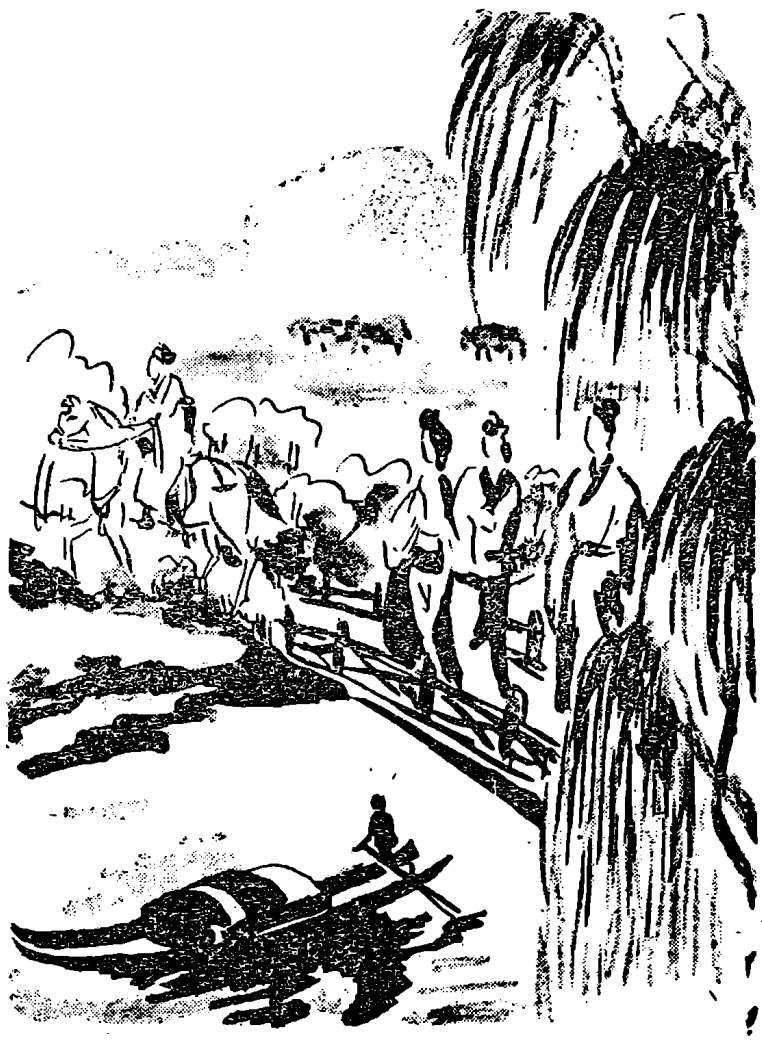


Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,  
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.  
Chập-chờn cơn tỉnh, cơn mê,  
Rõn ngời chẳng tiện, dứt về chín khôn.



May thay giải-cầu tương phùng, (1)  
160. Gặp tuần đố lá, (2) thỏa lòng tìm hoa.  
Bóng hồng (3) nhác thấy nẻo xa,  
Xuân lan, thu cúc, (4) mặn-mà cả hai.  
Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,  
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.  
165. Chập-chờn cơn tỉnh, cơn mê,  
Rốn ngời chẳng tiện, dứt về chỉ khôn. (5)

- 
- (1) Giải cầu tương phùng : tình cờ mà gặp nhau.  
(2) Đố lá là cuộc thi các thứ cây đẹp. Người đi tìm hoa, lại gặp cuộc đố lá còn may mắn nào hơn. Có bản viết : Đòi lá là cây thay lá mới, nhưng không hợp nghĩa.  
(3) Bóng hồng : cái giáng-diệu của người đàn-bà đẹp.  
(4) Hoa lan nở mùa xuân, hoa cúc nở mùa thu nhưng cả hai thứ hoa đều có vẻ đẹp tuyệt vời.  
(5) Chín khôn : vốn là khó, ý nói muốn đi về cũng khó.



Bóng tà như giục cơn buồn,  
Khách đã lên ngựa, người còn ghé theo.  
Dưới dòng nước chảy trong veo,  
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.



Kiều, từ trở gót trướng hoa,  
Mặt trời gác núi, chiêm đà thu không.  
Gương Nga chênh-chéch dòm song,  
Vàng gieo ngăn nước, cây lồng bóng sân.



Hải-đường lả ngọn đông-lân.  
Giọt sương gieo nặng, cảnh xuân la-đà.  
Một mình lặng ngắm bóng nga'  
Rộn đường gần với nổi xa bời-bời :

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Bóng tà như giục cơn buồn,  
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo. (1)

Dưới dòng nước chảy trong veo, (2)  
170. Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Kiều từ trở gót trướng hoa,  
Mặt trời gác núi, chiếu đà thu-không. (3)

Gương Nga (4) chênh-chéch dòm song,  
Vàng gieo (5) ngăn nước, cây lồng bóng sân.  
175. Hải-đường (6) lả ngọn đông-lân,  
Giọt sương gieo nặng, (7) cảnh xuân la-dà. (8)

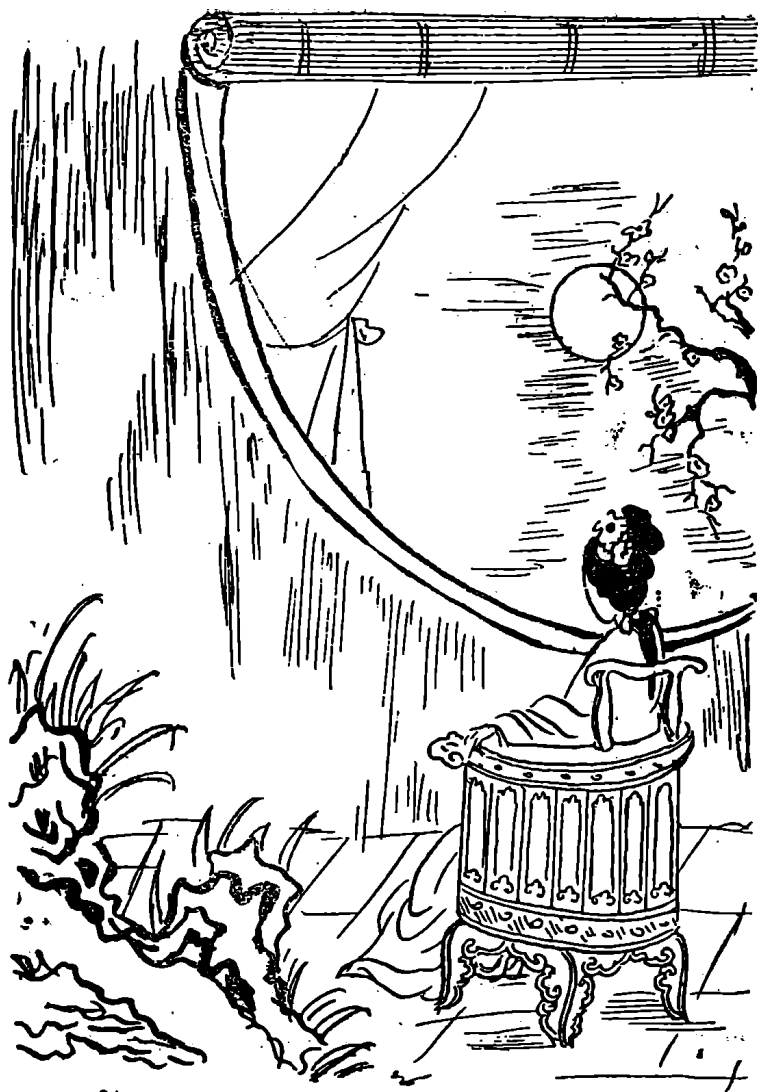
Một mình lặng ngắm bóng nga, (9)  
Rộn đường gần với nổi xa bời-bời:



- (1) Ghé theo : ghé mắt trông theo. Có bản viết : Trông theo.
- (2) Có bản viết : dưới cầu đáy nước trong veo.
- (3) Thu-không là thu ban ngày, tức là lúc bắt đầu tối.
- (4) Gương Nga là cái gương của chị Hằng tức là mặt trăng.  
Có bản viết : Gương Nga vàng-vặc đáy song.
- (5) Có bản viết : Vàng gieo đáy nước...
- (6) Hải-đường là thứ cây có hoa, đến đêm thì lả ngọn xuống.  
Đông lân là nhà lán giếng ở phía đông.
- (7) Có bản viết : cảnh sương chín nặng lấy nghĩa chữ chín là bám vào.
- (8) La-dà là thấp xuống gần đụng đất.
- (9) Bóng nga là bóng của mặt trăng. Có bản viết :  
Đăm đăm lặng ngắm bóng hoa.



« Người mà đến thế thời thôi!  
« Đòi phần-hoa cũng là đòi bỏ đi.  
« Người đau gặp-gỡ làm chi?  
« Trăm năm biết có duyên gì hay không? »



Ngồi-ngang trăm mối bèn lòng,  
Nền câu tuyết-diệu ngụ trong tỉnh-tỉnh.  
Chênh-chênh bóng nguyệt xế mảnh,  
Tựa ngồi bèn triện, một mình thiu-thiu.



Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều,  
Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân.  
Sương in mặt, tuyết pha thân,  
Sen vàng lững-dững như gần như xa.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Người mà (1) đến thế thời thôi !

180. « Đòi phồn-hoa cũng là đòi bỏ đi !

« Người dàu (2) gặp-gỡ làm chi ?

« Trăm năm biết có duyên gì hay không ? .

Ngôn-ngang trăm mối bên lòng,

Nên câu tuyệt-diệu (3) ngụ trong tính-tình.

185. Chênh-chênh bóng nguyệt xế mảnh, (4)

Tựa ngời bên triện, (5) một mình thiu-thiu.

Thoắt dàu thấy một tiểu-kiều,

Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tản.

Sương in mặt, tuyết pha thân,

190. Sen vàng lững-đứng như gần như xa.



(1) Người mà : ám chỉ Đạm-Tiên.

(2) Người dàu : ám chỉ Kim-Trọng.

(3) Tuyệt diệu : cực hay.

(4) Có bản sửa đổi câu này lại là : Buồng xuân êm rú bức mảnh.

(5) Có bản viết : Tựa làn bên triện,



Chào mừng, đón hỏi dò-la :

« Đào-nguyên lạc lối đầu mà đến đây? »

Thưa rằng : « Thanh, khí, xưa nay,

« Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên ?



« Hàn-gia ở mé tây-hiên,  
« Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.  
« Đã lòng hạ-cổ đến nhau,  
« Mấy lời hạ-tứ ném châu gieo vàng.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Chào mừng, (1) đón hỏi dò-la :

« Đào-nguyên (2) lạc lối đầu mà đến đây ?

Thưa rằng : « Thanh, khí, (3) xưa nay,

« Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên ?

195. « Hàn-gia (4) ở mé tây-hiên, (5)

« Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.

« Đã lòng hạ-cổ đến nhau,

Mấy lời hạ-tứ ném châu gieo vàng.

~~~~~  
(1) Có bản viết : Rước mừng...

(2) Đào-nguyên : hai chữ này lấy ở sự tích đời nhà Tấn có anh đánh cá tốt số nhân đi sâu vào một ngọn suối gặp rất nhiều hoa Anh-Đào đang đua nở. Y liền theo dòng nước của ngọn suối đi đến chỗ động tiên.

(3) Thanh, khí : có câu chữ rằng : **đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu** nghĩa là cùng một thanh thì hợp, cùng một khí thì thích nhau.

(4) Hàn-gia : lối nói khiêm-nhường để chỉ nhà của tôi.

(5) Tây-hiên là cánh đồng ở phía tây.



« Vàng trinh hội chủ xem tường,
« Mà xem trong sớ đoạn-trường có tên;
« Âu đành quả kiếp nhân-duyên,
« Cũng người một hội, một thuyền đầu xa !



« Này mười bài mới, mới ra,
« Câu thân lại mượn bút hoa vẽ-vời. »
Kiều vàng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm.



Xem thơ nức-nở khen thầm:
« Giá đành tú-khâu, cầm-tâm, khác thường!
« Vì đem vào tập doạn-trường,
Thì treo giải nhất, chi nhường cho ai! »

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Vàng trình hội chủ xem tường, (1)
200. « Mà xem trong sổ (2) đoạn-trường có tên. (3)
« Âu đành quả kiếp nhân-duyên, (4)
« Cũng người một hội một thuyền đầu xa !
« Đây mười bài mới, mới ra,
« Cầu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời ».
205. Kiều vàng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẩy, đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nức-nở khen thầm : (5)
« Giá đành tú-khẩu, cầm-tâm, khác thường, (6)
« Vì đem vào tập đoạn-trường,
210. « Thi treo giải nhất, chi nhường cho ai ! »



- (1) Hội chủ : ý nói người chủ hội đoạn trường-
(2) Có bản viết : mà sao trong sổ...
(3) Sổ đoạn-trường ý nói cuốn sổ có biên tên những người cam chịu sự đau-đớn khổ-sở. Đoạn trường tức là cái oạn-nghiệp dành riêng cho khách đa tình, cho người mệnh bạc.
(4) Quả kiếp nhân-duyên : thật là duyên kiếp tiền định.
(5) Xem thơ nức-nở ; Có bản viết : xem thơ nức-nởm.
(6) Tú-khẩu là miệng thêu ; cầm-tâm là lòng gấm. Câu này ý nói có tài làm văn thật hay như thêu trên gấm.

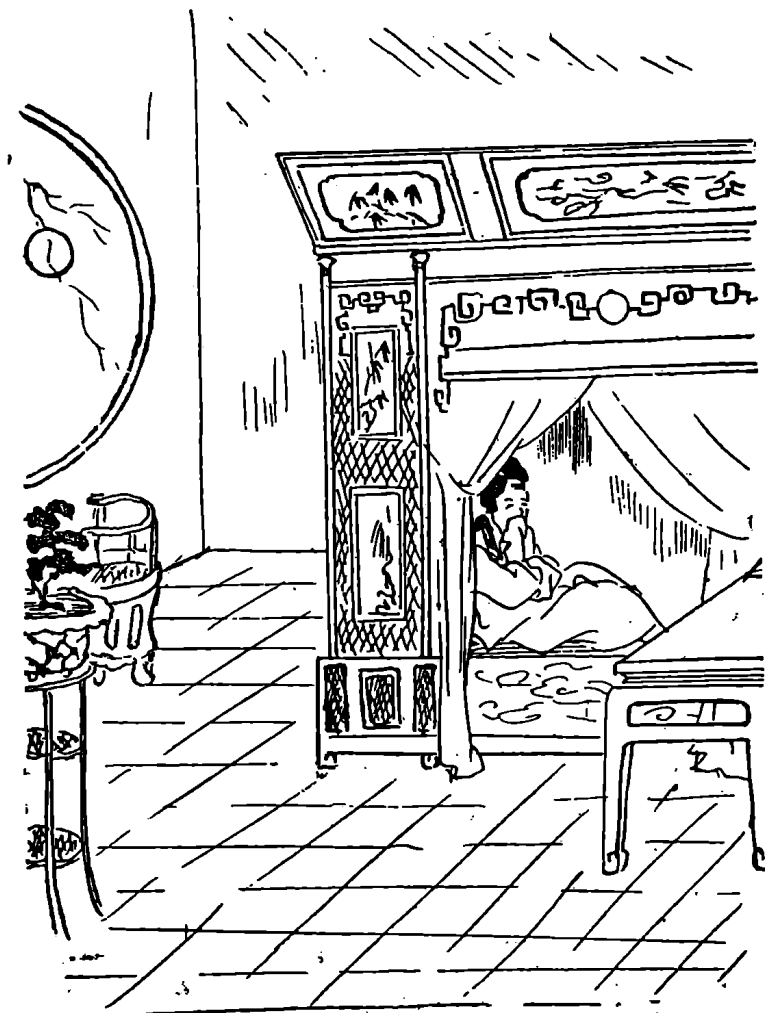


Thềm hoa, khách đã trở hải,
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đầu sịch bức màn. màn,
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.



Trông theo nào thấy đầu nào,
Hương thừa đường hãy ra vào đầu dây.

Một mình lưỡng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kính !

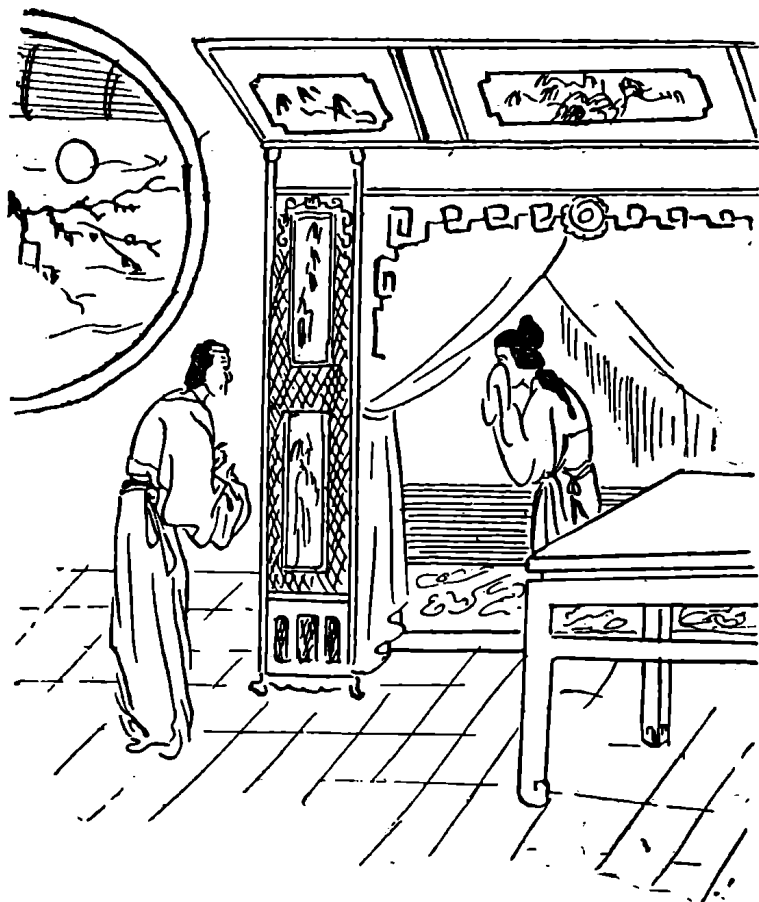


Hoa trời, bèo giạt, đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi !
Nỗi riêng lớp lớp sóng đời,
Nghĩ đời con, lại sứt-sùi đời con.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Thềm hoa, khách đã trở hài, (1)
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
 Gió đầu sịch bức màn-mành, (2)
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
215. Trông theo nào thấy đầu nào,
Hương thừa đường hây ra vào đầu đây. (3)
 Một mình lưỡng-lự canh chầy, (4)
Đường xa, nghĩ nổi sau này mà kinh !
 Hoa trôi, bèo giạt, đã đành, (5)
220. Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi !
 Nổi riêng lớp lớp sóng đời,
Nghĩ đời cơn, lại sực-sùi đời cơn. (6)

-
- (1) Hài là giày đi.
(2) Có bản viết : gió đầu khua...
(3) Đạm-Tiên đã đi rồi mà mùi hương thơm hây còn phảng-phất dư-âm.
(4) Lưỡng-lự : Suy-nghĩ phân vân. Canh chầy : đêm dài.
(5) Hoa trôi, bèo giạt : ý nói số kiếp chìm-nổi long-dong không ngừng.
(6) Đời cơn : nhiều lần.



Giọng Kiều rền-rĩ trường loan,
Nhà huyền chợt tỉnh, hỏi : « Can-cớ gì?
« Cớ sao trần-trọc canh khuya,
« Màu hoa lê hãy dầm-đĩa giọt mưa.



Thưa rằng : « Chút phận ngày-thờ,
« Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền.
« Buổi ngày chơi mã Đạm-Tiên,
« Chợ đi, thoát thấy ứng liền chiêm-bao.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Giọng Kiều rên-rĩ trướng loan, (1)
Nhà huyên (2) chột tỉnh, hỏi : « Can-có gì ? (3)
225. « Cớ sao trần-trọc canh khuya,
« Màu hoa lê hãỵ đầm-đĩa giọt mưa ? (4)
Thưa rằng : « Chút phận ngày-thơ,
Dưỡng sinh (5) đôi nợ tóc tơ (6) chưa đền.
« Buổi ngày chơi mả Đạm-Tiên
230. Chộp đi, (7) thoắt thấy ứng liền chiêm-bao. (8)



- (1) Trướng-loan : màn có thêu chim loan.
- (2) Nhà huyên : lấy trong chữ huyên đường đề chỉ người mẹ.
- (3) Có bản viết : Nhà huyên chột tỉnh hỏi-han mội bề.
- (4) Trường-hận-ca của Bạch-cư-Dị có câu : **ngọc dung tịch-mịch lệ lan can, lê hoa nhất chi xuân đái vũ** nghĩa là mặt ngọc ủ-ê, nước mắt đầm đĩa như hoa lê mùa xuân động nước mưa. Ở đây có nghĩa là Kiều khóc.
- (5) Dưỡng sinh : Cha sinh mẹ dưỡng.
- (6) Tóc-tơ : một chút nhỏ như sợi tóc, sợi tơ.
- (7) Chộp đi : vừa mới chớp mắt đi.
- (8) Có bản viết : Nhấp đi, thoắt thấy ứng liền chiêm-bao.



« Đoạn-trường là số thể nào ?
« Bài ra thể ấy, vịnh vào thể kia.
« Cứ trong mộng-triệu mà suy,
« Thân con thôi có ra gì mai sau! »



· Dạy rằng : « Mộng-huyền cứ đâu ?
« Bồng không mua nãi chuốc sâu, nghĩ nao ! »
Vâng lời khuyên-giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương.

« Đoạn-trường là số thế nào ?

« Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.

« Cừ trong mộng-triệu (1) mà suy,

« Thân con thôi có ra gì mai sau ! »

235. Dạy rằng : (2) « Mộng-huyền cứ đâu ?

« Bỗng không mua nã chuốc sầu, nghĩ nao ! » (3)

Vâng lời khuyên-giải thấp cao,

Chưa xong điều nghĩ, (4) đã dào mạch Tương. (5)

~~~~~  
(1) Mộng triệu là điềm thấy trong mộng.

(2) Có bản viết : Dạy rằng : « mộng-ảo chắc đâu » ?

(3) Nghĩ nao : Nghĩ lại xem nào.

(4) Chưa xong điều nghĩ : Đang còn nghĩ phân-vân chưa biết thế nào.

(5) Mạch tương là nước mắt. Ngày xưa vua Thuấn đi tuần thú đến bờ sông Tương thì mất. Hai vợ của vua là Nga-Hoàng và Nữ-Anh cùng khóc thê-m-thiết cho nên người ta thường lấy chữ tương mà ví nước mắt đàn bà. Ý câu này nói Kiều chưa nghĩ thấu đáo điềm mộng mà đã nhớ đến chàng Kim-Trọng.



Ngoài song thỏ.thê oanh vàng,  
Nách tường bóng liễu bay sang láng-giềng.  
Hiên tà gác bóng nghiêng-nghiêng,  
Nổi riêng,riêng chạnh tắc riêng một mình.



Cho hay là giống hữu tình,  
Đổi gỗ mối tơ-mành cho xong!  
Chàng Kim từ lại thư-song,  
Nỗi nằng canh-cánh bên lòng biếng khuấy.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng,  
240. Nách tường (1) bóng liễu bay sang láng-giềng.  
Hiên tà gác bóng nghiêng-nghiêng, (2)  
Nỗi riêng, riêng chạnh (3) tác riêng một mình.  
Cho hay là giống hữu tình, (4)  
Đố ai gỡ mối tơ-mành (5) cho xong ! (6)  
245. Chàng Kim từ lại thư-song, (7)  
Nỗi nàng canh-cánh bện lòng biếng khuấy. (8)



- (1) Có bản viết : Nách tường bông liễu bay ngang trước  
mành ; nhưng không đúng văn.
- (2) Bóng mặt trời gác xế trên mái hiên.
- (3) Riêng chạnh là riêng chịu.
- (4) Hữu-tình : đây là đa tình.
- (5) Tơ mành : Sợi tơ nhỏ mong-manh.
- (6) Đố ai gỡ mối tơ-mành cho xong : câu này có nghĩa là sợi  
tơ tình tuy nhỏ bé mong-manh nhưng khi đã vướng đố  
ai gỡ cho ra.
- (7) Thư song : Phòng đọc sách.
- (8) Có bản viết : ... bên lòng khôn khuấy.



Sầu đông càng lúc càng dày,  
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê!  
Mây tản khóa kín song the,  
Bụi hồng lẻo-đẻo đi về chiêm-bao.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Sầu đông càng lắc càng đầy, (1)  
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê ! (2)  
Mây tần khóa kín song the, (3)  
Bụi hồng lẻo-đẻo (4) đi về chiêm-bao.  
Tuần (5) trăng khuyết, đĩa dầu hao,  
Mặt mơ-tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.  
Buồng vắng hơi lạnh như đồng,  
Trúc se ngọn thỏ (6) tơ chùng phím-loan.

- ~~~~~
- (1) Câu này nghĩa là cái lòng sầu của con người chẳng khác chi cái dậu dề đông gạo. Càng lắc cái dậu thì gạo càng tràn ra ngoài, ý nói lòng sầu càng bị xúc động càng lên nhiều mãi không tài nào vơi được.
- (2) Dồn ba thu vào một ngày, ý nói ngày buồn thì bao giờ cũng hóa ra ngày dài ghê.
- (3) Mây tần là mây đẹp như người con gái. Song the là cửa sổ có treo màn tre.
- (4) Có bản viết : bóng hồng liệu nẻo...
- (5) Có bản viết : Vầng trăng khuyết...
- (6) Trúc-se ngọn thỏ : Bút (làm bằng trúc) dề lâu không viết, ngòi (làm bằng long thỏ) khô như se lại. Có bản viết : Trúc se ngón thỏ : ý nói ngón tay không bấm vào ống sáo.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Mành tương phơn-phớt gió đàn, (1)  
Hương gày mùi nhớ, trà khan giọng tình. (2)  
« Ví chẳng (3) duyên nợ ba-sinh, (4)  
« Thì chi đem thối khuyh-thành trêu người » ? (5)  
Bặng-khuàng nhớ cảnh, nhớ người,  
260. Nhớ nơi kỳ-ngộ vợi đời chân đi. (6) ·  
Một vùng cỏ mọc xanh rì,  
Nước ngâm (7) trong vắt, thấy gì nữa đâu !  
Gió chiều như gọi cơn sầu,  
Vi-lô (8) hiu-hắt như màu gọi-trêu.

---

- (1) Mành tương : Bức mành-mành. Gió đàn : Gió mát như đàn.
- (2) Mùi hương thơm làm nhớ Kiều thêm, (chớ không khuây), nước trà làm khan giọng thêm.
- (3) Ví chẳng tức là ví chẳng.
- (4) Người xưa tin rằng : Có duyên số vợ chồng với nhau tức là có nợ-nần với nhau, kiếp này không trả được cho nhau thì kiếp sau phải trả, đến ba kiếp không trả được mới thôi. **Duyên nợ ba sinh** : duyên nợ ba kiếp, ý nói duyên nợ vợ chồng với nhau.
- (5) Ví chẳng phải duyên kiếp tiền định thì trời đem người tuyệt sắc trêu khách đa tình làm gì ?
- (6) Nhớ Kiều, Kim-Trọng vợi đi đến chỗ gặp ngày trước.
- (7) Nước ngâm : nước lặng.
- (8) Vi-lô : Cây lau.



Nổi riêng nhờ ít, tưởng nhiều,  
Xăm-xăm dè nẻo Lam-Kiều lần sang. (1)  
Thâm-nghiêm, kín cổng, cao-tường,  
Cạn dòng lá thắm, (2) dứt đường chim xanh.  
Lơ-thơ lơ liễu buông mảnh,  
270. Con oanh (3) học nói trên cành mĩ-mai.  
Mấy lần cửa đóng, then cài,  
Đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu ?  
Tần-ngần đứng suốt giờ lâu,  
Đạo quanh, chợt thấy mái sau có nhà.  
Là nhà Ngô-Việt thương-gia, (4)  
Buồng không để đó, người xa chửa về.

~~~~~  
(1) Lam kiều : Chỗ ở của người đẹp, ý nói nhà Kiều.

(2) Lá thắm : Lá đỏ. Do tích : Đời Đường, Vu-Hựu bắt được một cái lá đỏ từ trong cung vua trôi ra, trong lá có đề một bài thơ. Vu-Hựu cũng lấy một cái lá đề thơ họa lại, rồi thả xuống sông. Lá trôi vào cung, cung-nữ Hàn-thúy-Tần lại bắt được lá thơ họa lá thơ của mình. Sau nhờ có sự thả cung-tần, tình-cờ Vu-Hựu lại lấy được Hàn-thúy-Tần, lúc ấy mới biết lá đỏ đề thơ trước kia là của nàng. Cạn dòng lá thắm : Ý nói không có đường thông-tin với Kiều. Chim xanh : Ý nói người đưa tin.

(3) Con oanh : chim oanh là một thứ chim nhỏ long rần thường hát ở trong bụi cây.

(4) Ngô-Việt thương gia : Nhà buôn nay ở nước Ngô, mai ở nước Việt, ý nói đi buôn bán nay đây, mai đó.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Lấy điều du-học, hỏi thuê,
Túi đàn, cặp sách, dề-hề dọn sang. (1)
Cố cây, cố đá, sẵn-sàng, (2)
280. Cố hiên Lãm-Thúy, nét vàng chưa phai. (6)
Mừng thầm chốn ấy chữ bài.
Ba-sinh âu hẳn duyên trời chi đây!
Song hồ nửa khép cánh mây, (3)
Tường đông (4) ghé mắt, ngày ngày hằng trông.
Tắc gang động khóa nguồn phong, (5)
Tịt mù nào thấy bóng hồng (6) vào ra.
Những từ quán khách lân-la, (7)
Tuần trăng thắm-thoắt nay đã thêm hai,
Cách tường phải buổi êm trời,
290. Dưới đào dường có bóng người thướt-tha.

-
- (1) Đề huề : đeo theo, đem theo.
(2) Cố đá : Cố đá non-bộ.
(3) Cố biển gọi là « Lãm-thúy-Hiên » mà nét chữ vàng trên tấm biển chưa phai màu.
(4) Song hồ : Cửa sò dán giấy hồ.
(5) Tường đông : Nhà hàng xóm ở phía trước mặt, trở nhà Kiêu.
(6) Cách nhau chỉ trong gang tắc mà tịt-mù chẳng thấy bóng dáng đâu, khác nào như nàng bị khóa chặt trong động tiên.
(7) Quán khách : Nhà trọ.
(8) Quán khách : Nhà trọ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Buông cầm, xốc áo, vội ra,
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.

Lần theo tường gấm dạo quanh, (1)
Trên đào nhác thấy một cành kim-thoa.

Giơ tay với lấy về nhà :

« Đây trong khuê-các, (2) đâu mà đến đây ? »

« Ngẫm âu người ấy, báu này,

« Chẳng duyên, chưa dễ vào tay ai cầm ! »

Liên tay ngắm-nghía, biếng nằm,

300. Hễ còn thoang-thoảng hương trầm chưa phai.

Tan sương đã thấy bóng người,

Quanh tường ra ý tìm-lời ngẩn-ngờ.

Sinh (3) đà có ý đợi chờ,

Cách tường lên tiếng xa đưa ước lòng :

« Thoa này bắt được hừ không, (4)

« Biết đâu Hợp-Phố mà mong châu về ? » (5)

(1) Tường gấm : Tường gạch có vẽ hoa.

(2) Khuê-các : Phòng kín của hạng phụ-nữ giàu sang, quyền quý.

(3) Sinh : Kẻ sĩ (người có học), trỏ Kim-Trọng.

(4) Hừ không : Tự nhiên, tình-cờ.

(5) Quận Hợp-Phố thuộc đất Giao-Châu (nước Nam ta), xưa ở đây có rất nhiều ngọc trân-châu. Đây ý nói muốn trả chiếc kim-thoa nhưng biết của ai mà trả.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia :

« Ôn lòng quân-tử sá gì của rôi,

« Chiếc thoa nào (1) của mấy mui,

310. « Mà lòng trọng nghĩa, khinh tài, xiết bao ! »

Sinh rằng : « Lân-lý ra vào, (2)

« Gần đây, nào phải người nào xa-xôi,

« Được rày nhờ chút thơm rôi,

« Kể đà thiếu-não lòng người bấy nay ! (3)

« Bấy lâu mới được một ngày,

« Dừng chân, gạn chút niềm Tây gọi là. » (4)

Vội về thêm lấy của nhà,

Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vương.

Thang mây (5) rón bước ngọn tường,

320. Phải người hôm nọ rõ-ràng, chẳng nhe ? (6)

Sượng-sùng giữ ý rụt-rè,

Kẻ nhìn tỏ mặt, người e cúi đầu.

~~~~~  
(1) Có bản viết : Chiếc thoa là.

(2) Lân-lý : Hàng xóm, xóm giềng.

(3) Não lòng mong đợi bao lâu, nay mới được chút thơm rôi của nàng.

(4) Gạn : hỏi. Niềm tây : Niềm tư, niềm riêng, ý nghĩ riêng.

(5) Thang mây : Thang cao.

(6) Có phải là người gặp hôm nọ chẳng ?

---

## TRUYỆN THÚY KIỆU

---

- Rằng : « Từ ngẫu-nhĩ gặp nhau, (1)  
« Thăm trông, trộm nhớ, bấy lâu đã chồn. (2)  
« Xương mai, (3) tinh đã gầy mòn,  
« Lăn-lừa, ai biết hầy còn hôm nay!  
« Tháng tròn như gửi cung mây, (4)  
« Trần-trần ôm phận ấp cây đã liễu! (5)  
« Tiện đây xin một hai điều,  
330. « Đãi gương soi đến dấu bèo (6) cho chẳng » ?  
Ngần-ngừ, nàng mới thưa rằng :  
« Thói nhà băng tuyết, (7) chất hăng phi-phong, (8)

(1) Ngẫu nhĩ : Tình-cờ, ngẫu-nhiên.

(2) Chồn : Mỏi-mệt.

(3) Xương mai : Gầy ốm như cành mai. Ý nói tương-tửu bấy lâu làm gầy mòn.

(4) Suốt tháng tâm-hồn như gửi trên cung tiên.

(5) Ấp cây : Ôm ấp cây cột cầu. Ngày xưa Vi-Sinh hẹn với người con gái gặp nhau ở chân một cái cầu. Nhưng đợi mãi, nàng không đến. Khi nước dâng lên, Vi-Sinh cũng cứ ôm cột cầu chịu chết. Câu này ý nói Kim-Trọng đã định liễu như Vi-Sinh, đợi Kiêu cho đến chết.

(6) Dấu bèo : Ý nói phận nhỏ-mọn như bèo-bọt (lời nói khiêm, tự hạ).

(7) Thói nhà băng tuyết : Ý nói thói nhà nề-nếp trong sạch.

(8) Chất hăng phi-phong : Chất ăn thường dùng là rau phi, rau phong. Ý nói quê mùa, nghèo nàn (nói khiêm).

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- « Dù khi lá thắm, chỉ hồng, (1)  
« Nền chẳng thi cũng tại lòng mẹ cha.  
• Nặng lòng xót liễu, vì hoa,  
• Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thừa !,  
Sinh rằng : • Rày gió, mai mưa,  
• Ngày Xuân đã dễ tình-cờ mấy khi !  
• Dù chẳng xét tâm tình-si,  
340. • Thiệt đây, mà có ích gì đến ai ?  
• Chút chi gấn-bó một hai, (2)  
• Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối-manh.  
• Khuôn thiêng (3) dù phụ tặc thành,  
• Cũng liều bỏ quá xuân-xanh một đời.

---

(1) Chỉ hồng : tơ hồng ; nhân-duyên vợ chồng. Do điển : Vi-Cổ một hôm vào chùa. gặp một ông già đọc sách dưới trãi;g bên mình có một cái túi đựng chỉ hồng. Vi-Cổ hỏi ông lão, ông liền trả lời : Sách ấy là sách Hôn-thư ghi tên những người phải làm vợ chồng với nhau ; còn chỉ hồng để buộc chân trai gái lấy nhau. Chỉ này một khi đã buộc rồi thì thân, thù, quý, tiện thế nào cũng phải ở với nhau. Ông già ấy xe dây cho Vi-Cổ lấy một đứa con gái nghèo khổ, bần-thiêu, rách-rưới... Vi-Cổ tức giận tìm cách giết cô con gái để khỏi lấy vợ nghèo hèn, nhưng rốt cuộc Vi-Cổ cũng phải lấy nàng ấy làm vợ.

(2) Ước hẹn gấn-bó nhau một vài lời thì có hề chi đâu.

(3) Khuôn thiêng : Trời. Tặc thành : Tặc lòng thành thật yêu Kiều.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Lọng xuân (1) dù quyết hẹp-hòi,  
• Công đeo đuổi chẳng thiết-thời lằm ru ! .  
Lặng nghe lời nói như ru,  
Chiều xuân (2) dễ khiến, nét thu ngại-ngùng. (3)  
Rằng : « Trong buổi mới lạ-lùng,  
350. • Nề lòng, có lẽ cầm lòng cho đang !  
• Đã lòng quân-tử đa-mang,  
• Một lời, vâng tạc đá vàng thủy-chung. » (4)  
Được lời như cỏi tấm lòng,  
Giở kim-thoa với khăn hồng, trao tay.  
Rằng : • Trăm năm cũng từ đây, (5)  
• Cửa tin, gọi một chút này làm ghi. »  
Sẵn tay khăn gấm, quạt qui, (6)  
Với cảnh thoa ấy, tức thì đổi trao.  
Một lời gấn-bó tất-giao, (7)  
360. Mãi sau dường có xôn-xao tiếng người.
- 

- (1) Lọng xuân : Lọng của người yêu, đây là lọng của Kiều.  
(2) Chiều xuân : Về xuân-tình. Nét thu : Nét thu ba.  
(3) Nét thu ngại-ngùng : Về xuân-tình dào-dạt trong lòng khiến-cặp mắt Kiều ngưng ngưng e-thẹn.  
(4) Thủy chung : Trước sau, nghĩa là trước sau không thay đổi.  
(5) Trăm năm : Cuộc nhân-duyên một đời.  
(6) Quạt qui : Quạt có khảm vàng qui.  
(7) Tất-giao : Keo và sơn, ý nói gấn-bó chặt-chẽ.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Vội-vàng lá rụng, hoa rơi, (1)  
Chàng về viện-sách, nàng dời lầu-trang. (2)  
Từ phen đá biết tuổi vàng, (3)  
Tình càng thắm-thía, dạ càng ngần-ngợ.  
Sông Tương một giải nông-sờ,  
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia: (4)  
Một tường tuyết diễm sương che, (5)  
Tin xuân đầu dễ đi về cho nắng. (6)

- (1) Cả hai vội vàng bỏ chạy, đụng vào cây làm lá rụng hoa rơi.
- (2) Viện-sách : Phòng đọc sách. Lầu-trang : Lầu diễm trang.
- (3) Đề biết tuổi vàng non hay già, người ta cạo vàng vào một thứ đá cuội đen để xem màu đá rồi định tuổi vàng cao thấp. Đá ấy gọi là đá thử vàng. Đây ý nói Kim-Trọng đá thân mật Kiều như đá biết tuổi vàng.
- (4) Câu này thoát ý ở câu thơ trong Tình-Sử : **Quân tại Tương giang đầu, thiếp tại Tương giang vĩ, tương tư bất tương kiến, dòng ả Tương giang thủy** nghĩa là : Chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, nhớ nhau mà không thấy mặt, cùng uống nước sông Tương. Nông-sờ : Cạn trông thấy lòng sông. Ý nói hai bên chỉ cách nhau một con sông nông-cạn mà chẳng được gặp nhau.
- (5) Cách nhau có một bức tường, mà như tuyết sương ngăn-trở, xa-xôi lắm.
- (6) Tin xuân : Tin của người yêu.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Lần-lần ngày gió đêm trăng,  
370. Thưa hồng, rậm lục, (1) đã chùng xuân qua. (2)  
Vừa ngày sinh-nhật ngoại-gia,  
Trên hai đường, (3) dưới nữa là hai em.  
Tung-bùng sấm-sửa áo xiêm,  
Biện dăng một lễ, xa đem tấc thành. (4)  
Nhà lan thanh-vắng một mình,  
Ngẫm cơn hội-ngộ đã đành hôm nay.  
Thì-trân thức-thức sẵn bày, (5)  
Gót sen thoăn-thoắt dạo quanh mái tường.  
Cách hoa, khẽ dặng tiếng vàng, (6)  
380. Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông.  
« Trách lòng hờ-hững với lòng,  
« Lửa hương (7) chốc để lạnh-lùng bấy lâu.

- 
- (1) Thưa hồng : Màu hoa đỏ ít đi. Rậm lục : Màu lá xanh thêm lên.  
(2) Đã chùng xuân qua : Mùa xuân đã tàn.  
(3) Hai đường : Tức là song đường nghĩa là cha, mẹ.  
(4) Biện dăng một lễ : Sấm-sửa lễ vật dâng.  
Xa đem tấc thành : Đem tấc lòng thành-kính qua họ ngoại ở xa.  
(5) Thì-trân : Hoa quả đương mùa.  
(6) Tiếng vàng : Ý nói tiếng trong trẻo như tiếng chuông vàng.  
(7) Lửa hương : Tình vợ chồng. Ngày xưa, mỗi khi làm lễ thề-ước với nhau, người ta thắp đèn, đốt hương. Do đó, người ta dùng tiếng lửa hương (đèn hương) để nói việc vợ chồng.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Những là đắp nhớ đồi sầu, (1)  
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm ». (2)  
Nàng rằng ; Gió bắt, mưa cầm,  
• Đã cam tộ với tri-âm bấy chầy.  
« Vắng nhà, đợc buổi hôm nay,  
« Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng ».  
Lần theo núi giả (3) đi vòng,  
390. Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.  
Xắn tay mở khóa động đào, (4)  
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-Thai. (5)  
Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,  
Bên, lời vạn-phúc, bên, lời hàn-huyên. (6)

- 
- (1) Đắp nhớ đồi sầu : Hết nhớ lại sầu, hết sầu lại nhớ.  
(2) Hoa râm : Hoa cây râm, sắc trắng. Vì dầm tuyết dải sương mà mái tóc lốm-dốm bạc.  
(3) Núi giả : Núi non-bộ.  
(4) Động đào : Động đào-nguyên tức là động tiên.  
(5) Rẽ mây : Đây là rẽ lá, gai. Thiên-thai : Động Thiên-thai. Ngày xưa Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu cùng đi hái thuốc, lạc vào động Thiên-Thai là nơi tiên ở, rồi kết duyên với tiên. Lâu ngày nhớ nhà, xin về thăm, nhưng khi trở lại động thì cửa động đã bị lấp.  
(6) Lời vạn phúc : Lời chào chúc vạn phúc của đàn-bà hay dùng ; Lời hàn-huyên : Lời hỏi thăm nhau.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Sánh vai về chốn thư hiền,

Góp lời phong-nguyệt, nặng nguyên non sông. (1)

Trên yên, bút-giá thi-dồng, (2)

Đạm-thanh một bức tranh tùng treo trên, (3)

Phong sương được vẽ thiên-nhiên, (4)

400. Mặn-mà nét bút, càng nhìn càng tươi.

Sinh rằng : « Phác-họa vừa rồi,

• Phàm đề, xin một vài lời thêm hoa. » (5)

Tay tiên (6) gió táp, mưa sa,

Khoảng trên, dùng bút, thảo và bốn câu, (7)

Khen : « Tài nhả ngọc, phun châu,

• Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này ! (8)

- 
- (1) Lời phong-nguyệt : Lời trăng gió, tức là lời tình tự yêu đương. Nguyên non sông : Thề-ước sông cạn đá mòn chẳng quên nhau.
  - (2) Trên bàn (yên) có giá gác bút (bút-giá) và ống đựng thơ (thi-dồng).
  - (3) Bức tranh tùng màu xanh lợt (đạm thanh) treo trên bàn học.
  - (4) Bức tranh khéo vẽ cảnh gió sương, trông như cây tùng đứng giữa gió sương thật.
  - (5) Xin đề cho bài thơ phê-bình (phàm-đề) vào bức tranh cho tăng thêm vẻ đẹp (thêm hoa).
  - (6) Tay tiên : Tay đẹp như tay tiên.
  - (7) Viết ở khoảng trên bức tranh bốn câu thơ bằng lối chữ thảo.
  - (8) Thơ của nàng Ban, ả Tạ cũng không được hay bằng. Nàng Ban-Chiêu đời Hán, nàng Tạ-Đạo-Uần đời Tần nổi tiếng là hay chữ bậc nhất.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- « Kiếp tu xưa ví chẳng dày,  
« Phúc nào nhắc được giá này cho ngang ! » (1)  
Nàng rằng : « Trộm liếc dung quang, (2)  
410. « Chẳng sản ngọc-bội (3) cũng phường kim-môn.  
« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn, (4)  
« Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ? (5)  
• Nhớ từ năm hãy thơ-ngày,  
• Có người tương-sĩ đoán ngay một lời :  
• Anh-hoa (6) phát-tiết ra ngoài,  
• Nghìn thu bạc-mệnh, một đời tài-hoa.  
• Trông người lại ngẫm đến ta,  
• Một dày, một mỏng, biết là có nên ? » (7)

---

(1) Nhắc : Cân-nhắc. Giá : Phàm-giá.

(2) Dung-quang : Dáng người, tướng người.

(3) Ngọc bội : Đeo ngọc. Ngày xưa các bậc quân-tử đeo ngọc để tỏ mình cũng thanh-quí như ngọc.

(4) Số phận mỏng-mạnh như con chuồn-chuồn.

(5) Khuôn xanh : Trời. Có bản viết : Khuôn xanh đã biết vuông tròn mà hay.

(6) Anh-hoa : Vẻ đẹp.

(7) Người tốt số gọi là mệnh-hậu (phận dày), người xấu số gọi là bạc-mệnh (phận mỏng).

- Sinh rằng : « Giải-cấu là duyên, (1)  
420. « Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.  
« Vi-dù giải-kết đến điều, (2)  
« Thì đem vàng đá mà liều với thân ! »  
Đủ điều trung-khúc (3) ân-cần,  
Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng. (4)  
Ngày xuân ngăn chảng đầy gang,  
Trông ra, ác đã ngậm gương non đoài. (5)  
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,  
Giã chàng, nằng mới kịp dời song-sa. (6)  
Đến nhà vừa thấy tin nhà,  
30. Hai thân còn giở tiệc hoa (7) chưa về.  
Cửa ngoài vội rủ rèm the,  
Xăm-xăm băng lối (8) vườn khuya một mình.

- ~~~~~
- (1) Kinh thi có câu : **giải cấu tương ngộ, thích  
ngã nguyện hề** nghĩa là tình-cờ không hẹn mà gặp,  
thật thỏa lòng ước ao.  
(2) Ví dầu về sau có điều gì trắc-trở, không lấy nhau được.  
(3) Trung-khúc : Lời tâm-phúc.  
(4) Chén xuân tàng-tàng : Chén rượu tỏ tình-yêu đã ngà-  
ngà say.  
(5) Trông ra, mặt trời đã xế còn lấp-ló sau núi phía tây.  
(6) Song-sa : Cửa sò che vải mỏng cũng như song-the.  
(7) Tiệc hoa : Ý nói bữa tiệc sang trọng.  
(8) Có bản viết : xăm-xăm băng nẻo...

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Nhật, thưa, gương rọi dầu cành, (1)

Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh (2) hắt-hiu.

Sinh vừa tựa án thiu thiu,

Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.

Tiếng sen khê động giấc hòe, (3)

Bóng trắng đã xế, hoa lê lại gần. (4)

Bàng-khuâng đỉnh Giáp, non Thần. (5)

440. Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng.

Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường,

« Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.

---

(1) Gương rọi dầu cành : bóng trắng soi qua trên đầu ngọn cây liễu.

(2) Trướng huỳnh : buồng học.

(3) Tiếng sen : Tiếng bước đi của phụ-nữ. Giấc hòe : Đây nói giấc ngủ đầy mộng-mị của Kim-Trọng.

(4) Hoa lê : trỏ Kiều.

(5) Đỉnh Giáp non Thần : Xưa, vua Sở nằm chiêm bao thấy một thiếu-nữ tuyệt đẹp đến hầu, hỏi quê quán ở đâu, nàng đáp : Thiếp là thần-nữ ở núi Vu-Giếp, sớm làm mây, tối làm mưa. Sau vua sai lập miếu thờ nàng ở núi Vu-Giếp. Do đó, có những chữ : mây mưa non Thần, đỉnh Giáp...

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Bây giờ rõ mặt đôi ta,  
« Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ? »  
Vội mừng làm lễ rước vào,  
Đài sen (1) nối sáp, song đào (2) thêm hương.  
Tiên (3) thề cùng thảo một trương,  
Tóc mây (4) một món, dao vàng chia đôi.  
Vầng trăng vắng-vặc giữa trời,  
450. Đinh ninh hai miệng, một lời song song.  
Tóc tơ căn-vặn tắc lòng, (5)  
Trăm năm tạc một chữ đồng (6) đến xương.  
Chén hà sánh giọng quỳnh tương, (7)  
Dải là (8) hương lộn, bình gương bóng lờng. (9)

- 
- (1) Đài sen : cái đài làm theo hình hoa sen để thắp nến.  
(2) Song đào : cửa sò có trồng hoa đào.  
(3) Tiên : Giấy viết thơ.  
(4) Tóc mây : Tóc xanh như mây.  
(5) Hai bên căn-vặn nhau kỹ lưỡng từ đường tơ, kẻ tóc.  
(6) Chữ đồng : là chữ đồng-tâm.  
(7) Chén hà: Dịch chữ **hà bôi** nghĩa là chén ngọc màu vàng.  
Quỳnh tương : Đây ý nói là rượu quý.  
(8) Dải là : cái dây thắt lưng bằng là. Hương lộn là có mùi thơm lẫn-lộn bên trong.  
(9) Bình gương bóng lờng : Bóng của Kiều lờng trong tấm bình phong bằng thủy tinh.

Sinh rằng : « Gió mát trắng trong,  
« Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam ; (1)  
• Chày sương (2) chưa nện cầu Lam,  
« Sợ lẫn-khân quá, ra sòm-sỡ chẳng ? (3)  
Nàng rằng : • Hồng điệp xích thằng, (4)  
460. • Một lời cũng đã tiếng rằng tương-tri. (5)  
• Đùng điều nguyệt nọ hoa kia, (6)  
« Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai. .  
Rằng : « Nghe nổi tiếng Cầm-dài, (7)  
• Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ. »  
Thưa rằng : • Tiện-kỹ sá chi ! (8)  
• Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vàng. .

- 
- (1) Chút lòng yêu chưa được thỏa-mãn.  
(2) Chày sương : Chày ngọc để giã thuốc huyền-sương, một thứ thuốc tiên.  
(3) Lẩn-khân ; Nài-ni, đòi-hỏi. Sòm-sỡ : Không đứng-dẫn.  
(4) Hồng-diệp : Lá thắm. Xích thằng : Chỉ hồng.  
(5) Tương-tri : Biết nhau.  
(6) Nguyệt nọ hoa kia : Nguyệt hoa nọ kia, ý nói việc ăn nằm chung-chạ.  
(7) Cầm dài : Cái dài mà xưa kia Tư-Mã Tương-Như, tay chơi đàn nổi tiếng, hay ngồi gảy đàn, người ta dùng tiếng cầm dài để nói những người đàn giỏi.  
(8) Tiện-kỹ : nghề mọn (lời nói khiêm).



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Hiền sau treo sẵn cầm-trăng, (1)  
Vội-vàng Sinh đã tay nâng ngang mảy.  
Nàng rằng : « Nghề mọn riêng tây, (2)  
470. « Làm chi cho bận lòng này lắm thân ? » (3)  
So dần dây vĩ, dây văn, (4)  
Bốn giầy to nhỏ theo vần cung, thương.  
Khúc đàn Hán, Sở, chiến-trường, (5)  
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau ; (6)  
Khúc đàn Tư-Mã Phụng-Cầu, (7)  
Nghe ra như oán, như sầu, phải chăng ?  
Kê-Khang này khúc Quảng-Lãng, (8)  
Một rằng Lưu-thủy, hai rằng Hành-vân,
- 

- (1) Cầm trăng : Đòn nguyệt.  
(2) Riêng tây : Riêng tư.  
(3) Lắm thân : Lắm thay, lắm ru.  
(4) Dây vĩ, dây văn : Dây to, dây nhỏ.  
(5) Khúc đàn hùng-tráng như bài chiến-trường giữa Hán và Sở.  
(6) Tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau : Ý nói tiếng gươm, giáo... sát phạt ngoài mặt trận.  
(7) Xưa Tư-Mã Tương-Như gảy khúc « Phụng cầu hoàng » để làm xiêu lòng nàng Trác-Quên, và lấy được nàng. Ý nói khúc đàn lâm ly như khúc « Phụng cầu hoàng. »  
(8) Kê-Khang đòi nhà Tấn được tiên dạy cho khúc đàn gọi là « Quảng-lãng », gảy nghe lưu-loát như nước chảy (lưu thủy) mây bay (hành vân).

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Quá quan này khúc Chiêu-Quân,  
480. Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư-gia. (1)

Trong như tiếng hạt bay qua,  
Đục như nước suối mới sa nửa vơi.

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,  
Tiếng mau, sầm-sập như trời đổ mưa.

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,  
Khiến người ngồi đó mà ngơ-ngẩn sầu.

Khi tựa gối, khi cúi đầu,  
Khi vò chín khúc, (2) khi cau đôi mày,

Rằng : ‘ Hay thì thật là hay,  
490. ‘ Nghe ra ngâm đấng, nuốt cay thế nào !

‘ Lựa chi những bậc tiêu-tao, (3)  
‘ Dột lòng mình, cũng nao nao lòng người ? (4)

Rằng : ‘ Quen mất nét đi rồi,  
‘ Tẻ, vui, thói cũng tính trời biết sao ! (5)



(1) Chiêu-Quân là cung nhân vua đem cống cho chúa Hồ, Khi đi qua cửa quan (quá quan), nàng nhớ vua (luyến chúa), nhớ nhà (tư-gia), gảy những khúc đàn lâm-lý ai-oán.

(2) Chín khúc : Chín khúc ruột.

(3) Bạc tiêu-tao : Cung bậc buồn.

(4) Có bản viết là : hao-hao, nhưng các bản cũ đều viết nao-nao.

(5) Tính trời : Tính thiên-nhiên.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Lời vàng vàng lĩnh ý cao,  
Hoa dần-dần bớt chút nào được không. •
- Hoa hương (1) càng tỏ thức hồng,  
Đầu mày, cuối mắt, càng nồng tấm yêu. (2)
- Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,  
500. Xem trong âu-yếm có chiều lả-loi.  
Thưa rằng : Đừng lấy làm chơi,
- Rẽ (3) cho thưa hết một lời đã nao !  
« Vẻ chi một đóa yêu đào, (4)  
Vườn hồng, chi dám ngăn rào chim xanh. (5)
- Đã cho vào bực bỗ-kinh, (6)
- Đạo tông phu lấy chir trình làm đầu.

- 
- (1) Hoa hương : Hoa và hương thơm. Thức hồng : Sắc hồng.  
Ý nói người đẹp, lại có hoa, có hương thơm, sắc đẹp nổi bật lên.
- (2) Nhìn cặp mắt tình tứ, tấm tình yêu thêm nồng.
- (3) Rẽ : Rẽ ra, xê ra.
- (4) Đóa yêu đào : Đóa hoa đào non. Người ta ví người con gái như cây đào non.
- (5) Ý nói : Quý báu gì thân thiếp, mà dám ngăn cản chàng yêu đương.
- (6) Bỗ-kinh : Bỗ là bố quần, quần bằng vải ; kinh là kinh thoa trâm bằng gai. Nghĩa bóng là người vợ hiền. Do tích vợ Lương Hồng là nàng Mạnh-Quang thường mặc quần vải, cài trâm gai, tỏ ra một người vợ hiền có đức tiết kiệm. Ý câu này nói đã cho vào bực vợ chồng.

---

## TRUYỆN THỦY KIỀU

---

- Ra tường trên Bộc, trong dâu, (1)
- Thì con người ấy ai cầu làm chi !
  - Phải điều ăn xối ở thì, (2)
- 510. • Tiết trăm năm, nở bỏ đi một ngày !
  - Ngâm duyên kỳ-ngộ xưa nay,
- Lừa dối ai lại đẹp tày Thôi, Trương. (3)
  - Mây mưa (4) đánh đổ đá vàng,
- Quá chiều (5) nên đã chán-chường yến-oanh.
  - Trong khi chấp cánh, liền cành, (6)
- Mà lòng rẻ-rúng đã dành một bên !

- ~~~~~
- (1) Tường trên Bộc trong dâu : Thôi dâm đảng. Xưa nước Vệ có phong tục trai gái tụ họp nhau ở bãi dâu trên sông Bộc để hò hát, chơi đùa, và hẹn hò ái ân.
  - (2) Ăn xối ở thì : ăn ở tạm bợ.
  - (3) Thôi, Trương : tức là nàng Thôi Oanh-Oanh và chàng Trương Cung, hai vai chính trong truyện Tây Vương. Hai người cùng tốt đôi vừa lứa, phải lòng nhau, mà về sau không lấy được nhau.
  - (4) Mây mưa lấy sự tích của vua Sở Trương-Vương nằm mộng thấy thần-nữ ở núi Vu-sơn. Thần-nữ khoe rằng : Thiếp thường làm mây buổi sáng, làm mưa buổi chiều. Về sau người ta dùng tiếng mây mưa để nói về chuyện trăng hoa cho khỏi tục.
  - (5) Quá chiều : Quá trớn, quá mức.
  - (6) Chấp cánh liền cành : nghĩa bóng là sum họp không rời nhau. Do câu của vua Đường Huyền-Tôn và Dương Quý-Phi nguyện với nhau rằng : « Ở trên trời xin làm chim liền cánh, ở dưới đất xin làm cây liền cành ».

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Mái tây để lạnh hương nguyên,  
« Cho duyên dằm-thắm ra duyên bẽ-bàng.  
« Gieo thoi (1), trước chẳng giữ-giàng,  
520. « Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ?  
« Vội chi liễu ép, hoa nài,  
« Còn thân, còn một đèn-bồi có khi. » (2)  
Thấy lời đoan-chính dễ nghe,  
Chàng càng thêm nể, thêm vì mười phần.  
Bóng tà (3) vừa lạt vẻ ngân, (4)  
Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào. (5)  
Nàng thì vội trở buồng thêu,  
Sinh thì dạo gót sân đào vội ra.

- 
- (1) Gieo thoi : nghĩa bóng là cự tuyệt cái thói bõm-xòm.  
Do tích Tạ Côn gheo một người con gái đang dệt vải,  
bị người ấy cầm thoi quăng vào mặt gãy mất hai cái  
răng.
- (2) Có bản viết : Còn thân ắt cũng đèn bồi có khi.
- (3) Bóng tà : bóng lá cây.
- (4) Vẻ ngân : ánh trăng. Có bản viết : vẻ sân thì không  
đúng.
- (5) Có bản viết : Tin đâu đã gõ cửa ngăn gọi vào.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa, (1)  
530. Gia-dồng (2) vào gửi thư nhà mới sang.  
    Đem tin thúc-phụ từ-đường, (3)  
Bơ-vơ lữ-thần tha hương dề-huê, (4)  
    Liêu-Dương cách trở sơn khô, (5)  
Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang.  
    Mảng tin (6) xiết nổi kinh-hoàng,  
Bằng mình lên trước đài-trang tự tình. (7)  
    Gót đầu (8) mọi nổi đình-ninh,  
Nổi nhà tang-tóc, nổi mình xa-xôi ;  
    « Sự đầu chưa kịp đôi-hồi, (9)  
540. Duyên đầu chưa kịp một lời trao tơ. (10)  
    « Trăng thề còn đó tơ tơ,  
« Dám xa-xôi mặt mà thừa-thốt lòng.

- 
- (1) Then hoa : Then cửa. Tác-giả thêm chữ hoa cho đẹp lời văn.  
(2) Gia-dồng : Trẻ nhỏ nuôi trong nhà.  
(3) Thúc-phụ : Chú ruột. Từ-đường : bỏ nhà tức là chết.  
(4) Lữ-thần : Chết chưa chôn, còn quàn ở nơi đất khách. Dề-huê : đưa về. Cả câu : Áo-quan còn quàn nơi đất khách, nay phải đưa về quê nhà.  
(5) Sơn khô : Núi và ngòi, cũng như nói : cách trở núi sông.  
(6) Mảng tin : Thoáng nghe tin.  
(7) Đài trang : Cũng như lầu trang.  
(8) Gót đầu : Đầu đuôi, gốc ngọn.  
(9) Việc đầu xảy đến bất ngờ, chưa kịp giải-bày.  
(10) Trao tơ : Dạm hỏi, đính hôn.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- « Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông, (1)  
« Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy !  
« Gìn vàng, giữ ngọc, cho hay, (2)  
« Cho đành lòng kẻ chân mây, cuối trời ».  
Tai nghe, ruột rời bời-bời,  
Ngập-ngừng, nàng mới giải lời trước sau :  
« Ông tơ gàn quải chi nhau, (3)  
550. « Chưa vui sum-hợp, đã sầu chia-phối !  
« Cùng nhau trót đã nặng lời,  
« Dầu thay mái tóc, dám đòi lòng tơ ! (4)  
« Quản bao thág đợi, năm chờ,  
« Nghĩ người ăn gió, nằm sương, xót thắm. (5)

- 
- (1) Ngoài nghìn dặm : Đi ra ngoài xa hàng nghìn dặm đường. Chốc ba đông : Bỗng chốc phải đợi đến ba năm mới gặp nhau được.  
(2) Gìn vàng giữ ngọc : Gìn-giữ thân-thề cho trong trắng, ý nói thủ tiết đợi Kim-Trọng.  
(3) Gàn quải : Ngăn trở (tiếng đòi trước thường dùng, bây giờ không còn dùng nữa).  
(4) Dầu đến già cũng không thay lòng đòi dạ.  
(5) Ý nói : Chờ đợi bao lâu cũng không ngại, nhưng chỉ đau xót cho chàng phải dãi-dầu gió mưa.

« Đã nguyên hai chữ đồng-tâm,  
« Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. (1)  
« Còn non, còn nước, còn dài,  
« Còn về, còn nhớ đến người hôm nay ! »  
Dùng-dằng chưa nỡ rời tay,  
560. Vầng đông, trông đã đứng ngay nóc nhà.  
Ngại-ngùng một bước, một xa,  
Một lời trân-trọng, (2) châu sa mấy hàng.  
Buộc yên, quây-gánh, vội-vàng,  
Mối sầu xẻ nửa, bước đàng chia hai.  
Buồn trông phong-cảnh quê người,  
Đầu cảnh quyên nhật, (3) cuối trời nhận thừa.  
Nào người cũ gió, (4) tuần mưa, (5)  
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày.

- 
- (1) Thề suốt đời chẳng ôm đàn qua thuyền người khác nghĩa là thề không đi lấy người nào khác. Đường thi có câu : **Khẳng bả tì-bà quá biệt thuyền**, nghĩa là sao nỡ ôm đàn tì-bà sang thuyền khác.
- (2) Lời trân trọng : Lời dặn dò khi từ biệt nhau.
- (3) Quyên nhật : Con quốc kêu mau.
- (4) Cũ gió : Gió thổi từng cũ.
- (5) Tuần mưa : Mưa xuống hằng tuần. Câu này ý nói : Đáng thương thay cho chàng Kim-Trọng phải cam chịu dãi-dầu hết cũ gió này đến tuần mưa khác.





① Kim Trọng đi thuê nhà

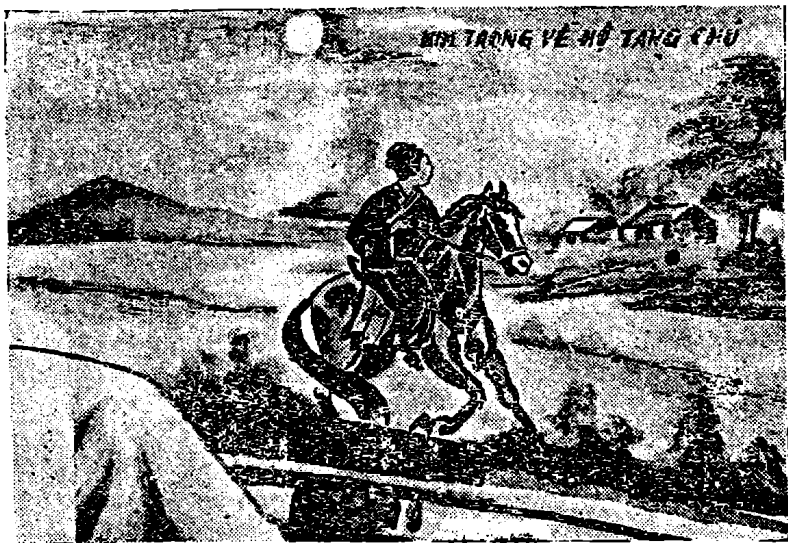
Kim Trọng nhắc thầy

Kim Trọng bắt được năm thỏi

KIỀU VÀ KIM. TRỌNG GẶP NHAU  
HAI BÊN GIÃNG ƯỚC LẤY NHAU



KIM TRỌNG VỀ HỒ TANG CHÙ



Nàng còn đứng tựa hiên tây,  
570. Chín hồi vấn-vít như vầy mỗi tơ. (1)  
Trông chừng khói ngất song thưa,  
Hoa trôi-giọt thắm, liễu xơ-xác vàng.  
Tần-ngần dạo gót lầu trang,  
Một đoàn mềnh thọ ngoại-hương mới về.  
Hàn-huyền chưa kịp giải-giề, (2)  
Sai-nha (3) bỗng thấy bốn bề xôn-xao :  
Người nách thước, kẻ tay dao,  
Đầu trâu, mặt ngựa, ào-ào như sóng.  
Già giang một lão một trai, (4)  
580. Một dây vô-lại (5) buộc hai thâm-tình. (6)  
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,  
Rụng-rời giọt liễu, tan-tành gói-mai.

- 
- (1) Chín hồi vấn-vít : Nhiều hồi vấn-vít, ý nói suy nghĩ bối rối mãi. Như vầy mỗi tơ : Như mỗi tơ vò rối.
- (2) Giải giề : giải bày.
- (3) Sai-nha : Nha lại để sai đi làm việc.
- (4) Già : Cái gông. Già giang : Gông vào cò giải đi. Một lão một trai : Viên ngoại và Vương-Quan.
- (5) Dây vô-lại : Dây dùng để trói bọn bất lương.
- (6) Hai thâm tình : Hai cha con.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Đồ tế-nhuyễn, (1) của riêng tay,  
Sạch-sành-sanh vét cho đầy túi tham.

Điều đầu ai buộc, ai làm ?

Này ai đan đập, giật giàng bồng dưng ? (2)

Hỏi ra, sau mới biết rằng :

Phải tên xưng-xuất (3) là thẳng bán tơ.

Một nhà hoảng-hốt, ngần-ngờ,

590. Tiếng oan dậy đất, án ngờ lừa mây. (4)

Hạ từ, (5) van lạy suốt ngày,

Điếc tai lân-tuất, phũ tay tời-tàn. (6)

Rường cao rút ngược dây oan, (7)

Dấu là đá cũng nát gan, lọ người !

- ~~~~~
- (1) Đồ tế-nhuyễn : những đồ mềm như quần áo, chăn gối v.v..
  - (2) Đập là cái bẫy để bắt cá; giật giàng là kéo cái bẫy, ý nói bồng dưng ai làm cạm bẫy để gieo tội-vạ cho người ta.
  - (3) Xưng xuất : Xưng ra, khai ra.
  - (4) Khấp nơi xôn xao cho rằng nhà Viên ngoại bị hàm oan.
  - (5) Hạ từ : Lời từ tạ.
  - (6) Lân-tuất : Thương xót. Điếc tai lân tuất : Bọn sai nha giả làm tai điếc trước lời kêu van thương xót. Phũ tay tời tàn : Đánh tàn nhẫn không tiếc tay.
  - (7) Rường cao : Xà nhà cao. Chúng treo ngược hai cha con Viên ngoại lên xà nhà cao.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Mặt trông đau-dớn rụng-rời,  
Oan này còn một kêu Trời, nhưng xa !

Một ngày, lạ thói sai-nha,  
Làm cho khốc-hại, chẳng qua vì tiền.

Sao cho cốt-nhục vẹn-tuyền, (1)

600. Trong khi ngộ-biến, tông quyền, (2) biết sao ?

Duyên hội-ngộ, đức cù-lao, (3)

Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn ?

Đề lời thệ hải minh sơn, (4)

Làm con, trước phải đền ơn sinh-thành. (5)

Quyết tình, nàng mới hạ tình : (6)

« Rẽ cho đề thếp bán mình chuộc cha ! »



- (1) Cốt nhục : Xương thịt, Đây nói Viên-ngoại và Vương Quan. Vẹn tuyền : Nguyên vẹn, ý nói khỏi phải bị tra tấn.
- (2) Ngộ biến tông quyền : Gặp khi biến thì theo đạo quyền. Đạo quyền là cách xử sự tùy theo tình thế lúc biến.
- (3) Duyên hội-ngộ : Duyên gặp gỡ, trở mối tình-duyên giữa Kiều và Kim-Trọng. Đức cù lao : Ôn đức cha mẹ sinh dưỡng khó nhọc.
- (4) Lời thệ hải minh sơn : Lời nguyện biển cạn non mòn không thay đổi.
- (5) Ôn sinh thành : Ôn cha mẹ sinh ra và gây dựng nên người.
- (6) Hạ tình : Giải tỏ tấm tình. bày tỏ ý kiến.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Họ Chung có kẻ lại già,  
Cũng trong nha dịch, lại là từ-tâm;  
Thấy nàng (1) hiếu trọng tình thâm,  
610. Vì nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vầy.  
Tinh bài lót đó, luồn đây,  
Có ba trăm lạng, việc này mới xuôi.  
Hãy về tạm phó giam ngoài, (2)  
Dặn nàng qui liệu (3) trong đôi ba ngày.  
Thương lòng (4) con trẻ thơ-ngây,  
Gặp cơn vạ gió, tai bay bất kỳ! (5)

- 
- (1) Có bản viết : thấy lời...  
(2) Họ Chung về xin cho cha con Viên ngoại được ở ngoài đời xét xử.  
(3) Qui liệu : Thu xếp lo liệu.  
(4) Có bản viết là : thương nàng con trẻ thơ ngây; nhưng suy ra dùng chữ thương lòng đúng hơn vì đây là Kiều tự nghĩ cái cảnh của nàng lúc ấy thật đáng thương và lòng nàng đau đớn lắm.  
(5) Có bản viết : Gặp cơn đời gió thay mây bất kỳ; hay là : Gặp cơn dạ bốc tai bay bất kỳ.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Đau lòng tử biệt, sinh ly, (1)  
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !  
Hạt mưa sa nghĩ phận hèn, (2)  
620. Liều đem tác cỏ, quyết đền ba xuân. (3)  
Sự lòng ngộ với băng-nhân, (4)  
Tin sương đồn-đại, xa gần xôn-xao. (5)  
Gần miền có một mụ nào,  
Đưa người viễn-khách, tìm vào vấn danh.  
Hỏi tên, rằng : « Mã-Giám-Sinh » ;  
Hỏi quê, rằng : « Huyện Lâm-Thanh cũng gần. »  
Quá niên trạc ngoại tứ tuần, (6)  
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh-bao.

- 
- (1) Tử biệt, sinh ly : Chết cách biệt âm dương đôi ngã, sống chia lìa nhau mỗi người một nơi.
- (2) Người ta thường ví thân người con gái như hạt mưa sa. Ý nói Kiều nghĩ rằng : thân con gái như hạt mưa sa kẻ gì sương khô, gặp sau đành chịu vấy. Tục ngữ có câu : Thân em như hạt mưa dào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa ».
- (3) Người ta ví cỏ như đũa con, và ba tháng xuân như cha mẹ, có khí hậu tốt của mùa xuân mới có cỏ cũng như có cha thì có con ; ý nói Kiều liều thân phận (bán mình) để đền ơn cho cha mẹ (chuyện cha).
- (4) Băng-nhân : Người làm mối.
- (5) Tin sương : Tin đồn khắp nơi thật sớm.
- (6) Quá niên : Đã quá tuổi thanh niên, cũng như nói đứng tuổi không trẻ không già.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Trước thầy, sau tớ xôn-xao,  
630. Nhà băng (1) đưa mối, rước vào lầu-trang.  
Ghế trên ngồi tốt sỗ-sàng, (2)  
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.  
Nỗi mình, thêm tức nỗi nhà,  
Thêm hoa một bước, lệ hoa (3) mấy hàng!  
Ngại ngừng rợn gió e sương,  
Nhìn hoa (4) bóng thẹn, trông gương mặt dày.  
Mối càng vén tóc, bắt tay,  
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai. (5)  
Đẩn-đo cân sắc, cân tài,  
640. Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ. (6)

- 
- (1) Nhà băng : Băng nhân, người làm mối.  
(2) Sỗ-sàng : Không biết khiêm tốn; trơ tráo.  
(3) Lệ hoa : Có bản viết... châu sa mấy hàng nhưng dùng chữ lệ hoa đúng hơn vì thêm hoa đi với lệ hoa thành 2 tiếng hoa đi với nhau nghe hay hơn.  
Rợn gió : sợ gió. E sương : Ngại sương. Ý nói Kiều lo sợ bước đường gian truân mà nàng sẽ phải trải qua.  
(4) Nhìn hoa : Có bản viết : Ngừng hoa; lấy nghĩa chữ ngừng là : nhìn, ngắm.  
(5) Mụ mối vén tóc, bắt tay Kiều lên cho khách xem. Nét mặt Kiều buồn thanh đạm như hoa cúc, dáng người gầy như cành mai vì thẹn.  
(6) Ép gầy một cung đàn nguyệt, đưa quạt bảo đề một bài thơ để thử tài Kiều.



---

## TRUYỆN THÚY-KIỀU

---

Mặn nong một vẻ một'ra,  
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt-diu. (1)  
Rằng : « Mua ngọc đến Lam-Kiều,  
• Sinh-nghi, (2) xin dạy bao nhiêu cho tường ? »  
Mối rằng : « Đáng giá nghìn vàng, (3)  
« Ngặt nhà, (4) nhờ lượng người thương dám nài ! »  
Cò-kè bớt một thêm hai, (5)  
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.  
Một lời, thuyền đã êm giằm, (6)  
650. Hãy đưa canh-thiếp, (7) trước cầm làm ghi.  
Định ngày nạp-thái, vu-qui, (8)  
Tiền lưng (9) đã có, việc gì chẳng xong !

~~~~~  
(1) Dặt-diu : Ý nói dò ý kiến.

(2) Sinh-nghi : Đồ dẫn cưới.

(3) Nghìn vàng : Nghìn lạng vàng.

(4) Ngặt nhà : Nhà gặp tai họa ngặt-nghèo.

(5) Bớt một thêm hai : ý nói hai bên mà cả.

(6) Thuyền đã êm giằm : Chèo thuyền đi êm, ý nói việc mua bán Kiêu xong giá, thuyền chèo đi.

(7) Canh thiếp : Cái thẻ biên tên tuổi hai bên trai gái trao cho nhau để so tuổi.

(8) Nạp-thái : Đem đồ dẫn cưới (vàng bạc) đến nhà gái.
Vu qui : Lễ về nhà chồng.

(9) Tiền lưng : Tiền sẵn có trong mình.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Một lời cậy vờ Chung-công. (1)

Khất-từ (2) tạm lĩnh Vương-ông về nhà.

Thương tình con trẻ, cha già,

Nhìn nàng, ông những máu sa, ruột đau:

« Nuôi con những ước về sau,

« Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi. (3)

« Trời làm chi cực bầy trời! (4)

660. « Nay ai vu thác, cho người hợp tan !

« Búa rìu bao quân thân tàn,

« Nữ đầy-đọa trẻ, càng oan-khốc già !

« Một lần sau trước cũng là. (5)

« Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau ! »

(1) Chung công : Ông già họ Chung.

(2) Khất-từ : Đơn xin.

(3) Gieo cầu : kén chồng. Do tích: vua Hán Vũ Đế kén phò mã, đứng trên lầu cao ném quả cầu xuống và rao rằng hễ ai cướp được quả cầu thì gã công chúa cho người đó.

(4) Bầy là tiếng cò, cũng như nói nhiều quá !

(5) Ý nói dầu trước hay sau cũng chết có một lần thôi.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Theo lời càng chảy dòng châu,
Liều mình ông rắp gieo đầu tường vôi.
Vội-vàng kẻ giữ, người coi,
Nhỏ to, nằng lại tìm lời khuyển-can
« Vẻ chi một mảnh hồng-nhan, (1)
670. « Tóc-tơ chưa dứt đềm ơn sinh-thành.
« Dâng thư đã thẹn nàng Oanh, (2)
« Lại thua ả Lý bán mình hay sao ? (3)
« Cối xuân tuổi hạc càng cao, (4)
« Một cây gánh-vác biết bao nhiêu cảnh !
« Lòng tơ dù chẳng dứt tình, (5)
« Gió mưa ả hắt tan-tành nước non. (6)

-
- (1) Có bản viết... một tấm hồng-nhan.
(2) Xưa, cha nàng Đề-Oanh phạm tội, nàng dâng sớ lên vua Văn-đế, xin đem thân làm tội đời trong cung để chuộc tội cho cha. Vua cảm lòng hiếu thảo của nàng tha tội cho người cha.
(3) Nàng Lý-Ký nhà nghèo, tình nguyện cho người ta đem nàng bỏ vào hang cúng thần rắn để lấy tiền cứu cha mẹ. Sau nàng giết được thần rắn, rồi lấy được vua Việt-Vương.
(4) Cối-xuân : Gốc cây linh-xuân. Tuổi hạc : Tuổi chim hạc. Chim hạc là giống chim sống lâu, người ta gọi tuổi cha mẹ là tuổi hạc là có ý cầu chúc cha mẹ sống lâu.
(5) Lòng tơ : Ý nói lòng vương-vĩu.
(6) Nước non : Đây là cơ-nghiệp nhà Kiều.

« Thà rằng liều một thân con,
« Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây. (1)
• Phận sao đành vậy cũng vầy, (2)
680. « Cầm như chẳng đổ những ngày còn xanh. (3)
• Cũng đừng tính quần, lo quanh, (4)
« Tan nhà là một, thiệt mình là hai. »
Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt ngắn, giọt dài ngồn-ngang.
Mái ngoài, họ Mã vừa sang,
Tờ hoa (5) đã ký, cân vàng mới trao.
Trăng già độc-địa làm sao ?
Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự nhiên !

-
- (1) Ý nói dù con có tan nát như hoa lìa cành, song còn cha thì vẫn giữ được gia đình trong nom mẹ cùng các em.
(2) Số phận ra sao cũng đành chịu vậy.
(3) Cầm như chẳng đổ : Cầm bằng như con đã chết khi còn thơ ấu.
(4) Có bản viết : ... toan quanh.
(5) Tờ hoa : Tờ giấy văn tự bán Kiều.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Trong tay đã sẵn đồng tiền,
690. Dầu lòng đôi trắng, thay đen, khó gì!

Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm (1) đã đặt, tụng kỳ (2) đã xong.

Việc nhà đã tạm thông-dong,
Tinh-kỳ (3) giục-giã đã mong độ về. (4)

Một mình nàng, ngọn đèn khuya,
Áo đầm giọt lệ, tóc se mái sầu. (5)

« Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,
Xót lòng đeo-dắt bấy lâu một lời!

« Công trình kẻ biết mấy mươi,
700. « Vì ta khăng-khít cho người dở-dang.

« Thề hoa chưa ráo chén vàng. (6)
. Lỗi thề, thôi đã phũ-phàng với hoa!

. Trời Liều non nước bao xa,
. Nghĩ đâu rẽ cửa. chia nhà tự tôi!

(1) Lễ tâm : món lễ thành tâm đem dâng.

(2) Tụng kỳ : Kỳ xử kiện.

(3) Tinh kỳ : giờ dẫn hôn, cưới về đêm.

(4) Độ về : Kỳ hẹn vu-qui.

(5) Tóc se mái sầu : Mái tóc rối bời, vì sầu khổ, chẳng trang điểm.

(6) Thề hoa : Lời thề viết trên giấy hoa. Chén vàng : Chén rượu bằng vàng.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Biết hao duyên-nợ thề-bồi,
• Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?
 « Tái-sinh (1) chưa dứt hương thề,
• Làm thân trâu ngựa (2) đèn nghi trúc mai.
 • Nợ tình chưa trả cho ai,
710. « Khối tình (3) mang xuống tuyền-đài chưa tan !
 « Nỗi riêng, riêng những bàn-hoàn, (4)
Dầu chong trắng đĩa, (5) lệ tràn thấm khăn.
 Thúy-Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi-han :
 « Cơ trời dẫu bề đa-đoan, (6)
« Một nhà đề chi riêng oan một mình !

- ~~~~~
- (1) Tái-sinh : Kiếp sau.
(2) Làm thân trâu ngựa ; Theo thuyết luân hồi nhà Phật, ai mắc nợ kiếp này không trả được, kiếp sau hóa làm trâu hay ngựa để đền đáp. Đèn nghi : Đèn nghiã. Trúc mai : Cây trúc, cây tre, trở người bạn tình.
(3) Khối tình : Do tích xưa : có người con gái yêu một anh lái buôn. Nhưng, nàng mong đợi mãi không thấy về, nên ốm tương tư chết. Khi bốc mả, người ta thấy có một cục ở bụng, cứng như đá, đập không tan. Anh lái buôn thương cảm khóc nàng, nước mắt rơi xuống cục ấy, tan ra thành máu. Người ta gọi cục đó là khối-tình.
(4) Bàn-hoàn : Quẩn quít trong lòng.
(5) Dầu chong trắng đĩa : Đốt đèn đến cạn khô dầu, còn tro đĩa trắng ra.
(6) Cơ trời : máy tạo hóa. Đa đoan : Nhiều mối.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Cớ chi ngồi nhẵn tàn canh, (1)
« Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây ? »
Rằng : « Lòng đương thồn-thức đầy,
720. « Tư-duyên còn vương mối này, chưa xong.
« Hở môi ra cũng thẹn-thùng,
« Đề lòng, thì phụ tấm lòng với ai !
« Cậy em, em có chịu lời,
« Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. (2)
« Giữa đường đứt gánh tương-tư,
« Giao-loan (3) chấp mối tơ thừa mặc em.
« Kể từ khi gặp chàng Kim,
« Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề. (4)

-
- (1) Nhẵn : Tiếng cò, nghĩa là đến, mãi đến.
(2) Kiều muốn em ngồi lên cho Kiều lạy rồi mới nói.
(3) Giao loan : một thứ keo đề gắn phím đàn, người ta thường dùng chữ này để nói về tình xưa nghĩa cũ đã gián đoạn mà nối lại được.
(4) Ban ngày trao quạt ước hẹn làm tin, ban đêm uống rượu thề thốt với nhau.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Sự đầu sóng gió bất-kỳ.

730. « Hiếu tình khôn nhẽ hai bề vẹn hai?

« Ngày xuân em hãy còn dài,

« Xót tình máu-mủ, thay lời nước-non, (1)

« Chị dù thịt nát xương mòn,

« Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây. (2)

« Chiếc vành với bức tờ mây, (3)

« Duyên này thì giữ, vật này của chung. (4)

« Dù em nên vợ, nên chồng,

« Xót người mệnh-bạc, ắt lòng chẳng quên.

« Mất người còn chút của tin.

740. « Phim đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa. (5)



(1) Lời nước non : Lời thệ hải minh sơn.

(2) Ý nói : Chị dù thác đi, cũng hả lòng nơi chín suối, được tiếng khen lây.

(3) Chiếc vành : Chiếc xuyên vàng mà Kim-Trọng tặng Kiều ngày trước. (Xuyên vàng hai chiếc, khăn là một vuông).
Tờ mây : Tờ giấy ghi lời thề của Kim-Trọng (Tiên thề cùng thảo một trương).

(4) Vật này của chung : Vật này là của chung của hai người (Thúy-Vân và Kim-Trọng).

(5) Mảnh hương nguyên : Mảnh trầm-hương đốt lên để thề-nguyên.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Mai sau, dầu có bao giờ,
« Đốt lò hương ấy. so tơ phím này ;
« Trông ra ngọn cỏ lá cây,
« Thấy hiu hiu gió, thì hay chị về. (1)
« Hồn còn mang nặng lời thề,
« Nát thân bồ-liễu, đèn nghi trúc mai. (2)
« Dạ-đài (3) cách mặt, khuất lời,
« Rảy xin chén nước cho người thác oan.
« Bày giờ trăm gầy, gương tan, (4)
750. Kề làm sao xiết muôn vàn (5) ái ân !
« Trăm nghìn gửi lạy tình-quân. (6)
« Tơ-duyên ngăn-ngủi có ngăn ấy thời.

~~~~~  
(1) Chị về : Hồn chị về.

(2) Bồ-liễu : Một thứ cây yếu-ớt. Mùa thu đến, rụng hết lá và héo. Người ta thường ví phụ nữ như cây bồ-liễu.  
Nghĩa trúc mai là nghĩa giao kết với nhau. Ý nói : Dấu thân hèn yếu của chị có nát đi nữa cũng quyết báo đền nghĩa giao kết cho người tri-kỷ.

(3) Dạ-đài : Âm-phủ.

(4) Trâm gầy gương tan : Ý nói đã chết rồi.

(5) Muôn vàn : tức là vạn.

(6) Trăm nghìn : trăm lần, nghìn lần. Tình quân : Tình lang.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Phận sao, phận bạc như vôi ?

« Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ-làng. (1)

« Ôi Kim-Lang ! Hỡi Kim-Lang ! (2)

« Thôi thôi ! Thiếp đã phụ chàng từ đây ! »

« Cạn lời, hồn ngắt, máu say, (3)

Một hơi lạnh ngắt, đôi tay giá đồng. (4)

Xuân, huyên, chợt tỉnh giấc nồng, (5)

760. Một nhà tấp-nập. kẻ trong người ngoài.

Kẻ thang, người thuốc bời-bời,

Mới người con vụng, chưa phai giọt hồng. (6)

Hỏi : « Sao-ra sự lạ-lùng ? »

Kiều càng nức-nở, mở không ra lời.

~~~~~  
(1) Những người bạc-mệnh đành chịu số phận lỡ-làng
lênh-đênh như nước chảy hoa trôi.

(2) Kim-lang : Chàng Kim-Trọng.

(3) Dứt lời thì máu uất lên và ngắt người đi.

(4) Một hơi lạnh ngắt : Không còn một hơi thở nào.

(5) Xuân : Xuân-đường tức là cha. Huyên : Huyên-đường
tức là mẹ.

(6) Con vụng : Con chết giấc. Giọt hồng : Giọt nước mắt.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Nỗi nàng, Vân mới rĩ tai :

« Chiếc vành này, với tờ bồi ở đây ! » (1)

— « Này cha làm lỗi duyên mày. .

« Thôi thì nỗi ấy sau này đã em !

« Vì ai rụng cái, rơi kim, (2)

770. « Đề con bèo nổi, mây chìm vì ai ?

« Lời con dặn lại một hai,

« Dẫu mòn bia đá, dăm sai tấc vàng ! » (3)

Lạy thôi, nàng lại rén triềng : (4)

« Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.

« Sá chi thân-phận tôi-đòi, (5)

« Dẫu rằng xương trắng quê người, (6) quản đâu ! »

~~~~~  
(1) Tờ bồi : Tờ giấy ghi lời thề bồi.

(2) Cái : Hột cái. Kim : Cái kim.

Hồ-phách bắt rác nhẹ, ta quen gọi là hột cái. Đá nam-châm hút cái kim nghĩa là người ta ví sự phối hợp của vợ chồng như sự hấp dẫn của hồ-phách với hột cái, đá nam-châm với kim.

(3) Tấc vàng : Tấc lòng, tấm lòng vàng.

(4) Rén : Rón rén. Triềng : Thưa trình.

(5) Tôi đòi : nàng hầu.

(6) Xương trắng : Chết. Bồi chữ : Bạch cốt tha hương : phơi xương trắng (chết) nơi quê người.



**ĐI VƯƠNG . VIÊN . NGOẠI MẶC NẠN**  
*Người nách thuốc, kẻ tay đao,  
Đầu trâu, mặt ngựa, áo. áo như sỏi*

**MÀ GIÁM SINH  
ĐẸN HUA KIỀU**  
*Cổ kẻ bát mồi  
Thêm hơi,  
Giã lâu ngả  
Giã vàng  
ngoại bôn  
trăm...*





2 KIỀU PHẢI BÁN MÌNH CHUỘC CHA  
 Để lời thệ hải minh sơn  
 Lắm con trước phải đến ơn sinh thành  
 Quyết tình, nặng mới hạ tình:  
 Để cho để thiếp bán mình chuộc cha!))



VƯƠNG ÔNG MUỐN TỰ. TỰ  
 ...chết lần sau trước  
 cuối, vì:  
 Thời thì một phút  
 Chính thì lâu lâu... 5...



VƯƠNG ÔNG ĐƯỢC THA VỀ  
 Một lời cây với chùng. công  
 Khất. tu tạm lĩnh Vương.  
 Ông về nhà... 6



6 KIỀU DẶN VẤN THAY LỜI ĐÉN  
 NGHĨA CHO KIM. TRONG  
 "Cây em, em có chịu lời,  
 "ngồi lên cho chị kể  
 rồi sẽ hứa..."

V

Xiết bao kẻ nổi thâm-sầu !

Khắc canh đã giục nam-lâu mấy hồi. (1)

Kiệu hoa đầu đã đến ngoài,

780. Quán huyền, (2) đầu đã giục người sinh-ly.

Đau lòng kẻ ở, người đi,

Lệ rơi thấm đá, (3) tơ chia rũ tằm.

Trời hôm, mây kéo tối rằm,

Rầu rầu ngọn cỏ, đầm-dầm cảnh sương.

Rước nàng về đến trú-phường, (4)

Bốn bề xuân tỏa, (5) một nàng ở trong.

Ngập-ngừng thẹn lục, e hồng. (6)

Nghĩ lòng, lại xót-xa lòng đòi phen :

~~~~~  
(1) Chòi canh ở lâu nam đánh mấy hồi trống tàn canh.

(2) Quán : Sáo, Huyền : Đàn.

(3) Lệ rơi thấm đá : Lệ rơi thấm gan người sắt đá, ý nói khóc sụt nước, đau người có gan cứng như đá cũng phải thương xót. Tơ chia rũ tằm : Tơ tình chia cắt làm rũ ruột tằm.

(4) Trú-phường : Nhà trọ.

(5) Xuân tỏa : Khoá xuân.

(6) Thẹn lục, e hồng : nghĩa là : Thẹn thẹn với má-hồng (hồng), tóc xanh (lục) của mình.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Phàm tiên (1) rơi đến tay hèn,
790 « Hoài công nằng giữ, mừa gìn với ai !
« Biết thân đến bước lạc-loài,
« Nhị đào thà bẻ cho người tình chung ! (2)
« Vì ai ngăn đón gió đông,
« Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
« Trùng-phùng (3) dù họa có khi.
« Thân này thôi có còn gì mà mong !
« Đã sinh ra số long-đông,
« Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? »
Trên yên sẵn có con dao,
800. Giấu cầm nạng đã gói vào chéo khăn :
« Phòng khi nước đã đến chân,
« Dao này thì liệu với thân sau này ».



- (1) Phàm tiên : Cửa ở cung tiên, ý nói sắc đẹp của Kiều như tiên Nga.
- (2) Nhị đào : Nhụy hoa đào là trinh tiết của người con gái.
Người tình chung : Người mà mình rót riêng tình ái.
- (3) Trùng-phùng : hai bên giáp mặt nhau lại.

TRUYỆN THÚY KIỀU.

Đêm thu, một khắc một chầy, (1)
Bâng-khuâng như tỉnh, như say một mình,
 Chẳng ngờ gã Mã Giám-Sinh,
Vẫn là một đũa phong-tình đã quen. (2)
 Quá chơi lại gặp hồi đen, (3)
Quen mỗi lại kiếm ăn miền nguyệt-hoa. (4)
 Lầu xanh có mụ Tú-Bà,
810. Làng chơi đã trở về già hết duyên.
 Tình-cờ chẳng hẹn mà nên,
Mạt-cưa, mướp-đắng, (5) đôi bên một phường.
 Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phấn, bán hương đã lẽ, (6)

- ~~~~~
- (1) Một khắc một chầy : Một khắc một dài, ý nói cảm thấy đêm dài.
- (2) Đũa phong tình : Đũa chơi-bời trai gái.
- (3) Hồi đen : Hồi vận rủi.
- (4) Miền nguyệt-hoa : Nơi chơi bời trăng hoa, tức là nơi đi-điểm.
- (5) Ý nói hai bên đều là bọn cáo già trong làng chơi gặp nhau. Do chuyện : Xưa có một người đem mạt-cưa đi bán mà nói dối là cám, và có một người khác đem mướp đắng đi bán cũng nói dối là dưa. Hai bên bán cho nhau thành hai anh bọm cùng mắc bọm.
- (6) Đã lẽ : Đã thành lệ, thành thói quen.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Dạo tìm khắp chợ thì quê, (1)

Giả danh hầu-hạ, dạy nghề ăn-choi. (2).

Rủ may, âu cũng sự trời,

Đoạn-trường lại chọn mặt người vô duyên ! (3)

Xót nàng chút phận thuyền-quyên,

820. Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.

Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,

Sính-nghi rẻ giá, (4) nghênh-hôn sẵn ngày. (5)

Mừng thầm : « Cờ đã đến tay,

« Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng. (6)

« Đã nên quốc sắc, thiên hương,

« Một cười này, hẵn nghìn vàng, (7) chẳng ngoa !

~~~~~  
(1) Dạo tìm từ chợ đến nhà quê.

(2) Mượn tiếng đi tìm nàng hầu, đem về cho làm đi.

(3) Vô duyên : Đây là vô phúc, không có số phận may-mắn.

(4) Sính nghi rẻ giá : Đồ dẫn cưới mua sắm thứ rẻ tiền.

(5) Nghênh hôn sẵn ngày : Việc đón dâu thì cử hành ngày nào cũng được, không cần lựa ngày lành tháng tốt.

(6) Vẻ ngọc : Vẻ đẹp như ngọc của Kiều. Khúc vàng : cũng như tác vàng nghĩa là tấm lòng tốt.

(7) Bởi chữ : nhất tiểu thiên kim : một cái cười đáng nghìn vàng.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Về đây, nước trước bẻ hoa,  
« Vương-tôn, (1) qui khách ắt là đua nhau,  
    « Hẳn ba trăm lạng kém đâu,  
830. « Cũng đã vừa vốn, còn sau thì lời.  
    « Miếng ngon kẻ đến tận nơi,  
« Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham. (2)  
    « Đào tiền đã bén tay phạm,  
« Thi vinh cảnh quít, (3) cho cam sự đời!  
    « Dưới trần mấy mặt làng chơi,  
« Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa!

- 
- (1) Vương-tôn : Con cháu nhà quyền quý. Câu trên và câu này : Nàng đã về đây, việc phải làm trước nhất là phá trình tiết của nàng, việc ấy chắc các vương tôn, qui khách tranh nhau làm.
- (2) Vốn nhà cũng tiếc : Ý nói Mã Giám-Sinh muốn « bẻ hoa » trước khách, nhưng sợ mất số tiền vốn. Của trời cũng tham : Thấy của trời cho rơi vào tay mình (Kiều) thì cũng tham.
- (3) Thơ Tô Thi : Lão-nhân du hí như đồng-tử, bất chiết như mai chi, chiết quất chi : Người già chơi như trẻ con, không bẻ cành mai, lại bẻ cành quít, (nghĩa là người già không đúng-dẫn).

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Nước vỏ lựu, máu mào gà,

« Nhuộm-màu chiêu-tập lại là còn nguyên. (1)

« Mập-mờ đánh lặn con đen, (2)

840. « Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi ?

« Mụ già hoặc có điều gì,

« Liều công mất một buổi quì mà thôi.

« Vả đây đường-sá xa-xôi,

« Mà ta bất-động, nỡ người sinh nghi. » (3)

Tiết thay ! Một đóa trà mi,

Con ong đã tỏ đường đi, lối về ! (4)

Một cơn mưa gió, (5) nặng nề,

Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.

---

(1) Theo sách Bắc-lý-chí : Gái thanh lâu tiếp khách xong, lấy vỏ cây thù-lựu nấu lên rồi pha lộn với máu mào gà mà rửa thì lại nguyên như cũ, không ai biết đã mất trinh. Chiêu tập : sửa chữa lại cho người ta mắc lừa.

(2) Con đen : Người thường dân, người dân quê.

(3) Nếu ta không hành động gì, e Kiêu sẽ sanh nghi.

(4) Ý nói tiết thay Kiêu đã mất trinh.

(5) Mưa gió : sự trai gái đi lại, ăn nằm với nhau.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Đêm xuân một giấc mơ-màng,

850. Đuốc hoa (1) để đó, mặc nàng nằm trơ !

Gọt riềng tầm-tã tuôn mưa,

Phần cặm nổi khách, phần nhờ nổi mình :

« Tuồng chi là giống hôi-tanh, (2)

« Thân nghìn vàng (3) để ô danh má hồng !

« Thôi còn chi nữa mà mong,

« Đòi người thôi thể là xong một đời ! »

Giận duyên, tủi phận, bời-bời, (4)

Cầm dao, nàng đã toan bài quyền sinh (5)

Nghĩ đi, nghĩ lại, một mình :

860. « Một mình thì chớ, hai tình (6) thì sao ?



(1) Đuốc hoa : Dịch chữ hoa chúc : nghĩa là ngọn đèn thấp trong phòng cô dâu đêm tân hôn.

(2) Giống hôi-tanh : Trỏ Mã-Giám-Sinh.

(3) Thân nghìn vàng : thân đáng giá nghìn vàng.

(4) Bời-bời : Sôi-sục trong lòng.

(5) Toan bài quyền sinh : Toan bề tự-vấn.

(6) Hai tình : Hai mối tình thân-yêu tức là cha mẹ.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Sau dù sinh sự thế nào,  
« Truy nguyên, (1) chẳng kéo lụy vào song thân.  
« Nỗi mình âu cũng giãn dần, (2)  
« Kịp chầy âu cũng một lần mà thôi ! » (3)  
Nhưng là đo-đắn ngược xuôi,  
Tiếng gà nghe đã gáy soi mái tường. (4)  
Lầu mai vừa rúc còi sương, (5)  
Mã-sinh giục giã vội-vàng ra đi.  
Đoạn-trường thay, lúc phân-kỳ ! (6)  
870. Vó câu khấp-khểnh, bánh xe gập-ghềnh

- 
- (1) Truy nguyên : Tìm đến căn nguyên.  
(2) Nỗi lòng mình bây giờ đã nguôi dần.  
Có bản viết : Đánh liều âu cũng giãn dần.  
(3) Sớm hay muộn đời người chỉ chết một lần.  
(4) Gáy soi mái tường : Gáy rằm lên mé ngoài tường.  
(5) Lầu mai : Chòi canh buổi sáng. Rúc còi sương :  
Tiếng còi rúc lên lúc trời còn sáng sớm tinh sương.  
(6) Phân là chia ; kỳ là đường rẽ.  
Phân kỳ là chia tay mỗi người đi một con đường.  
Có bản viết : Lâm kỳ...

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Bề ngoài mười dặm trường-đình, (1)  
Vương-ông bày tiệc, tiễn hành đưa theo.

Ngoài thì chủ khách dập-diu,  
Một nhà huyền (2) với một Kiều ở trong.

Nhìn càng lã-chã giọt hồng,  
Rỉ tai, nàng mới giải lòng trước sau :

« Hồ sinh ra phận thơ-đào, (3)

« Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong ?

« Lỡ-làng nước đục, bụi trong, (4)

880. « Trăm năm đề một tấm lòng từ đây. (5)

« Xem gương trong bấy nhiêu ngày,

« Thân con chẳng kéo mắc tay bợn già :

~~~~~  
(1) Trường đình : Hán-thư chép rằng : ngày xưa đường đi bên Tàu cứ cách năm dặm dựng một cái trạm gọi là đoản đình, 10 dặm một cái trạm gọi là trường đình. Theo tục xưa, người chủ tiễn đưa khách ra ngoài 10 dặm đường, làm tiệc tiễn-hành khách ở trường-đình rồi mới trở về nhà.

(2) Nhà huyền : Người mẹ tức là Vương-bà.

(3) Thơ-đào : người con gái còn thơ-ngây.

(4) Ý nói lỡ-làng trong nghịch cảnh, chẳng khác nào nước trong mà nay hóa ra đục ; bụi đục mà lại hóa ra trong.

(5) Từ đây để lại cho cha mẹ tấm lòng thương-xót suốt đời.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Khi về, bỏ vắng trong nhà,
« Khi vào dùng-dặng, khi ra vội-vàng. (1)

« Khi ăn, khi nói lỗ-làng, (2)

« Khi thầy, khi tớ, xem thường, xem khinh.

« Khác màu kẻ quý, người thanh. (3)

« Ngẫm ra cho kỹ, như hình con bướm.

« Thôi con, còn nói chi con, (4)

890. « Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người ! »

Vương-Bà nghe bấy nhiêu lời,

Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.

Vài tuần chưa cạn chén khuyên (5)

Mái ngoài, nghỉ đã giục liền ruổi xe : (6)

(1) Dùng-dặng : miễn-cưỡng. Ý nói khi vào phòng với Kiều thì miễn cưỡng (dùng dặng), khi ra (sau khi ân ái) thì vội-vàng.

(2) Lỗ-làng : Không đúng mực.

(3) Kẻ quý : Người phú-quý. Người thanh : người thanh-lịch

(4) Thôi, sự đã ra thế, con còn nói đến thân con nữa làm gì ?

(5) Chén khuyên : Chén rượu mời nhau uống lúc tiễn biệt.

(6) Nghỉ : Nó, y, trò Mã-Giám-Sinh. Ruổi xe : Đánh xe đi mau.

Có bản viết : giục liền ruổi đi.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Xét con lòng nặng chề-chề,
Trước yên ông đã nắn-ni thấp cao :
« Chút thân liêu-yếu, thơ-đào,
« Rốp nhà đến nổi giấn vào tôi người. (1)
« Từ đây góc bẽ, bèn trời,
900. « Nắng mưa thui-thủi, què người một thân.
« Nghìn tầm nhờ bóng tùng-quân, (2)
« Tuyết sương che-chở cho thân cát-đăng. » (3)
Cạn lời, khách mới thưa rằng : (4)
« Buộc chân, thì cũng xích-thằng nhiệm-trao. (5)
« Mai sau dầu đến thế nào,
« Kia gương nhật-nguyệt, nọ dao quỷ-thần ! » (6)

-
- (1) Nhà gập con hoạn-nạn (rốp nhà) đến nỗi phải làm tội-tớ cho người ta (tôi người).
- (2) Nghìn tầm : nơi cao nghìn thước, cao chót-vốt. Tùng : Cây thông. Người ta thường ví người trượng phu như cây tùng. Vì nó là giống cây rất giỏi chịu sương tuyết. Quân : Cây tre. Người ta thường ví người quân-tử như cây tre, vì tre là giống cây cao, thẳng, như người quân-tử, lúc nào cũng đại lượng.
- (3) Dây cát dây đăng là hai loại dây leo, nghĩa bóng là nói người vợ lẽ, nàng hầu.
- (4) Khách đây là Mã-Giám-Sinh.
- (5) Nhiệm là sẵn.
- (6) Kia gương nhật nguyệt soi-xét, và nọ là gương của quỷ-thần xét-xử.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Đùng đùng gió giục, mây vùn, (1)
Một xe trong cõi hồng-trần (2) như bay.
Trông vời (3) gạt lệ, phân tay,
910. Góc trời thăm-thẳm, ngày ngày dăm-dăm. (4)
Nàng thì dậm khách xa-xăm,
Bạc phau cầu giá, (5) đen rằm ngàn mây.
Vi-lô (6) san-sát hơi mây,
Một trời thu để riêng ai một người. (7)
Dặm khuya ngắt tạnh, mù khơi, (8)
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông !
Rừng thu từng biếc chen hồng, (9)
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần-hôn ! (10)

-
- (1) Ý nói xe chạy mau như mây bay, gió thổi.
(2) Hồng-trần : cõi đời.
(3) Trông vời : Trông theo về phía xa.
(4) Ngày ngày, dăm-dăm nhìn về góc trời thăm thẳm.
(5) Bạc phau cầu giá : Cầu có tuyết phủ trắng xóa.
(6) Vi lô san sát : Bông lau mọc san sát nhau.
(7) Ai : Bi ai, đau buồn.
(8) Dặm khuya : Dặm đường khuya. Ngắt tạnh : Trời cao ngắt và quang tạnh. Mù khơi : Mịt mù xa khơi.
(9) Từng biếc chen hồng : nhiều lá xanh biếc chen lẫn lá đỏ.
(10) Tấm lòng thần-hôn : lòng nhớ đến sự săn sóc cha mẹ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Những là lạ nước lạ non,

920. Lâm-chuy vừa một tháng tròn tới nơi. (1)

Xe châu dừng bánh cửa ngoài,

Rèm trong đã thấy một người bước ra.

Thoắt trông nhòn-nhọt, (2) màu da,

Ăn gì cao lớn, dầy-dà làm sao ?

Trước xe, lơ-lả han chào, (3)

Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.

Bên thì mấy ả mày ngài, (4)

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.

(1) Lâm-chuy, thuộc tỉnh Sơn-dông, chỗ Tú-bà với Mã-Giám-Sinh mở thanh-lâu.

(2) Nhòn-nhọt : mất sắc đi, không còn tươi-thắm (lọt-lạt).

(3) Lơ-lả han chào : Lả-lơ hỏi han đón chào.

(4) Mấy ả mày ngài : Mấy cô con gái nhan sắc.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Giữa thì hương-án hân-hội ;

930. Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. (1)

Lầu-xanh quen thói xưa nay,

Nghề này thì lấy ông này tiên-sư.

Hương hoa hôm sớm phụng-thờ,

Cô nào xấu vía, (2) có thừa mỗi hàng.

Cởi xiêm lột áo sỡ-sàng, (3)

Trước thần, sẽ nguyện mảnh hương lăm-dằm.

Đổi hoa lót xuống chiếu nằm, (4)

Bướm ong bay lại âm-âm tứ vi ! (5)

Kiều còn ngơ-ngẩn biết gì,

940. Cứ lời lay xuống, mụ thì khẩn ngay :

(1) Một tượng trắng đôi lông mày : Một bức tranh vẽ thần Bạch-Mi (thần có lông mày trắng) các nhà thanh lâu thường treo thờ.

(2) Cô nào xấu vía : Cô nào, gặp xui không có khách mời.

(3) Cởi quần áo trần-trường không biết xấu-hề.

(4) Đem hoa mới đổi lấy hoa cũ đã cúng. rồi đem hoa cũ lót dưới chiếu nằm. Đó là phép "đánh vía" ở các thanh-lâu ngày xưa.

(5) Khách làng chơi lại đến tấp-nập bốn phía (tứ vi).

Có bản viết : bướm đi ong lại...

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Cửa hàng buôn bán cho may,
« Đêm-đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu. (1)
« Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
« Xôn-xao anh-yến, (2) đập-diu trúc-mai !
« Tin nhận vắn, lá thơ bài, (3)
« Đưa người cửa trước, rước người cửa sau ! » (4)
Lạ tai, nghe chẳng biết đâu,
Xem tình ra cũng như màu đỏ-dang.
Lễ xong hương-hỏa gia-đường, (5)
950. Tú-Bà vắt nóc lên giường ngồi ngay. (6)
Dạy rằng : « Con lạy mẹ đây,
« Lạy rồi sang lạy cậu mầy bên kia » .

-
- (1) Hàn thực : Hội Hàn Thực bên Tàu vào ngày 3. tháng 3 mỗi năm. Nguyên Tiêu : Tết ngày rằm tháng giêng. Theo tục Tàu, hai ngày Tết ấy tấp-nập vui vẻ lắm. Ý nói Tú Bà mong ngày đêm có khách đến tấp nập như ngày Tết.
- (2) Xôn-xao anh yến : Òn-ào như bầy chim anh chim yến hát.
- (3) Ý nói thư từ đi lại rất nhiều (giữa khách làng chơi và gái điếm).
- (4) Ý nói đông khách đến tiếp nối nhau liên-liên.
- (5) Hương-hỏa gia-đường : Bàn thờ giữa nhà.
- (6) Ngồi vắt nóc : cũng như nói ngồi vắt-vèo.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Nàng rằng : « Phải bước lưu-ly, (1)
« Phận hèn vàng đã cam bề tiểu tinh. (2)
« Điều đầu lấy yến làm anh, (3)
« Ngày-thơ chẳng biết là danh-phận gì ? (4)
« Đủ điều nạp thái vu-qui, (5)
« Đã khi chung-chạ, lại khi đứng ngồi. (6)
« Giờ ra thay bạc, đổi ngôi.
960. « Dám xin gửi lại một lời cho mình. »
Mụ nghe nàng nói hay tinh,
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên : (7)
« Này này sự đã quả-nhiên,
« Thôi đà cướp sống chồng mình đi rồi ! (8)

(1) Lưu-ly : Lưu-lạc và chia-ly.

(2) Tiểu-tinh : Vợ lẽ.

(3) Duyên-cớ làm sao lại lấy chim yến làm chim anh.

(4) Danh phận : địa-vị.

(5) Nạp thái : Lễ nộp đồ sính lễ. Vu qui : Lễ rước dâu.

(6) Đã từng ăn-nằm kề vai sát cánh nhau.

(7) Nổi tam bành : Nổi cơn giận dữ-dội.

(8) Chồng mình : Chồng tao.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Bảo rằng : « Đi dạo lấy người,
• Đem về rước khách lấy lời mà ăn.
« Tuồng vô nghĩa, (1) ở bất nhân,
• Buồn mình, (2) trước đã tần-mần thử chơi.
« Màu hồ đã mất đi rồi, (3)
970. • Thôi thôi vốn-liếng đi đời nhà ma !
« Con kia đã bán cho ta,
« Nhập gia, cứ phải phép nhà ta đây.
« Lão kia có dở bài bậy, (4)
« Chẳng văng vào mặt (5) mà mà lại nghe !
« Cớ sao chịu tốt (6) một bề.
• Gái tơ mà đã ngựa nghề sớm sao ?

~~~~~  
(1) Tuồng vô-nghĩa : Đồ vô-nghĩa.

(2) Buồn mình : Buồn ngựa trong mình.

(3) Màu hồ : Màu đẹp còn mới tinh-hảo, cũng như vải lụa mới còn nước hồ láng : ý nói Kiều đã mất chữ trinh quý-giá đi rồi.

(4) Dở bài bậy : Dở trò bậy-bạ.

(5) Văng vào mặt : tát vào mặt, chửi vào mặt.

Câu này ý : Sao mà chẳng tác vào mặt lão ấy, mà mà lại đi nghe theo lời bậy-bạ của lão.

(6) Chịu tốt : Chịu im, nghe theo.



Mai-Diam don  
sinh don  
Kieu ve Tay  
Phuoc



Tu-Bà là oai  
vui Kieu..



Kieu vào nhà Thanh lâu  
Cũ hững buồn hơn  
chờ may,  
Đến đêm hơn thục, ngày  
ngày ngày triều.

« Phải làm cho biết phép tao ! »

Chập bì-tiên, rắp sẵn vào ra tay. (1)

Nàng rằng : « Trời thắm đất dày !

980. « Thân này đã bỏ những ngày ra đi !

• Thời thì thời, có tiếc gì !

Sẵn dao tay áo, tức thì dỏ ra.

Sợ gan, (2) nát ngọc liêu hoa,

Mụ còn trông mặt, nàng đã quá tay.

Thương ôi ! tài sắc bạc này,

Một dao oan-nghiệt, đứt dây phong-trần ! (3)

Nỗi oan vỡ-lỡ xa gần,

Trong nhà người chậ một lần như nen.

Nàng thì bấn-bặt giấc tiên, (4)

990. Mụ thì cầm-cập, mắt nhìn hồn bay. (5)



(1) Bì tiên : Roi da.

(2) Sợ gan : cũng như nói : ghê cho cái gan dám liêu mình.

(3) Một dao oan-nghiệt : Một lát dao tai hại.

Đứt dây phong-trần : Cắt đứt cuộc đời.

(4) Bấn-bặt : mê-man. Giấc tiên : chết giấc.

(5) Cầm-cập : Run lên lập-cập.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Vực nàng vào chốn hiên tày,  
Cắt người coi sóc, rước thầy thuốc-men.  
Nào hay chưa hết trần-duyên, (1)  
Trong mê đường đã đứng bèn một nàng.  
Rỉ rằng : Nhân-quả dở-dang, (2)  
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao ?  
• Số còn nặng nghiệp má đào, (3)  
« Người dù muốn quyết (4) trời nào đã cho !  
• Hãy xin hết kiếp liễu-bồ, (5)  
1000. • Sông Tiên-Đường sẽ hẹn hò về sau » (6)  
Thuốc thang suốt một ngày thâu.  
Giấc mê nghe đã dầu-dầu vừa tan, (7)

- ~~~~~
- (1) Trần-duyên : Nhân-duyên ở cõi trần.
  - (2) Nhân quả : Nguyên-nhân và kết-quả, theo thuyết nhà Phật kiếp sống hiện tại là cái quả của kiếp trước mà cũng là cái nhân của kiếp sau. Nhân-quả đây có nghĩa là số-kiếp.
  - (3) Nặng nghiệp : Số kiếp gian-nan vất-vả.
  - (4) Có bản viết : ... muốn lánh.
  - (5) Cây liễu cây bồ là hai thứ cây yếu-ớt, thu đến thì đã rụng và héo rồi. Ví như người đàn-bà yếu-ớt.
  - (6) Đạm-Tiên hẹn sẽ gặp Kiều sau này ở sông Tiên-Đường.
  - (7) Dầu-dầu vừa tan : vừa yên bớt.

- Tú-Bà chực sẵn bên màn,  
Lựa lời khuyên-giải, (1) môn-man gỡ dần :  
• Một người dễ có mấy thân ! (2)  
• Hoa xuân đương nhụy, (3) ngày xuân còn dài.  
« Cũng là lỡ một, lăm hai,  
• Đá vàng sao nỡ ép-nài mưa-mây. (4)  
• Lỡ chân trót đã vào đây,  
1010. • Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non. (5)  
« Người còn thì của cũng còn,  
« Tìm nơi xứng-đáng làm con-cái nhà. (6)  
« Làm chi tội báo oan-gia,  
« Thiệt mình mà hại đến ta hay gì ? »

- ~~~~~
- (1) Có bản viết : lựa lời ôn-thỏa.  
(2) Mỗi người chỉ có một tấm thân. Ý nói không nên hoài-  
phí thân thể.  
(3) Đương nhụy : mới nở. Có bản viết : hoa xuân đương  
chiêng. Chiêng là mới mọc mầm ra.  
(4) Đá vàng : bền như vàng như đá. Đây là nói Kiều quyết  
lòng giữ trinh tiết. Ép nài mưa-mây : Ép nài sự nguyệt hoa.  
(5) Khóa buồng xuân : Khóa cửa buồng không tiếp khách.  
Đợi ngày đào non : Đợi ngày lấy chồng.  
(6) Tìm con-cái nhà xứng đáng để mà lấy.  
Có bản viết : là con-cái nhà thì sai mất nghĩa.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Kề tai mấy nổi nần-ni.

Nàng nghe dường cũng thị-phi (1) rạch-ròi.

Vả trong thần mộng mấy lời, (2)

Túc-nhân ầu cũng có trời ở trong. (3)

Kiếp này nợ trả chưa xong,

1020. Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau? (4)

Lặng nghe, thắm-thía gót đầu, (5)

Thưa rằng : « Ai có muốn đầu thế này ?

• Được như lời, thế là may,

• Hẳn rằng mai có như vầy cho chẳng ?

• Sợ khi ong bướm đái-đăng, (6)

• Đến điều sống đục, sao bằng thác trong ! »

Mụ rằng : « Con hãy thông-dong, (7)

« Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi !

(1) Thị phi : Lê phải trái : Ý nói dường như nàng nghe  
Tú-Bà nói phải trái thì đúng lý.

(2) Thần mộng : Thần báo mộng, trở Đạm-Tiên.

(3) Túc-nhân : Nhân quả từ kiếp trước, số tiền định.

(4) Chồng : Chồng-chất lên.

(5) Gót đầu : Từ gót đến đầu.

(6) Đái-đăng : Lôi thôi.

(7) Thông dong : đừng lo nghĩ.

Đạm Tiên vẽ  
báo mộng  
cho Kiều



Kiều ở lầu  
Ngũng - Bích



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Mai sau ở chẳng như lời,

1030 « Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi ».

Thấy lời quyết đoán hẳn-hoi,

Đành lòng, nàng cũng sẽ người-người dần.

Trước lầu Ngưng-Bích khóa xuân, (1)

Vẻ non xa, tấm trắng gần, ở chung.

Bốn bề bát-ngát xa trông,

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia. (2)

Bẽ-bàng (3) mây sớm, đèn khuya,

Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, (4)

1040 Tin sương luống những rày mong mai chờ.

---

(1) Ngưng-Bích : Tên lầu. Khóa xuân : Khóa buồng xuân.

(2) Nọ là những cồn cát vàng, kia là những dặm đường mù mịt bụi đỏ.

(3) Bẽ-bàng : Tủi-thẹn.

(4) Chén đồng : Chén rượu đồng tâm.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Bèn trời gốc bẽ bơ-vơ,

Tắm son gột rửa bao giờ cho phai. (1)

Xót người tựa cửa hôm mai, (1)

Quạt nòng ấp lạnh những ai đó giờ ? (2)

Sân Lai cách mấy nắng mưa, (3)

Có khi gốc tử đã vừa người ôm ? (4)

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm xa-xa ?

Buồn trong ngọn nước mới sa,

1050. Hoa trôi man-mác, biết là về đâu ?

Buồn trông nội cỏ dầu-dầu,

Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh.



- (1) Tắm lòng son sắt của Kiều đối với Kim-trọng chẳng bao giờ gột rửa cho phai.
- (2) Người tựa cửa : mẹ chờ con.
- (3) Quạt nòng, ấp lạnh : Quạt cho khỏi nóng, ấp ủ chỗ nằm cho đỡ lạnh.
- (4) Sân Lai, sân nhà cha mẹ. Do tích : Đòi nhà Chu có ông Lão-Lai đã 70 tuổi mà cha mẹ vẫn còn, muốn làm cho cha mẹ vui, lão mặc quần áo ngũ sắc ra sân múa nhẩy, khóc, cười, ngã... làm cho cha mẹ vui cười.
- (4) Gốc tử : Cây tử. Xưa ở nhà quê bên Tàu thường trồng cây tử, nên người ta thường lấy cây tử để nói quê hương.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh, (1)  
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Chung-quanh những nước non người,  
Đau lòng lưu-lạc, (2) nên vài bốn câu.

Ngậm-ngùi rủ bức rèm châu, (3)  
Cách tường, nghe có tiếng đầu họa vắn.

Một chàng vừa trạc thanh-xuân,  
1060. Hình-dung chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.

Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương, (4)  
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh.

Bóng Nga thấp-thoáng dưới màn.  
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo-đai. (5)



(1) Duềnh là vực sâu.

(2) Đau lòng vì cuộc đời trôi nổi của mình.

(3) Rủ bức rèm châu : Hạ bức rèm châu ở cửa xuống.  
Có bản viết : Tàn ngần đứng rủ rèm châu.

(4) Mạch thư-hương : Dòng-dối nhỏ gia.

(5) Ra tình đeo-đai : Ra vẻ quyến-luyến.

Câu trên và câu này : Bóng trăng mới mọc thấp-thoáng dưới màn, trên lầu Ngưng-Bích trông thấy chàng và nàng quyến luyến nhau.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

• Than ôi! sắc nước hương trời, (1)  
« Tiếc cho đầu bồng lạc-loài đến đây ?  
• Giá đành trong nguyệt trên mây,  
• Hoa sao, hoa khéo đọa-đày bấy hoa ?  
« Nổi gan (2) riêng giận trời già,  
1070. • Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng ?  
• Thuyền-quyên (3) ví biết anh-hùng,  
« Ra tay tháo củi, sỗ lòng, như chơi ! »  
Song thu (4) đã khép cánh ngoài,  
Tai còn đồng-vọng (5) mấy lời sắt đanh.  
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,  
Cảm lòng chua-xót, nhạt tình chơ-vơ. (6)



- (1) Sắc nước hương trời : Dịch chữ quốc sắc thiên hương  
Quốc sắc : Đẹp nhất trong nước. Thiên hương : Hương thơm trên trời.
- (2) Nổi gan : nổi giận lên. Có bản viết : tức gan...
- (3) Thuyền-quyên : người đàn bà đẹp.
- (4) Song thu : Cửa sò về mùa thu.
- (5) Đồng-vọng : Từ xa vọng lại nghe văng-vẳng.
- (6) Nghĩa là : cảm cái lòng người ta thương mình, mà dớ bở sự đau-khờ lưu-lạc của mình.



Kiều  
mặc lụa  
Sở Khanh



Tứ Bà dạy  
Kiều những  
nghề nguyệt hoa



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Những là, lần-lữa nắng mưa,  
Kiếp phong-trần biết bao giờ là thời?  
Đánh liều nhả một hai lời,  
1080 Nhờ tay tế-độ vớt người trầm-luân, (1)  
Mảnh tiên (2) kể hết xa gần,  
Nổi nhà báo-đáp, nổi thân lạc-loài.  
Tan sương vừa rạng ngày mai,  
Tiện-hồng (3) nàng mới nhả lời gửi sang.  
Trời tây (4) lãng-dăng bóng vàng,  
Phúc thư đã thấy tin chàng đến nơi.  
Mở xem một bức tiên-mai, (5)  
Rành-rành « tích-việt » (6) có hai chữ đề.  
Lấy trong ý-tử mà suy :  
1090 « Ngày hai mươi mốt, tuất thì (7) phải chăng ? »

- 
- (1) Tế-độ : Cứu vớt. Trầm-luân : chìm đắm.  
(2) Mảnh tiên : Tờ giấy viết thư. Đây ý nói là viết thư.  
(3) Tiện hồng : Nhân tiện có người gửi thư. Hồng là chim hồng, cũng như nói chim nhận đề trở người đem tin.  
(4) Trời tây : Mặt trời xế chiều (về phía tây).  
(5) Tiên mai : Tức là mai tiên nghĩa là tờ giấy hoa-tiên  
(6) Trong thư chỉ có hai chữ « tích việt ». Tích việt là lời nói ần, lấy lối chiếc tự mà đoán thì là : trấp nhất nhất tuất tầu ; nghĩa là ngày 21, giờ tuất, thì trốn.  
(7) Tuất thì : giờ tuất ( 8, 9 giờ tối).

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Chim hôm thoi-thót (1) về rừng, (1)  
Đóa trà-mi đã ngậm trăng nửa vành. (2)

Tường đông (3) lay động bóng cành,  
Rẽ song, đã thấy Sở-Khanh lên vào.

Sượng-sùng đánh dạn ra chào,  
Lay thoi, nằng mới rỉ tai ân-cần.

Rằng : « Tôi bèo-bọt chút thân,  
« Lạc đàn mang lấy nợ-nần yển-anh.

« Dài nhờ cốt-nhục tử-sinh, (4)  
1100. « Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau ! » (5)

~~~~~  
(1) Thoi-thót : vun-vút.

(2) Nửa vầng trăng đã rơi trên ngọn trà-mi.

(3) Tường đông : Tường phía đông.

(4) Cốt-nhục, tử-sinh : Do chữ cốt nhi nhục, tử nhi sinh : Xương khô mà mọc ra thịt, chết mà sống lại, nghĩa là Dám xin nhờ người cứu-vớt.

(5) Ý nói còn nhiều dịp báo-đền ơn nghĩa. Câu này do tích : Đời Xuân-Thu, Tương nước Tần là Ngụy-Thù có một nàng hầu trẻ, đẹp. Khi sắp chết, dặn con trai là Ngụy-Khỏa đem nàng chôn sống theo mình. Ngụy-Khỏa không nghe theo, cho nàng trở về nhà, sau khi Ngụy-Thù chết. Sau Ngụy-Khỏa đánh nhau với quân Tần, bỗng nhiên tướng nước Tần là Đổ-Hồ té ngã trên cỏ, bị Khỏa chém chết. Đêm hôm ấy Ngụy-Khỏa nằm mộng thấy cha nàng hiện lên tạ ơn rằng : « Tôi thọ ơn ông không nở chôn sống con gái tôi, nên đã kết cỏ làm cho Đổ-Hồ vấp ngã để cho ông giết ».

TRUYỆN THÚY KIỀU

Lặng ngời, lăm-nhăm gặt đầu, (1)

« Ta đây nào phải ai đâu mà rằng !

« Nàng đã biết đến ta chẳng,

« Bề trăm-luân, lấp cho bằng mới thôi ! »

Nàng rằng : « Muôn sự ơn người,

« Thế nào xin quyết một bài cho xong »

Rằng : « Ta có ngựa truy phong, (2)

« Có tên dưới trướng, vốn dòng kiện-nhi. (3)

Thừa cơ lên bước ra đi,

1110. « Ba-mươi-sáu chước, chước gì là hơn ? (4)

« Dù khi gió kếp, mưa đơn, (5)

« Có ta đây cũng chẳng can cơ gì ! »

(1) Lăm-nhăm : Nói nhỏ trong miệng.

(2) Ngựa truy phong : Ngựa đuổi theo kịp gió. Ý nói ngựa phi mau như gió bay.

(3) Tên dưới trướng : Kẻ thủ hạ. Kiện-nhi : Người có sức vóc, khỏe-mạnh.

(4) Do câu : tam thập lục kế, tâu vi thượng sách (ba mươi sáu kế, chạy là hơn cả).

(5) Ý nói dù gặp những điều trở-ngại, khó, dễ, có ta không sợ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Nghe lời, nàng đã sinh nghi,
Song đà quá đổi, quản gì được thân.

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con Tào xoay-vặn đến đâu !

Cùng nhau lên bước xuống lầu,
Song song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.

Đêm thu khắc lậu canh tàn, (1)

1.120. Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.

Lối mòn cỏ lợt màu sương,

Lòng quê đi một bước đường một đau. (2)

Tiếng gà xao-xác gáy mau,

Tiếng người đâu đã mái sau dẫy-dàng. (3)



(1) Khắc : Giờ khắc. Lậu : Nhiều xuống từng giọt. Ngày trước đồng-hồ là cái hồ đựng nước, dưới có lỗ nhỏ để nước chảy từng giọt xuống, nước theo giờ khắc qua mà rơi dần. Đêm thu khắc lậu : Đêm thu giờ khắc từ-từ trôi qua.

(2) Lòng quê : Lòng nhớ quê nhà.

(3) Dẫy dàng : Nổi lên ồn-ào.

Nàng còn thồn-thức gan vàng, (1)
Sở-Khanh đã rẽ dây cương lối nào!
Một mình khôn biết làm sao,
Dậm rìng bước thấp, bước cao hãi-hùng.
Hóa-nhi thật có nở lòng, (2)
1.130. Làm chi giày tía, vò hồng, lấm nau! (3)
Một đoàn đồ đến trước sau,
Vuốt đầu xuống đất, cãnh đầu lên trời? (4)
Tú-Bà tốc thẳng đến nơi,
Hăm-hăm áp-điệu một hơi lại nhà.
Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu, giập hoa toi-bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng, thắm ròi, chẳng đau. (5)

~~~~~  
(1) Gan vàng : Cũng như nói lòng vàng.

(2) Hóa-nhi : Trẻ tạo, con tạo.

(3) Giày tía, vò hồng : Giày-vò sắc tía, sắc hồng. tức là giày-vò đóa hoa. Lấm nau : Lấm nao.

(4) Vuốt : Móng nhọn của loài thú.

(5) Hồng rụng, thắm ròi : Ý nói máu đỏ, thịt rơi (vì máu thịt, đều là màu đỏ).

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Hết lời thú-phục, khẩn-cầu, (1)

1140 Uốn lưng thịt đồ, dập đầu máu sa.

Rằng : • Tôi chút phận đàn-bà,

« Nước non lia cửa, lia nhà, đến đây. (2)

« Bây giờ sống thác ở tay,

« Thân này đã đến thế này thì thôi !

« Nhưng tôi có sá chi tôi !

« Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu ? (3)

« Thân lươn bao quản lấm đầu, (4)

« Chút lòng trinh-bạch từ sau xin chừa ! » (5)

Được lời mụ mới tùy cơ,

1150. Bắt người bảo-lĩnh làm tờ cung-chiêu. (6)

~~~~~  
(1) Thú-phục : Thú-nhận tội và xin phục-tùng.

(2) Nước non : Ý nói xa-xôi cách trở núi sông.

(3) Phận tôi dù chết cũng đành nhưng vốn liếng (hơn bốn trăm lạng) của người mất đi thì đáng tiếc lắm chứ !

(4) Hèn-hạ như thân con lươn thì quản chi sự lấm đầu.

(5) Tấm lòng trinh-bạch xin bỏ, không giữ nữa, nghĩa là bằng lòng tiếp khách.

(6) Tờ cung - chiêu : Tờ cung khai nhận tội.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Bày vai có ả Mã-Kiều, (1)

Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.

Mụ càng kễ nhặt, kễ khoan, (2)

Gạn-gùng đến mực, nong-nàn mới tha. (3)

Vực nàng vào nghỉ trong nhà,

Mã-Kiều lại ngổ ý ra dặn lời :

« Thôi đà mắc lận thì thôi !

« Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh ?

« Bạc tinh, nổi tiếng lâu xanh,

1.160. « Một tay chôn biết mấy cảnh phù-dung ! (4)

« Đà-đao lập sẵn chước dùng, (5)

« Lạ gì một cốt, một đồng xưa nay ! (6)

« Có ba mươi lạng trao tay,

~~~~~  
(1) Bày vai : Cùng một lứa, đây là bạn gái cùng ở lâu xanh với Kiều.

(2) Kễ nhặt, kễ khoan : Kễ lè lúc dồn dập, lúc chằm-rãi.

(3) Gạn hỏi giận dữ hết mực, rồi mới chịu tha cho Kiều.

(4) Một tay làm hại biết bao con gái đẹp.  
Phù-dung : gái đẹp.

(5) Đà đao : Một miếng võ hiểm, giả thua bỏ chạy làm đối phương rượt theo, quay đao chém lại bất ngờ. Đây nghĩa là mưu chước lường gạt.

(6) Một cốt một đồng : Ý nói Tú Bà và Sở-Khanh thông đồng với nhau để đánh lừa Kiều.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Không dung chi có chuyện này, trò kia !

« Rồi ra trở mặt tức thì,

« Bớt lời (1) liệu chớ trây chi (2) mà đời ! » (3)

Nàng rằng : « Thề-thốt nặng lời,

Có đầu mà lại ra người « hiêm-sâu ! »

Còn đương suy trước, nghĩ sau,

1170. Mặt mo đã thấy ở đầu dẫn vào.

Sở-Khanh lên tiếng rêu-rao :

« Nọ nghe rằng có con nào ở đây, (4)



(1) Bớt lời : giữ miệng.

(2) Trây chi : trêu-ghẹo.

(3) Mà đời : mà đi đời. Có bản viết : Bớt lời liệu chớ sân-si mà đời !

(4) Có bản viết : Nghe rằng mới có...

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Phao cho quyển gió rủ mây, (1)

« Hãy xem cho biết mặt này là ai ? »

Nàng rằng : « Thôi thế thì thôi !

« Rằng không thì cũng vàng lời rằng không ! »

Sở-Khanh quát mắng ùng-ùng,

Bước vào, vừa rắp thị hùng ra tay.

Nàng rằng : « Trời nhé có hay ! (2)

1.180. Quyển anh, rủ yến, sự này tại ai ?

« Đem người đẩy xuống giếng khơi, (3)

« Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay !

Còn tiên « **Tích-việt** » ở tay,

« Rõ-ràng mặt ấy, mặt này chứ ai ? »

---

(1) Quyển gió, rủ mây : Quyển rủ gió mây, ý nói rủ-rê Kiều đi theo Sở-Khanh.

(2) Trời nhé : tiếng đệm tỏ ý kêu gọi cũng như ta nói Trời hỡi có hay !

(3) ý nói rủ-rê người đi theo để bề làm hại. Có bản viết : Phình người giầy xuống giếng khơi, lấy nghĩa của chữ khơi là sâu thăm-thẳm.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Lời ngay, đong mắt trong ngoài,  
Kẻ chè bắt-nghĩa, người cười vô lương ! (1)

Phụ tình án đã rõ-ràng,  
Nhờ tuồng, (2) nghĩ mới kiếm đường tháo lui.

Buồng riêng, riêng những sứt-sùi :

1.190. « Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân.

« Tiếc thay trong giá trắng ngần, (3)

« Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai ! (4)

« Tẻ vui cũng một kiếp người,

« Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru ! (5)

« Kiếp xưa đã vụng đường tu,

« Kiếp này chẳng khỏi đèn-bù mới xuôi !

---

(1) Có bản viết : Ai ai cũng gớm mặt người vô lương.

(2) Nhờ tuồng : Xấu hổ.

(3) Trong giá trắng ngần : Trong như giá (giá đậu). trắng như cá ngần (một giống cá mình trắng.) Cũng có thể hiểu là : trong như (tuyết) trắng như bạc (ngần là ngân).

(4) Phong-trần : gió bụi, trở cuộc đời trôi-rôi khổ-sở.

(5) má hồng đâu phải sống mãi trên đời để chịu cảnh phong trần.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Dầu sao bình đã vỡ rồi,

« Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! »

Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong,

1200. Tú-Bà ghé lại thông-dong dặn-dò :

« Nghề chơi cũng lắm công-phu,

Làng chơi ta phải biết cho đủ điều ».

Nàng rằng : « Mưa gió dập-dìu,

« Liều thân, thì cũng phải liều thế thời ! »

Mụ rằng : « Ai cũng như ai,

« Người ta ai mất tiền hoài đến đây ?

« Ở trong còn lắm điều hay,

« Nỗi đêm khếp mở, (1) nỗi ngày riêng chung. (2)

« Nay con thuộc lấy làm lòng,



(1) Nỗi đêm khếp mở : Cách đối xử với khách ban đêm khi không muốn tiếp họ (khếp), hay muốn tiếp họ (mở).

(2) Nỗi ngày riêng chung : Cách đối xử với khách ban ngày nằm, ngồi, riêng hoặc chung.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

1210. « Vành ngoài bảy chữ, (1) vành trong tám nghề. (2)

• Chơi cho liễu chán hoa chè, (3)

« Cho lăn-lóc đá, cho mê-mẩn đời. (4)

« Khi khoe hạnh, khi nét ngài, (5)

« Khi ngâm-ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa. (6)

Đều là nghề-nghiệp trong nhà,

« Đủ ngàn ấy nết, mới là người soi ». (7)

~~~~~  
(1) Vành ngoài bảy chữ : Bề ngoài dùng mảnh khoe giá
dối, yêu thương.

(2) Vành trong tám nghề : bề trong có tám cách để thỏa
mãn lòng dục của khách chơi.

(3) Chơi cho khách làng chơi no-nê, thỏa-thích.

(4) Cho họ say-mê lăn-lóc như hòn đá, cho họ mê-mẩn tâm-
thần chẳng còn biết cuộc đời là gì.

(5) Khoe hạnh : Khéo mép, đây là mím cười. Nét ngài :
Mày ngài, đây là liếc mắt.

(6) Khi làm thơ ngâm vịnh trăng, khi đùa giỡn với hoa.

(7) Soi : Sành sỏi.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Gót đầu vàng dạy mấy lời,
Đường châu nét nguyệt, đường phai vẽ hồng. (1)

Những nghe nói, đã then-thùng,
1220. Nước đời lắm nổi lạ lòng khất-khe !

Xót mình cửa các, buồng khuê,
Vỡ lòng, học lấy những nghề-nghiệp hay !
Khéo là mặt dạn, mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi !

Thương thay thân-phận lạc-loài,
Dấu sao cũng ở tay người biết sao ?

Lầu xanh, mới rủ trướng đào, (2)
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.

(1) Nét nguyệt : Nét lông mày hình bán nguyệt. Phai vẽ hồng : Phai mắt sắc hồng hào.

(2) Trướng đào : màn màu hoa đào. Ý rủ trong lầu xanh mới treo thêm một cái màn để Kiều tiếp khách.

Biết bao bướm lả, ong loi,

1230. Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.

Dập-diu lá gió, cành chim, (1)

Sớm đưa Tống-Ngọc, tối tìm Tràng-Khanh. (2)

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, (3)

Giật mình, mình lại thương mình xót xa.

Khi sao phong gấm, rủ là,

Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường ?

Mặt sao dày gió dạn sương,

Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân ?

Mặc người mưa Sở, mây Tần, (4)

1240. Những mình nào biết có xuân là gì ! (5)



(1) Lá gió, cành chim : Lá đón gió. cành đón chim. Ý nói tiếp khách tới lui tấp nập.

(2) Tống-Ngọc : Người nước Sở. Tràng-Khanh : Tên hiệu của Từ-Mã Tương-Như đời Hán. cả hai đều là văn nhân có tánh trăng hoa nổi tiếng và đẹp trai.

(3) Lúc tàn canh : Lúc đêm tàn.

(4) Ý nói mặc ai ân ái (mây mưa), vui thú cuộc trăng hoa.

(5) Xuân đây là xuân tình tức là ái tình.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Đòi phen gió tựa, hoa kề, (1)

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu. (2)

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ!

Đòi phen nét vẽ, câu thơ,

Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.

Vui là vui gượng kẻo là, (3)

Ai tri-âm đó, mận-mà với ai ? (4)

Thờ-ơ gió trúc, mưa mai, (5)

1250. Ngẩn-ngơ trăm nỗi, giùi-mại một thân.

Nỗi lòng đòi-đoạn xa gần,

Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau!

~~~~~  
(1) Đòi phen : nhiều khi.

(2) Tuyết rơi ngậm nửa bức rèm cửa, trăng chiếu sáng bốn bề suốt đêm.

(3) Kẻo là : gọi là.

(4) Tri-âm : Bạn thân.

(5) Ý nói trong cảnh tung bưng vui thú của lầu xanh như trúc gặp gió và hoa mai gặp được mưa, mà Kiều thì thờ ơ không tương đến.



Nhớ ơn chín chữ cao sâu, (1)

Một ngày một ngả bóng dầu tà-tà.

Dặm ngàn, nước thẳm, non xa, (2)

Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này!

Sân hòe (3) đói chút thơ-ngây,

Trân-cam ai kẻ đỡ thay cho mình? (4)

Nhớ lời nguyện-ước ba-sinh,

1260. Xa-xôi ai có biết tình chẳng ai?



Trong Kinh-thi có câu : **Cửu tự cử lao** là :

- (1) Sinh (đẻ). 2) Cúc (nâng giắc). 3) Phủ (vuốt ve).  
4) Súc (nuôi, cho bú. 5) Trưởng (nuôi cho lớn).  
6) Dục (nuôi, dạy dỗ). 7) Cố (trông nom, săn sóc).  
8) Phục (khuyên răn). 9) Phúc (giữ gìn, che chở).

(2) Nơi non nước xa thẳm nghìn dặm.

(3) Sân hòe : Sân trồng cây hòe.

(4) Trân-cam : trái cây ngọt như cam.

---

## T.RUYỆN THÚY KIỀU

---

Khi về hỏi liễu Chương-đài, (1)

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay !

Tình sâu, mong trả nghĩa dày, (2)

Hoa kia đã chấp cành này cho chưa ?

Mới tình đôi-đoạn vò tơ,

Giấc hương-quan (3) luyến lẩn mơ canh dài.

Song-sa (4) vò-vỡ phương trời,

Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng.

~~~~~

(1) Câu này mượn ý trong Tình-sử có bài thơ của Hàn-Dũ gởi cho tình nhân tên là Liễu ở Chương-Đài có câu : Chương Đài Liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ, giả ưng phan chiết tha nhân thủ, nghĩa là : Hỡi cây liễu Chương Đài ! Ngày trước xanh xanh nay còn không ? Hay là tay người khác bẻ mất rồi.

(2) Tình sâu : Tình thâm (cốt nhục tình thâm). Nghĩa dày : Nghĩa nặng.

(3) Giấc hương-quan : Giấc mộng về quê hương.

(4) Song sa : Cửa sò che màn bằng sa.



KIỀU GẶP THỨC-SINH



Bi Thức-Công đưa
tôi của quân...

TRUYỆN THÚY KIỀU

Lần lần thỏ bạc ác vàng, (1)

1270. Xót người trong hội đoạn-trường đòi con !

Đã cho lấy chữ hồng-nhan,

Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cần !

Đã dày vào kiếp phong-trần,

Sao cho sĩ-nhục một lần mới thôi !

Khách du bồng có một người,

Kỳ-Tâm họ Thúc, cũng nói thư-hương. (2)

Vốn người huyện Tịch, châu Thường,

Theo nghiêm-đường (3) mở ngôi hàng Lâm-Chuy.

Hoa-khôi (4) mộ tiếng Kiêu-nhi,

1280.Thiếp hồng tìm đến hương-khuê gởi dào. (5)

~~~~~  
(1) Ý nói lần lửa ngày tháng trôi qua.

(2) Nói thư hương : Dòng-dối nho gia.

(3) Nghiêm đường : Cha.

(4) Hoa-khôi : Đứng đầu các thứ hoa, trở người đẹp nhất trong đám con gái.

(5) Thiếp hồng : Danh thiếp bằng giấy đỏ. Xưa, người ta thường gửi danh-thiếp bằng giấy đỏ. Hương-Khuê : Buồng thơm, trở buồng phụ-nữ.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Trướng tô, giáp mặt hoa đào, (1)

Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa?

Hải-đường môn-mởn cảnh tơ,

Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng!

Nguyệt-hoa, hoa-nguyệt, nã-nùng,

Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng!

Lạ gì thanh, khí, lẽ hằng, (2)

Một dây một buộc, ai giằng cho ra?

Sớm đào, tối mặn, (3) lán-la,

1290-Trước còn trắng-gió, sau ra đá-vàng. (4)



- (1) Trướng tô : Màn có tua, ý nói gặp người đẹp ở trong màn quí.
- (2) Lẽ hằng : lẽ thường.
- (3) Sớm đào, tối mặn : Ý nói say-mê nhau sớm tối không rời.
- (4) Trước còn nhân tình với nhau (trắng gió), sau thề-nguyên lấy nhau (đá vàng).

---

## TRUYỆN THUYẾT KIỀU

---

Dịp đầu may-mắn lạ đường !

Lại vừa gặp khoảng xuân-đường lai què. (1)

Sinh càng một tỉnh mười mê,

Ngày xuân, lắm lúc đi về với xuân. (2)

Khi gió gác, khi trăng sân,

Bầu tiên chúc rượu, câu thần nói thơ.

Khi hương sớm (3) khi trà trưa,

Bàn vây (4) điếm nước, đường tơ họa đàn.

Miệt-mài trong cuộc truy-hoan, (5)

1300. Càng quen thuộc nết, càng dan-diu tình.

Lạ cho cái sóng khuynh-thành, (6)

Làm cho đồ quán, xiêu đình như chơi.

Thúc-Sinh quen thói bốc ròi, (7)

Trăm nghìn đồ một trận cười như không !

~~~~~  
(1) Xuân đường : Cha.

(2) Với xuân : Với tình, trở Kiều.

(3) Khi hương sớm : Khi xông hương buổi sáng cho thơm.

(4) Bàn vây : Bàn cờ vây, một lối chơi cờ bên Tàu. Điếm nước : đi một nước cờ.

(5) Truy-hoan : Theo đuổi sự vui chơi.

(6) Sóng : trở con mắt người đẹp. Người ta ví con mắt của càn-bà đẹp như sóng, như nước mùa thu.

(7) Bốc ròi : Bốc từng năm tiền ròi đem phung phí không cần đếm. Ý nói tiêu xài lớn không tiếc tiền.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Mụ càng tô lục, chuốt hồng, (1)
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê. (2)
Dưới trăng, quỳn đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu (3) lập-lòe đăm bông.
Buồng the phải buổi thông-dong,
1310. Thang lan, rủ bức trướng hồng, tằm hoa. (4)
Rõ-ràng trong ngọc, trắng ngà,
Dày-dày sẵn đúc một tòa thiên-nhiên ! (5)
Sinh càng tỏ nét, càng khen.
Ngụ tình (6) tay thảo một thiên luật Đường.
Nàng rằng : « Vàng biết lòng chàng,
« Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.
« Hay hèn lẽ cũng nổi diêu. (7)

-
- (1) Tô-diêm, chải-chuốt cho Kiều đẹp thêm.
(2) Hơi đồng : Mùi tiền bạc.
(3) Lửa lựu : Hoa thù-lựu nở đỏ tường như lửa.
(4) Thang lan : Nước hoa lan nấu lên để tắm.
Ý câu này : Gặp buổi rồi việc, Kiều buồng màn hồng xuống và tắm bằng nước hoa lan.
(5) Lồ-lộ như pho tượng do trời đúc sẵn. Ý nói khi Kiều bỏ xiêm áo ra thân hình nàng tuyệt đẹp.
(6) Ngụ tình : Đem tình-ý ký-thác vào bài thơ.
(7) Nổi diêu : Nổi lông đuôi con diêu. Bên Tàu các quan Ngự-sử dùng lông đuôi con diêu làm chỏm mũ. Đến cuối đời Tần nhiều người không tài đức cũng được sung chức Ngự-Sử. Vì thế, nhân-dân không phục, thường mỉa-mai bằng câu : Lông đuôi diêu không đủ thì lấy lông đuôi chó mà nổi vào; vì lẽ ấy cho nên người ta dùng chữ : nổi diêu là ý nói họa theo.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Nỗi quê (1) nghĩ một hai điều ngang-ngang.

« Lòng còn gửi áng mây vàng, (2)

1320. « Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay. »

Rằng : « Sao nói lạ lùng thay !

« Cảnh kia chẳng phải cõi này mà ra ? » (3)

Nàng càng ủ-dột thu ba, (4)

Đoạn-trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh.

« Thiếp như hoa đã lia cành,

« Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.

« Chúa xuân (5) đành đã có nơi,

« Ngẩn ngáy, thôi chớ dài lời lắm chi ! »

Sinh rằng : « Từ thuở tương-tri,

1330. « Tấm riêng, riêng những nặng vì nước-non.(6)

• Trăm năm, (7) tính cuộc vương tròn,

« Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông. »

(1) Nỗi quê : Nỗi nhớ quê-hương.

(2) Ánh mây vàng : nhớ nhà. Có bản viết ánh mây hàng lấy tích ông Địch-Nhân-Kiệt trông thấy đám mây ở núi Thái-hàng, nói rằng : nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây đó.

(3) Cảnh kia : Trỏ Kiều. Cõi này : Gốc này, trỏ Tú-Bà.

(4) Thu-ba : Sóng mùa thu, trỏ con mắt đàn-bà đẹp.

(5) Chúa xuân : Người chủ tình yêu, trỏ Thúc-Sinh.

(6) Nước-non : Lời thề sông núi.

(7) Trăm năm : Do chữ bách niên giai lão ; ý nói vợ chồng ăn ở với nhau suốt đời.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Nàng rằng : « Muôn đời ơn lòng,
« Chút e bên thú, bên tông dễ đâu. (1)
« Bình-Khang nấn-ná bấy lâu, (2)
« Yêu hoa, yêu được một màu điểm-trang.
« Rồi ra lỡ phấn, phai hương,
« Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng ?
« Vả trong thềm quế, cung trăng, (3)
1.340. « Chủ-trương đành đã chị Hằng (4) ở trong.
« Bấy lâu khắng-khít giải đồng, (5)
« Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây. (6)
- ~~~~~

- (1) Bên thú : Bên lấy vợ tức là Thúc-Sinh. Bên tông : Bên theo chồng tức là bên Kiều.
- (2) Bình-khang : Tên một xóm điểm tại kinh-dô Trường-An đời Đường; về sau Bình-khang được dùng để trở xóm thanh lâu.
- (3) Thềm quế, cung trăng : trở nhà Thúc-Sinh.
- (4) Chị Hằng : Hằng-Nga. Theo truyện thần-tiên, nàng Hằng-Nga là vợ Hậu-Nghê, ăn vụng thuốc trường-sinh bất tử của chồng nên thành tiên, rồi trốn lên cung trăng ở.
- (5) Giải-dồng : Giải đồng-tâm. Người Tàu có tục lấy hai giải lụa thắt chặt lại, gọi là Đồng-tâm-kết, để tượng-trưng tình chồng vợ.
- (6) Lòng riêng tây : Lòng riêng tư.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Vẻ chi chút phận bèo mây,
« Làm cho bẽ ái, khi đầy, khi voi.
« Trăm điều ngang-ngửa vì tôi,
« Thân sau (1) ai chịu tội trời ấy cho ?
« Như chàng có vững tay co,
« Mười phần cũng đắp-điểm cho một vài. (2)
• Thế trong dù lớn hơn ngoài,
1.350. « Trước hàm su-tử gửi người đặng-la. (3)
« Cúi đầu luồn xuống mái nhà, (4)
« Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng. (5)
« Ở trên còn có nhà thông, (6)
« Lòng trên trông xuống, biết lòng có thương ?
« Sá chi liễu ngô, hoa tường, (7)
« Lầu xanh, lại bỏ ra phường lầu xanh !

~~~~~  
(1) Thân sau : Kiếp sau.

(2) Ý nói : nếu chàng cứng tay sẽ che chở được vài phần.

(3) Đặng-la : Một thứ dây leo, dây có nghĩa là người vợ lẽ.

(4) Mái nhà : Nghĩa bóng là vợ lẽ.

(5) Giấm chua : Trò sự ghen tuông của đàn-bà. Lửa nòng : Bời chữ hỏa khanh tức chốn thanh lâu.

(6) Nhà thông : tức là nhà tiên : trở người cha.

(7) Liễu ngô, hoa tường : Người ta ví gái lầu xanh như cây liễu mọc ngoài ngô, cành hoa mọc ngoài tường ai hái cũng được.

« Lại càng do-dáng đại hình, (1)

« Đành thân-phận thiếp, ngại danh-giá chàng.

« Thương sao cho vẹn thi thương,

1.360. « Tính sao cho trọn mọi đường thì vàng ».

Sinh rằng : « Hay nói dè chừng, (2)

« Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao ?

« Đường xa chớ ngại Ngô Lào, (3)

« Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.

« Đã gần chi có đường xa,

« Đá-vàng cũng quyết, phong-ba cũng liều ».

Cùng nhau căn-vạn đến điều,

Chỉ non thề bề nặng gieo đến lời.

Nỉ-non đem ngăn tình dài,

1.370. Ngoài hiên thỏ đã non đồi ngậm gương: (4)



(1) Do-dáng đại hình : Hình-dáng do-dại, ý nói xấu-hồ cho thân hình.

(2) Nói dè chừng : Nói dò đón trước.

(3) Không ngại đường xa xôi.

(4) Non đồi : Núi ở phía tây.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Mượn điều trúc viện thừa lương, (1)  
Rước về hầy tạm giấu nàng một nơi.  
Chiến hòa sắp sẵn hai bài, (2)  
Cậy người thầy-thợ, mượn người dò-la.  
Bắn tin đến mặt Tú-Bà,  
Thua cơ, (3) mụ cũng cầu hòa, dám sao.  
Rõ-ràng của dẫn, tay trao,  
Hoàn lương (4) một thiệp, thân vào cửa công.  
Công tư đôi lẽ đều xong,  
1.380. Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai.  
Một nhà sum-hợp trúc mai,  
Càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sông.  
Hương càng đượm, lửa càng nồng, (5)

- 
- (1) Thừa lương : Nghỉ mát, hóng mát.  
(2) Sắp sẵn hai cách (hai bài) dỗ Tú-bà đề cho Kiều ra (hòa), hay kiện Tú-Bà về tội mua con gái nhà lương thiện làm gái lầu xanh (chiến),  
(3) Thua cơ : Thua mưu cơ.  
(4) Hoàn lương : Gái lầu xanh bỏ thanh lâu trở về lấy chồng làm ăn lương thiện gọi là hoàn lương.  
(5) Hương lửa : Tình vợ chồng.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Càng soi vẻ ngọc, càng lồng màu sen : (1)

Nửa năm hơi tiếng vừa quen,

Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng. (2)

Giậu thu vừa nẩy giò sương, (3)

Gối yên đã thấy xuân-đường đến nơi.

Phong lời nổi trận bời-bời, (4)

1.390. Nặng lòng e-ấp, tình bài phân-chia. (5)

Quyết ngay biện-bạch một bề, (6)

Dạy cho má phấn lại về lầu xanh !

Thấy lời nghiêm-huấn rành-rành,

Đánh liều Sinh mới lấy tình nài kêu.

Rằng : « Con biết tội đã nhiều,

« Dầu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.

« Trót vì tay đã nhún chàm,

« Đại rồi, còn biết khôn làm sao đây ?

- 
- (1) Càng soi vẻ ngọc : vẻ đẹp càng lộ ra. Càng lồng màu sen : Má hồng, môi son càng đẹp lộng-lẫy.
- (2) Ngoài sân, cây ngô-đồng cành xanh biếc đã điểm lá vàng Ý nói mùa thu đến. Cờ-thi có câu : Ngô-đồng nhất điệp báo thu lai : cây ngô-đồng rụng lá báo mùa thu đến.
- (3) Giậu thu : Giậu hoa mùa thu. Giò sương : Giò hoa cúc trắng như sương.
- (4) Phong lời : Cơn giận-dữ ầm-ầm như sấm.
- (5) Nặng lòng e-ấp : Rất e-ngại ấp-úng.
- (6) Biện-bạch : nói trắng ra.

---

## TRUYỆN THUY KIỀU

---

- « Cùng nhau vả tiếng một ngày,  
1.400. Òm cầm, ai nỡ dứt dây cho đành.  
« Lượng trên quyết chẳng thương tình,  
« Bạc đen thôi có tiếc mình làm chi ! »  
Thấy lời sắt đá tri tri,  
Sốt gan, ông mới cáo quì cửa công. (1)  
Đất bằng nổi sóng ùng-ùng, (2)  
Phủ đường sai lá phiếu-hồng thôi-tra. (3)  
Cùng nhau theo gót sai-nha,  
Song song vào trước sân hoa, lại quì.  
Trông lên mặt sắt đen sì,  
1410. Lập nghiêm trước đã, ra uy nặng lời :  
« Gã kia dạy nết chơi-bời,  
« Mà con người thế là người dong-đưa !  
« Tuồng gì hoa thắm, hương thừa,  
« Mượn màu son-phấn đánh lừa con đen !  
« Suy trong tình-trạng bèn nguyên,  
« Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.  
Phép công chiếu án luận vào,  
Có hai đường ấy, muốn sao mặc mình :  
« Một là cứ pháp gia hình, (4)  
1420. « Một là lại cứ lâu xanh phó về ! »

- (1) Cáo quì : Quì gối đệ đơn, xua vào cửa quan trình việc gì, phải quì.  
(2) Đất bằng nổi sóng : Việc gì xảy ra bất ngờ như mặt đất bằng mà có sóng lớn.  
(3) Phiếu-hồng : Tờ trát của quan. Thôi-tra : Đềi hỏi.  
(4) Cứ pháp gia hình : Chiếu pháp luật làm tội.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Nàng rằng : « Đã quyết một bề,  
« Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần !  
« Đục trong, thân cũng là thân,  
« Yếu thơ, vâng chịu trước sân lỏi-đình » (1)  
Dạy rằng : « Cừ pháp gia hình ! »  
Ba cây (2) chập lại một cành mầu-đơn !  
Phận đành chi dám kêu oan,  
Đào hoen-quện má, liễu tan-tác mày.  
Một sân lảnh cát đã đầy,  
1.430 Gương lờ nước thủy, mai gãy vóc xương. (3)  
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,  
Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót-xa.  
Khóc rằng : « Oan-khốc vì ta,  
• Có nghe lời trước, chớ đà lụy sau.  
« Cạn lòng, chẳng biết nghĩ sầu,  
« Đề ai trắng tuyết, hoa sầu, vì ai ? »  
Phủ-đường nghe thoáng vào tai,  
Động lòng, lại gạn đến lời riêng-tây.

~~~~~  
(1) Lỏi-đình : Sấm-sét.

(2) Ba cây : Dịch chữ tam mộc là thứ hình cụ ngày xưa gồm có : gông cổ, cùm tay, cùm chân.

(3) Gương lờ nước thủy : Nét mặt bơ phờ coi như tấm gương soi đã lờ nước thủy. Mai gãy vóc xương : Thân vóc gãy như cành mai.

TRUYỆN THUY KIỀU

Sự-sùi, chàng mới thừa ngay,

1.440. Đầu-đuôi kể lại sự ngày cầu thân : (1)

« Nàng đã tinh hết xa gần,

« Từ xưa nàng đã biết thân có rày !

« Tại tôi háng lấy một tay,

« Đề nàng cho đến nỗi này, vì tôi ! »

Nghe lời nói cũng thương lời,

Đẹp uy, mới dạy mở bài giải vi. (2)

Rằng : « Như hẵn có thể thì,

« Trăng hoa, (3) song cũng thị-phỉ biết điều ! »

Sinh rằng : « Chút phận bọt-bèo,

1.450. « Theo đòi vả cũng ít nhiều bút-nghiên . »

Cười rằng . « Đã thế thì nên ! (4)

« Mộc-già hãy thử một thiên, trình nghề. » (5)

Nàng vàng, cất bút tay đề,

Tiên-hoa trình trước án phê, xem tường. (6)

Khen rằng : « Giá lợp thịnh Đường, (7)

« Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân !

(1) Cầu thân : Sự định lấy nhau.

(2) Bài giải vi : cách gỡ ra.

(3) Trăng hoa : Sự chơi bời trai gái.

(4) Thì nên : Thì được, thì hay.

(5) Hãy thử làm bài thơ « cái gông » (mộc già).

(6) Tiên-hoa : Tờ giấy hoa. Án-phê : Bàn ngồi phê giấy tờ.

(7) Giá lợp : Giá-trị trùm lợp, ý nói cao nhất. Thịnh Đường : Thời-kỳ thơ Đường thịnh nhất.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Thực là tài-tử giai-nhân (1)

« Châu Trần, còn có Châu Trần nào hơn?

« Thôi đừng rước dữ, cứu hồn, (2)

1460 « Làm chi lỗ nhíp cho đòn ngang cung!

« Đã đưa đến trước cửa công,

« Ngoài thì là lẽ, song trong là tình.

« Dâu con trong đạo gia-đình,

« Thôi thì đẹp nổi bất-bình, là xong » !

Kíp truyền sắm-sửa lễ công, (3)

Kiếp hoa cát gió, đuốt hồng điểm sao. (4)

Bày hàng cồ-xúy xôn-xao, (5)

Song song đưa tới trướng đào sánh đôi. (6)

Thương vì hạnh, trọng vì tài,

1470 Thúc-ông thối cũng đẹp lời phong-ba.

Huệ lan sức-nước một nhà, (7)

Từng cay-đắng, lại mặn-mà hơn xưa.

Mảng vui (8) rượu sớm, cò trưa,

Đào là phai thắm, sen vừa nảy xanh.

(1) Tài-tử : Người con trai có tài.

(2) Đừng rước lấy điều giận dữ, oán hờn.

(3) Lễ công : Lễ cưới chính thức trước cửa công.

(4) Lính cất kiệu lên vai, chạy bay như gió. Đuốt điểm những chấm lửa hồng trong đêm tối như nhiều ngôi sao.

(5) Cồ-xúy : Cái trống và ống sáo.

(6) Trướng đào : Màn màu đào, đây là phòng cô dâu.

(7) Huệ lan : Hoa huệ, hoa lan.

(8) Mảng vui : mãi vui.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Trương hồ vắng-vẻ đêm thanh, (1)
E tình, nàng mới bày tình riêng chung. (2)
« Phận bồ vừa vẹn chữ tòng, (3)
« Đồi thay nhận yến đã hồng đầy niên.
« Tin nhà ngày một vắng tin,
1480 « Mặn tình cát-lũy (4) lạt tình tào-khang.
« Nghĩ ra, thật cũng nên dường, (5)
« Tăm-hơi (6) ai kẻ giữ-giàng cho ta ?
« Trộm nghe kẻ lớn trong nhà, (7)
« Ở vào khuôn-phép, nói ra mỗi giường.

-
- (1) Trương hồ: Mản làm bằng giấy.
(2) E tình: E sợ. Bày tình riêng chung : Giải bày tình riêng và tình chung.
(3) Phận bồ : Phận yếu ớt. Chữ tòng phu trong đạo Tam-tòng của phụ nữ.
(4) Cát lũy : một thứ dây leo, trở vợ lẽ. Tào kang : Vợ cả.
(5) Nên giường : Nên giường-mối.
(6) Tăm hơi : Tin tức.
(7) Kẻ lớn : Vợ lớn.



Kiều
khuyến
Thúc Sinh
về nhà
thăm vợ
cả..

Hoan-
Thư
lập mưu
bại Kiêu.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « E thay những dạ phi-thường, (1)
« Dễ dò bốn bề, khôn tường đáy sông ! (2)
« Mà ta suốt một năm ròng,
« Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
« Bấy-chầy chưa rõ tiêu hao, (3)
1490. « Hoặc là trong có làm sao chẳng là ?
« Xin chàng liệu kíp lại nhà,
« Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
« Đêm ngày giữ mực giấu quan,
« Rày lần, mai nữa, như hình chưa thông ! »
Nghe lời khuyên-nhủ thông-dong,
Đành lòng Sinh mới quyết lòng hồi trang. (4)
Rạng ra gửi đến xuân-đường, (5)
Thúc-ông cũng vội giục chàng ninh-gia. (6)
Tiễn đưa một chén quan-hà, (7)
1500. Xuân-đình thoát đã dạo ra cao-đình. (8)

-
- (1) Dạ phi thường : Lòng dạ khác người thường, nham hiểm sâu-độc.
(2) Khó hiểu được lòng người.
(3) Bấy lâu nay chưa rõ tin tức của vợ lớn.
(4) Hồi trang : đi về quê.
(5) Rạng ra : Rạng sáng ra. Gửi : thưa trình.
(6) Ninh gia : Về thăm nhà.
(7) Quan hà : Quan là cửa ải, hà là sông. Chén quan hà : chén rượu tiễn biệt người đi xa.
(8) Xuân đình : Nhà chơi. Cao đình : nơi tiễn biệt.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Sông Tần một giải xanh xanh,
Loi-thoi bờ liễu, mấy cảnh Dương-quan. (1)
Cầm tay dài ngắn thở-than,
Chia-phôi ngừng chén, hợp-tan nghẹn lời.
Nàng rằng : « Non nước xa khơi,
« Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.
« Dễ lừa yếm thắm, tròn kim, (2)
« Làm chi bụng mắt bắt chim khó lòng ! (3)
« Đói ta chút nghĩa đèo-bông,
1510. « Đến nhà, trước liệu nói sông cho minh.(4)
« Dù khi sóng gió bất tình, (5)
« Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.
« Hơn điều giấu ngược, giấu xuôi,
« Lại mang những việc tày trời đến sau.

(1) Cảnh Dương quan : Ngày xưa khi tiễn biệt nhau người ta bẻ cành liễu trao cho người đi.

(2) Tục ngữ : " Lừa được yếm thắm, khó lừa được tròn kim " nghĩa là cái yếm tuy đỏ thắm dễ thấy, nhưng khi vô ý không thấy, cái tròn kim tuy nhỏ xíu, nếu chú ý thì vẫn thấy. Có bản viết : Dễ mà ép xém luôn kim.

(3) Ý nói đừng giấu giếm khó lòng.

(4) Nói sông cho minh : Nói thẳng ra cho rõ-ràng minh-bạch.

(5) Bất tình : bất ngờ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Thương nhau xin nhớ lời nhau,
• Năm chầy (1) cũng chẳng đi đâu mà chầy !
« Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
« Chén mừng, xin đợi ngày này năm sau ! »
Người lên ngựa, kẻ chia bào, (2)
1520. Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan-san. (3)
Dặm hồng, bụi cuốn chinh-an, (4)
Trong người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.
Vàng trắng ai xẻ làm đôi ?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.
Kẻ chi những nổi dọc đường,
Buồng trong, này nổi chủ-trương ở nhà. (5)
Vốn dòng họ Hoạn danh-gia,
1530-Con quan Lại-Bộ tên là Hoạn-Thư. (6)
Duyên dang thuận nẻo gió đưa, (7)
Cùng chàng kết tóc, xe tơ những ngày. (8)

-
- (1) Năm chầy : Năm dài.
(2) Chia bào : Buông tay, không níu áo (bào).
(3) Rừng phong : Rừng cây phong, một thứ cây giống cây bàng ở xứ ta. Quan-san : Cửa ải và núi non.
(4) Dặm hồng : Đường có bụi đỏ bốc lên. Chinh-an : Yên ngựa đi đường trường.
(5) Buồng trong : Buồng người vợ cả.
(6) Quan Lại-bộ : Quan Lại-bộ thượng thư.
(7) Duyên dang : duyên may mắn.
(8) Những ngày : Từ lâu rồi.

Ở-ăn, thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc, thì tay cũng già. (1)
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lừa tâm càng giập, càng nòng,
Trách người đen-bạc, ra người trắng hoa. (2)
« Ví bằng thú thật cùng ta,
1540. « Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên.
« Đại chi chẳng giữ lấy nền,
« Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình ?
« Lại còn bưng-bít giấu quanh,
« Làm chi những thói trẻ ranh nực cười !
« Tính rằng cách mặt, khuất lời,
« Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho !
« Lo gì việc ấy mà lo,
« Kiến trong miệng chén lại bò đi đâu ? (3)
« Làm cho nhìn chẳng được nhau,
1550. « Làm cho đày-đọa cất đầu chẳng lên !
« Làm cho trông thấy nhỡn-tiền, (4)
• Cho người thăm ván, bán thuyền biết tay ! » (5)
Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặt gió bay mái ngoài.

-
- (1) Nói điều ràng buộc : Nói những điều thắt vào.
(2) Trách người đời lòng ra chơi bời, không nghĩ đến vợ nhà.
(3) Hoạn-thư ví Kiều như con kiến bò trên miệng chén, không chạy đâu thoát tay nàng được.
(4) Nhỡn-tiền : Ngay trước mắt.
(5) Thăm ván bán thuyền : Mới thăm ván đã vội bán thuyền.
Ý nói có mới bỏ cũ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.

Tiểu-thư nổi giận ùng-ùng :

« Gớm thay thêu-dệt, ra lòng trêu người !

« Chồng tao nào phải như ai,

1560-« Điều này hẳn miệng những người thị-phi ! »(1)

Vội-vàng xuống lệnh ra uy,

Đưa thì vả miệng, đưa thì bẻ răng.(2)

Trong ngoài kín-mít như bưng,

Nào ai còn dám nói-nặng một lời ?

Buồng đào khuya sớm thanh-thời,(3)

Ra vào một mực, nói cười như không. (4)

Ngày đêm lòng những giận lòng,

Sinh đà về đến lầu hồng, xuống yên.

Lời tan-hợp, nổi hàn-huyên,(5)

1570-Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.

Tây trần vui chén thông-dong,(6)

Nổi lòng, ai ở trong lòng mà ra ?

(1) Người thị-phi : người biết phải, trái.

(2) Đưa bị vả miệng, đưa bị bẻ răng.

(3) Thanh-thời : ung-dung.

(4) Ra vào một mực : Khi đi, khi về vẫn giữ theo mực như thường ngày.

(5) Lời tan-hợp : Lời nói về nỗi buồn khi xa nhau, nỗi vui khi tái-hợp.

(6) Chén tây trần : Chén rượu rửa sạch bụi, ý nói chén rượu mừng người đi xa về.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Chàng về xem ý-từ nhà,
Sự mình cũng rắp lặn-la giải-bày.

Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc-tơ bất động mảy-may sự tình.

Nghĩ : « Đà bụng kín miệng bình, (1)
« Nào ai có khẩu mà mình lại xưng ? »

Những là e-ấp dùng-dằng,
1580. Rút dây, sợ nữa động rùng, lại thôi. (2)

Có khi vui miệng mua cười,
Tiều-thư lại giở những lời đầu đầu.

Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau,
« Mười phần ta đã tin nhau cả mười.

« Khen cho những miệng rộng-dài,
« Bướm-ong, lại đặt những lời nọ kia ! (3)

« Thiếp dù vụng, chẳng hay suy,
« Đã dơ bụng nghĩ, lại bìa miệng cười ! » (4)

Thấy lời thủng-thỉnh như chơi,
1590. Thuận lời, chàng cũng nói xuôi dờ dòn. (5)

(1) Tưởng việc đã giữ được kín.

(2) « Rút dây động rùng » Đây ý nói : Thúc Sinh sợ thú thật thì Hoạn-Thư sẽ làm to chuyện.

(3) Lại đặt những lời nói rằng chàng chơi-bời trai gái (bướm ong).

(4) Ý nói : Nếu thiếp vụng nghĩ không suy-xét thì đã bận tâm nghĩ bậy, rồi lại còn làm bìa cho thiên hạ chê cười.

(5) Nói xuôi dờ dòn : Nói xuôi theo đề tránh rắc-rối.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Những lời cười phấn, cợt son,
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.
Thú quê thuần hức bén mùi, (1)
Giếng vàng (2) đã rụng một vài lá ngô.
Chạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ,
Một niềm quan-tái, (3) mấy mùa gió trắng:
Tình riêng chưa dám rỉ rã,
Tiền-thư trước đã liệu chừng nhủ qua :
« Cách năm, mây bạc xa xa, (4)
1600. « Lâm-chuy cũng phải tỉnh mà thần-hòn ».
Được lời như cỏi tặc son, (5)
Vó câu thẳng ruồi, nước non quê người.
Long-lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, (6) non phơi bóng vàng.
Roi câu vừa giống dặm trường,
Xe hương, (7) nàng cũng thuận đường qui-ninh.

- (1) Thú quê : Nơi ở quê. Thuần : Tên một thứ rau. Hức : Tên một thứ cá. Ý nói đã quen với cảnh sống nơi cố hương.
- (2) Giếng vàng : Giếng mùa thu.
- (3) Quan-tái : chỗ xa-cách cũng như chữ quan-san.
- (4) Mây bạc : bạch vân, trở người cha ở xa.
- (5) Tắm son : Tắm lòng son.
- (6) Thành xây khói biếc : Thành dựng lên trong đám khói xanh biếc. Cũng có thể hiểu là : Khói xanh biếc bốc lên, trong xa như thành bằng khói. Non phơi bóng vàng : Núi non phơi mình dưới ánh mặt trời vàng.
- (7) Xe hương : Dịch chữ hương xa (xe thơm) là xe của người đàn bà đi. Qui-ninh : Con gái về thăm cha mẹ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Thưa nhà huyền hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.

Nghĩ rằng : « Ngựa ghê hờn ghen, (1)
1610. « Xấu chàng mà có ai khen chi mình !

« Vây nên gánh mặt làm thình,
• Mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày. (2)

« Lâm-chuy đường bộ thảng chầy,
« Mà đường hải-đạo sang ngay thì gần.

« Dọn thuyền lựa mặt gia-nhân,
• Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.

« Làm cho, cho mệt, cho mê,
« Làm cho đau đớn, ê-chề, cho coi !

« Trước cho bỏ ghét những người,
1620 « Sau cho để một trò cười về sau ! »

Phu-nhân khen chước rất màu,
Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.

Sửa-sang buồm gió lèo mây, (3)
Khuyển, Ưng lại lựa một bầy còn-quang, (4)

Dặn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá, vượt sang bến Tề. (5)

(1) Tục ngữ : « Ngựa ghê hờn ghen » nghĩa là sự gãi vì
ghê ngựa và sự hờn giận vì ghen tuông cả hai không tốt đẹp.

(2) Rắp-ranh : toan-tính, sắp-đặt.

(3) Lèo mây : Dây cột buồm cao ngất.

(4) Lại lựa một bầy du-côn (còn-quang).

(5) Một lá : Một lá buồm, Bến Tề : Bến Lâm-chuy thuộc
nước Tề.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
Bóng dàu đã xẻ ngang đầu, (1)
1630. Biết dàu ấm-lạnh, biết dàu ngọt-bùi.
Tóc thề đã chắm ngang vai, (2)
Nào lời non nước, nào lời sắt-son. (3)
Sắn-bìm, (4) chút phận con con,
Khuôn duyên biết có vương tròn cho chẳng ?
Thân sao nhiều nổi bất bằng ?
Liều như cung Quảng, ả Hằng, nghĩ nao !
Đêm thu, gió lọt song đào, (5)
Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời !
Nén hương đến trước Thiên-đài,
1640. Nổi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân...
Dưới hoa, dậy lũ ác-nhân,
Ầm-ầm khốc quỷ, kinh thần, mọc ra ! (6)
Đầy sân gươm tuốt sáng lòà,
Thất kinh, nàng chữa biết là làm sao !

-
- (1) Bóng mặt trời đã xẻ ngang ngọn cây dàu. Ý nói cha mẹ đã già.
(2) Chỗ tóc đã cắt đi để thề-nguyên cùng Kim-Trọng nay đã mọc dài ngang vai.
(3) Lời sắt-son : Lời đinh-ninh.
(4) Sắn-bìm : Một thứ dây leo, trở vợ lé.
(5) Song đào : Cửa sò có trồng đào phía ngoài.
(6) Xuất hiện ầm-ầm làm cho đến quỷ phải khốc, thần phải kinh.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Thuốc mè đầu đã tưới vào,
Mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì!
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa dong.
Sẵn thầy vô chủ bên sông,
1650-Đem vào để đó, lộn sông, ai hay ? (1)
Tỏi-đòi, phách lạc, hồn bay,
Pha càn bụi cỏ, gốc cây, ần minh. (2)
Thúc-ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa, thất kinh rụng-rời.
Tờ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơi-bời tưới lửa, tìm người lao-xao.
Gió cao, ngọn lửa càng cao,
Tỏi-đòi tìm đủ, nằng nào thấy đầu !
Hót-hơ, hót-hải, nhìn nhau,
1660-Giếng sâu, bụi rậm, trước sau tìm quang !
Chạy vào chốn cũ, phòng hương,
Trong tro, thấy một đồng xương cháy tàn.
Ngay tình, ai biết mưu gian,
Hắn nằng, thôi lại còn bàn rằng ai ! (3)
Thúc-ông sùi-sụt ngăn dài,
Nghĩ con vắng-vẻ, thương người nết-na.
Di-hải nhật lấy về nhà,
Nào là khâm-liệm, nào là tang-trai (4).

(1) Lộn sông : Đánh tráo.

(2) Pha càn : Chạy càn vào,

(3) Còn bàn rằng ai : Còn nói là ai nữa.

(4) Khâm-liệm: Bọc xác chết bằng vải dặng đề vào quan-tài.
Tang-trai : Ma chay.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Lễ thường đã đủ một hai,
1670. Lục-trình chàng cũng đến nơi bấy giờ. (1)
 Bước vào chốn cũ lâu xưa,
Tro than một đống, nắng mưa bốn tường.
 Sang nhà cha, tới trung-đường (2)
Linh-sàn, bài-vị, thờ nàng ở trên. (3)
 Hỡi ôi ! nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan !
 Gieo mình, vật-vả, khóc than :
« Con người thế ấy, thác oan thế này !
 « Chắc rằng mai trúc lại vầy, (4)
1680. « Ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau ! (5)
 « Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
« Dễ ai rấp thảm, quạt sầu cho khuây ! »
 Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí quỷ, cao tay thông huyền. (6)
 Trên tam đảo, dưới cửu-tuyền, (7)
Tìm dâu thì cũng biết tin rõ-ràng.
 Sấm-sanh lễ-vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng, hỏi-han.

(1) Lục-trình : Đi đường bộ.

(2) Trung đường : gian nhà giữa.

(3) Linh-sàn : Giường thờ. Bài vị : Mảnh gỗ đề tên họ người chết để thờ.

(4) Lại vầy : Lại sum-họp.

(5) Vĩnh quyết : Ly biệt mãi mãi.

(6) Phi phù, tri quỷ-Đốt bùa gọi quỷ thần đến. Thông huyền : Thông hiểu cõi huyền-bí.

(7) Tam đảo : Ba núi tiên : Bồng lai, Phương-Trượng Doanh-Châu.



Kiểu xa
Quan Âm Các



Thục Sinh lập
đèn chiếu
hòn Kiêu.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Đạo-nhân phục trước tĩnh-đàn, (1)

1690 Xuất thần giây-phút chưa tàn nén hương. (2)

Trở về minh-bạch nói tường :

« Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra :

« Người này nặng kiếp oan-gia, (3)

« Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho !

« Mệnh-cung đang mắc nạn to, (4)

« Một năm nữa, mới thăm-dò được tin.

« Hai bên giáp mặt chiền-chiền, (5)

« Muốn nhìn, mà chẳng dám nhìn, lạ thay ! »

Nghe lời nói lạ dường này !

1700 Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin ?

Chẳng qua đồng-cốt quàng-xiên,

Người đầu mà lại thấy trên côi trần ? (6)

Tiệc hoa, những ngậm-ngùi xuân,

Thân này để lại mấy lần gặp tiên !

(1) Đạo nhân : Người tu đạo-giáo. Tĩnh đàn : Đàn lễ.

(2) Xuất thần : Tinh thần xuất ra khỏi xác.

(3) Oan-gia : oan nghiệp.

(4) Mệnh-cung : bản mệnh.

(5) Giáp mặt chiền chiền : giáp mặt nhiều lần.

(6) Ý nói tường Kiều chết đã yên thân.



Nguyễn Linh
mang Kiều
về nộp
Hoan Sơ

Hoan Sơ bắt
Kiều ra hầu rượu

TRUYỆN THÚY KIỀU

Buồm cao, lèo thẳng cánh xuyên, (1)
1710. Đè chùng huyện Tích bằng miền vượt sang.

Dỡ dò, lên trước sảnh-đường, (2)
Khuyển, Ưng, hai đũa nọp nàng dâng công.

Vực nàng tạm xuống môn-phòng, (3)
Hãy còn thêm-thiếp giấc nồng, chưa phai.

Hoàng-lương chột tỉnh hồn mai, (4)
Cửa nhà đau mắt, lâu-đài nào đây ?

Bàng-hoàng giở tỉnh, giở say,
Sảnh-đường mắng tiếng, đòi ngay lên hầu. (5)

Ả-hoàn liền xuống giục mau, (6)
1720. Hài-hùng, nàng mới theo sau một người.

Ngược trông tòa rộng, dây dài,
« Thiên-quang-chủng-tễ », có bài treo trên. (7)

Ban ngày, sắp thấp hai bên,
Giữa giường thất-bảo, ngồi trên một bà. (8)

Gạn-gùng ngọn hỏi, ngành tra,
Sự mình, nàng đã cứ mà gửi thừa.

(1) Cánh xuyên : Cánh buồm đi nhanh.

(2) Sảnh-đường : Nhà trên, nhà chính.

(3) Phòng môn : Phòng của những người môn-hạ.

(4) Hoàng-lương : Giấc mộng kê vàng. Ngày xưa Lu-Sinh thi hỏng, vào quán cơm ngủ trọ giữa lúc chủ quán bắc rỗi kê lên bếp nấu. Chàng nằm ngủ chiêm bao thấy mình đỗ tiến-sĩ, vinh hiển hơn 20 năm. Tỉnh ra mới biết mình nằm mộng, mà nôi kê của nhà trọ vẫn chưa chín ! Bởi thế, gọi là giấc mộng hoàng-lương. Hồn mai: Hồn mơ, hồn mê.

(5) Mắng tiếng : Thoáng nghe tiếng.

(6) Ả-hoàn : con hầu.

(7) Thiên-quang-chủng-tễ : chức Tề-tướng.

(8) Giường thất bảo : Giường nạm bảy thứ quý : lưu-ly, sa-cừ, mã-nã, trân-châu, san-hô, vàng, bạc.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Bất tinh nổi trận mây-mưa, (1)

Mắng rằng : Những giống bơ-thờ quen thân.

« Con này chẳng phải thiện-nhân,

1730. Chẳng phùng trốn chúa, thì quân lộn chông.(2)

« Ra tuồng mèo mả, gà đồng, (3)

• Ra tuồng lũng-túng, chẳng xong bề nào.

« Đã đem mình bán cửa tao,

« Lại còn khùng-khỉnh làm cao thế này!

« Nào là gia-pháp nọ bay! (4)

« Hãy cho ba chực, biết tay một lần! »

Ả-hoàn trên dưới dạ rân,

Dấu răng trăm miệng khôn phân lẽ nào!

Trúc-côn (5) ra sức đập vào,

1740. Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh!

Xót thay đào-ly một cảnh, (6)

Một phen mưa gió, tan-tành một phen!

(1) Trận mây-mưa : Con giận dữ.

(2) Phùng trốn chúa : Phùng trốn chủ (tớ bất lương).

Quân lộn chông : Quân đi lấy chông kẻ khác.

(3) Những dứa vô loại.

(4) Gia-pháp : Phép nhà. Nọ bay : Đâu bay.

(5) Trúc-côn : Gậy bằng tre.

(6) Đào-ly : Đào là cây đặc, lý là cây mạn.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Hoa-nô » truyền dạy đòi tên, (1)
Buồng the, dạy ép vào phiên thị-tì. (2)
Ra vào theo lũ thanh-y, (3)
Dãi-dầu tóc rối, da chì quần bao !
Quần-gia có một mẹ nào,
Thấy người, thấy nết, ra vào thì thương.
Khi chè chén, khi thuốc thang,
1750. Đem lời phương-tiện, mở đường hiếu-sinh. (4)
Dạy rằng : « May rủi đã đành,
« Liễu-bồ mình giữ lấy mình cho hay.
« Cũng là oan-nghiệt chi đây,
« Sa cơ mới đến thế này, chẳng đưng.
« Ở đây tai vách, mạch dùng, (5)
• Thấy ai người cũ cũng đưng nhìn chi.
« Kẻo khi sấm-sét bất kỳ, (6)
« Con ong, cái kiến, kêu gì được oan ! » (7)
Nàng còn giọt ngọc chứa-chan,
1760. Nổi lòng, luống những bàng-hoàng niềm tây. (8)

-
- (1) Truyền dạy đòi tên Kiều là « Hoa-nô » nghĩa là con nô-bộc tên Hoa.
(2) Dạy ép Kiều làm con thị tì hầu hạ nơi buồng the.
(3) Thanh-y : Áo xanh. Xưa đây tó của quan thường mặc áo xanh
(4) Lời phương-tiện : Lời phải, trái.
(5) Phương ngôn : « Dùng có mạch, vách có tại » : Ý nói ở đâu cũng có người nghe, dù là nói ở chỗ vắng-vẻ.
Dùng : phen tre.
(6) Sấm-sét : đây là sự đánh-đập.
(7) Con ong, cái kiến : Ý nói phận tôi đòi.
(8) Niềm tây : Niềm riêng.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Phong-trần, kiếp đã chịu đầy,
Lầm than, (1) lại có thứ này bằng hai!
« Phận sao bạc chẳng vừa thôi ?
« Khăng-khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan !
« Đã đành túc trái tiền oan, (2)
« Cũng liễu ngọc nát, hoa tàn, mà chi ! »
Những là nường-náu qua thì,
Tiểu-thư phải buổi mới về ninh-gia. (3)
Mẹ con trò-chuyện lán-la,
1770. Phu-nhân mới gọi nàng ra dạy lời :
« Tiểu-thư, dưới trướng thiếu người,
« Cho về bên ấy, theo đòi lầu-trang. »
Lĩnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa-ngục, thiên-đường là đâu !
Sớm khuya khăn mặt, lượt đầu,
Phận con hầu, giữ con hầu, dám sai !
Phải đêm êm-ả chiều trời,
Trúc tơ, (4) hỏi đến nghề chơi một ngày.
Lĩnh lời, nàng mới lựa dây,
1780. Ni-non, thanh-thốt, dễ say lòng người !
Tiểu-thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy (5) dường cũng bớt vài bốn phân.

- (1) Lầm than là bởi chữ : đồ thán nghĩa là khổ sở.
(2) Túc trái, tiền oan : Nợ và oan kiếp trước, kiếp này phải trả.
(3) Ninh-gia : Cũng như qui-ninh nghĩa là về thăm nhà.
(4) Trúc tơ : trúc là ống trúc, trở ống sáo. Tơ là dây tơ, trở cây đàn.
(5) Khuôn uy : Khuôn phép và uy quyền.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Cửa người, đày-đọa chút thân,
Đêm than-thở bóng, ngày ngo-ngẩn lòng.
Lâm-chuy chút nghĩa đèo-bồng,
Nước non đề chữ tương-phùng kiếp sau ! (1)
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cố-quốc (2) biết đâu là nhà ?
Lần lần tháng trọn ngày qua,
1.790. Nỗi gần, nào biết đường xa thế này ?
Lâm-chuy từ thuở uyên bay, (3)
Buồng không, thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mây xanh, trắng mới in ngần,
Phấn thừa, hương cũ (4), bội phần xót-xa.
Sen tàn, cúc lại nở hoa, (5)
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố-nhân ?
Lấy câu vận-mệnh, khuấy dần nhớ-tương.
Chạnh niềm, nhớ cảnh gia-hương,
1800. Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiêu-thư đón cửa đã-dề,
Hàn-huyên vừa cạn mọi bề gần xa,

- (1) Tương-phùng : gặp-gỡ bất kỳ.
(2) Trông vời cố-quốc : Trông xa xa về quê nhà.
(3) Uyên bay : Chim uyên-ương bay rã ra mỗi con một ngã.
Uyên-ương là giống chim mà con trống và con mái luôn luôn đi đôi với nhau nên người ta mượn tiếng uyên-ương để nói vợ chồng.
(4) Phấn thừa hương cũ : Phấn hương của Kiều còn sót lại.
(5) Ý nói hết hạ sang thu.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Nhà hương (1), cao cuốn bức là, (2)
Buồng trong, truyền gọi nằng ra lạy mừng.
Bước ra một bước, một dừng,
Trông xa, nằng đã tỏ chừng nẻo xa :
« Phải rằng nằng quáng, đèn lò, »
« Rõ-ràng ngồi đó, chẳng là Thúc-Sinh ? »
« Bây giờ, tình mới tỏ tình, (3)
1810. « Thôi thôi đã mắc vào vành, chẳng sai ! »
« Chúc đầu, có chúc lạ đời ! (4)
« Người đầu mà lại có người tinh-ma !
• Rõ-ràng thật lừa đời ta,
« Làm ra con ở, chủ nhà, đời nơi !
« Bề ngoài thơn-thớt nói cười,
« Mà trong nham-hiềm, giết người không dao.
« Bây giờ đất thấp, trời cao,
« Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ ? »
Càng trông mặt, càng ngẩn-ngờ,
1820. Ruột tấm đời-đoạn như tơ rối bời.
Sợ uy, dám chẳng vâng lời. (5)
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.
Sinh đã phách lạc, hồn xiêu :
« Thương ôi ! chẳng phải nằng Kiều ở đây ?
« Nhân làm sao đến thế này ?
« Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi !

-
- (1) Nhà hương : Nhà thơn, trở nhà phụ-nữ ở. Có bản viết : nhà lan.
(2) Cuốn cái màn là lên.
(3) Bây giờ mới hiểu rõ sự tình.
(4) Chúc : Mưu-chước.
(5) Dám chẳng vâng lời : Dám đầu chẳng vâng lời.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Sợ quen, dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt ngọc, sụt-sùi nhỏ sa.

Tiểu-thư trông mặt hỏi tra :

1830. • Mới về, có việc chi mà động dong? • (1)

Sinh rằng : « Hiếu phục vừa xong, (2)

« Suy lòng trắc dĩ, đau lòng chung thiên! » (3)

Khen rằng : • Hiếu-tử đã nên !

« Tầy trần, mượn chén giải phiền đêm thu ».

Vợ chồng chén tạc, chén thù, (4)

Bắt nàng đứng chực trì-hồ hai nơi. (5)

Bắt khoan, bắt nhật, đến lời,

Bắt qui tận mặt, bắt mời tận tay.

Sinh càng như đại, như ngày,

1840. Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén voi.

Ngảnh đi, chột nói, chột cười,

Cáo say, (6) chàng đã tỉnh bày lảng ra.

Tiểu-thư vội thét : « Con Hoa !

« Khuyên chàng chẳng cạn, thì ta có đòn! » (7)

~~~~~  
(1) Động dong : Đòi sắc mặt.

(2) Hiếu phục : Mặc đồ tang.

(3) Ý nói nhớ mẹ. Kinh-thi có câu : trắc bi Dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề : Lên núi Dĩ kia trông ngóng mẹ. Người ta dùng chữ trắc dĩ để nói lòng nhớ thương mẹ đã qua đời. Chung thiên : suốt đời, không bao giờ quên.

(4) Trì-hồ : Bưng bầu rượu.

(6) Cáo say : Đồ lỗi vì say.

(7) Chẳng cạn : Chẳng cạn chén.



## TRUYỆN THÚY KIỀU

Sinh càng nát ruột, tan hồn,  
Chén mời, phải ngậm hồ-hồn, ráo ngay. (1)  
Tiểu-thư cười nói tỉnh say,  
Chưa xong tiệc rượu, lại bày trò chơi.  
Rằng : « Hoa-nô đủ mọi tài,  
1850 « Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe ! »  
Nàng đã choáng-váng tê-mê,  
Vàng lời, ra trước bình the, vặn đàn : (2)  
Bốn dây như khóc, như than,  
Khiến người trong cuộc cũng tan-nát lòng !  
Cũng trong một tiếng tơ đồng. (3)  
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thậm !  
Giọt châu lã-chã khòn cầm,  
Cúi đầu, chàng những gạt thềm giọt sương. (4)  
Tiểu-thư lại thét lấy nàng :  
1.860. « Cuộc vui, gảy khúc đoạn-trường ấy chi ?  
« Sao chẳng biết ý-tử gì ?  
« Cho chàng buồn-bã tội thì tại người ! :  
Sinh càng thảm thiết hồi-hồi,  
Vội-vàng gượng nói, gượng cười cho qua.  
Giọt rờng canh đã điếm ba, (5)  
Tiểu-thư nhìn mặt, dường đã cam tâm.

- (1) Ngậm hồ-hồn : Tục-ngữ : « Ngậm hồ-hồn khen ngọt nghĩa là cay đắng mà vẫn phải cam chịu. Ráo ngay : uống cạn chén ngay.
- (2) Bình the : Bình phong căng bằng vải the.
- (3) Tiếng tơ đồng : Tiếng đàn. Đồng dây là gỗ ngô đồng làm đàn.
- (4) Giọt sương : Giọt nước mắt.
- (5) Giọt rờng : Giọt đồng hồ. Đồng hồ xưa là cái hồ bằng đồng làm theo hình con rờng, trong đựng nước để chảy ra từng giọt.

---

TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Lòng riêng tấp-tễnh mừng thăm :

« Vui này đã bỏ đau ngầm ngày xưa ! » (1)

Sinh thi gan héo, ruột đầy,

1.870. Nỗi lòng, càng nghĩ càng cay-đắng lòng.

Người vào chung gối loan-phòng, (2)

Nàng ra tựa bóng đèn dòng canh dài.

Bây giờ mới rõ tấm-hơi,

Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen !

Chước đâu rẽ thúy, chia uyên ! (3)

Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai.

Bây giờ một vực, một trời,

Hết điều khinh-trọng, hết lời thị-phi !

Nhẹ như bấc, nặng như chì,

1.880. Gỡ cho ra nợ, còn gì là duyên !

Lỡ-làng chút phận thuyền-quyên,

Biền sâu, sóng cả, có tuyền được vay ? (4)

Một mình âm-ỷ canh chầy, (5)

Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, năm canh.

---

(1) Đã bỏ : Đã bù lại.

(2) Loan-phòng : Phòng phụ-nữ.

(3) Rẽ thúy chia uyên : Chia rẽ vợ chồng. Chim uyên và chim thúy là giống chim đi có đôi với nhau.

(4) Có tuyền được vay : Có vẹn tuyền được không.

(5) Âm ỷ-cảnh chầy : đau-đớn âm-thầm suốt đêm.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Sớm khuya hầu hạ dài doanh, (1)

Tiểu-thư chạm mặt, đề tình hỏi tra. (2)

Lựa lời, nàng mới thưa qua :

« Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình ».

Tiểu-thư hỏi lại Thúc-Sinh :

1890. « Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao ! »

Sinh đà nát ruột như bào,

Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang !

Những e lại lụy đến nàng,

Đánh liều mới sẽ liệu đường hỏi tra.

Cúi đầu quì trước sân hoa,

Thân-cung nàng mới dâng qua một tờ. (3)

Diện-tiền trình với Tiểu-thư, (4)

Thoạt xem dường có ngân-ngờ chút tình.

Liên tay trao lại Thúc-Sinh,

1900. Bằg : « Tài nên trọng, mà tình nên thương !

« Ví chẳng có số giàu-sang,

« Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên !

« Bể trần, chìm nổi thuyền-quyên,

« Hữu tài, thương nỗi vô duyên, lạ đời ! »

Sinh rằng : « Thật có như lời,

« Hồng-nhan bạc-mệnh, một người nào vay !



(1) Đài doanh : Đài các; doanh-thự.

(2) Đề tình : Phỏng đoán sự tình.

(3) Thân cung : cái tờ bày-lò sự-tình của mình.

(4) Diện tiền : Trước mặt.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- « Nghìn xưa ầu cũng thế này,  
« Từ-bì ầu liệu bót tay, mới vừa ! »  
Tiểu thư rằng : « Ý trong tờ,  
1910. « Rấp đem mệnh-bạc, xin nhờ cửa Không. (1)  
« Thôi thì thôi, cũng chiều lòng,  
« Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.  
« Sẵn Quan-Âm-các vườn ta, (2)  
« Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. (3)  
« Có cỏ-thụ, có sơn hồ, (4)  
« Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng kinh.  
Tâng tâng, trời mới bình-minh, ^  
Hương hoa, ngũ cúng, sắm-sanh lễ thường. (5)  
Đưa nàng đến trước Phật-đường,  
1920. Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia. (6)  
Áo xanh đổi lấy cà-sa,  
Pháp-danh lại đổi tên ra Trạc-Tuyền. (7)  
Sớm khuya tỉnh đủ dầu đèn,  
Xuân, Thu, cắt sẵn hai tên hương, trà. (8)

- 
- (1) Cửa không : Cửa nhà Phật.  
(2) Quan-Âm-các : Lầu thờ đức Phật-Quan-Âm.  
(3) Cây trăm thước : Cây cao trăm thước, trở cây bồ-đề.  
Kính Phật có câu : Bồ-đề bách xích thụ. Liên tọa tứ  
thời hoa : (Cây bồ-đề cao trăm thước, tòa sen có  
hoa bốn mùa).  
(4) Sơn hồ : Núi và hồ.  
(5) Ngũ cúng : Năm thức cúng Phật : hương, hoa, đăng, trà,  
quả.  
(6) Tam qui : Qui Phật, qui Pháp, qui Tăng.  
Ngũ giới : Năm điều cấm : dâm dục, uống rượu, trộm  
cắp, nói càn, giết súc vật.  
(7) Pháp danh : Tên đặt theo phép nhà chùa.  
(8) Xuân, Thu : Tên hai con hầu là Xuân-Hoa và Thu-  
Nguyệt.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Nàng từ lánh gót vườn hoa,  
Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng. (1)  
Nhân-duyên đâu lại còn mong ?  
Khỏi điều then phấn, túi hồng thì thôi.  
Phật-tiền thăm lấp sàu vùi,  
1930. Ngày pho thủ-tự, đêm nôi tâm hương : (2)  
Cho hay giọt nước cành dương, (3)  
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên. (4)  
Nàu sông từ trở màu thuyền, (5)  
Sàn thu trắng đã vài phen đứng đầu. (6)  
Quan-phòng then nhật, lưới mau, (7)  
Nói lời trước mặt, roi châu vắng người.

- ~~~~~
- (1) Rừng tía, do chữ Tử trúc lâm là rừng trúc tía, chổ Quan-Thế-Âm bồ-tát ở. Vây rừng tía là cảnh Phật, còn bụi hồng là cõi trần-tục.
  - (2) Pho thủ-tự ; Pho kinh viết bằng tay. Nôi tâm hương : Bát hương thành tâm.
  - (3) Cành dương : Cành lá dương-liễu ngày xưa Phật Quan-Âm nhúng vào nước cam-lộ làm phép rảy vào chúng-sinh đau-khổ để rửa phiền não cho họ.
  - (4) Lửa lòng dục-vọng trong lòng bốc lên như lửa cháy. Trần-duyên : trần-tục nhiều nợ-duyên.
  - (5) Màu thuyền : Màu quần-áo của nhà chùa.
  - (6) Trắng đã vài phen đứng đầu : Ý nói đã trải qua nhiều tuần trăng, nhiều tháng.
  - (7) Quan-phòng : Canh giữ, tức là Hoạn-Thư canh giữ Kiều. Có bản viết : Cửa thuyền then nhật...

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Gác kinh, viện sách, đôi nơi,  
Trong gang-tắc, lại gấp mười quan-san. (1)  
Nhưng là ngậm thở, nuốt than.  
1940. Tiều-thư phải buổi vấn an về nhà.  
Thừa cơ, Sinh mới lên ra,  
Xăm-xăm đến mé vườn hoa với nàng.  
Sụt-sùi giờ nổi đoạn-trường,  
Giọt-châu tầm-tã, đầm tràng áo xanh.  
Đã cam chịu bạc với tình,  
« Chứa xuân để tội một mình cho hoa !  
« Thấp cơ thua trí đàn-bà,  
« Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.  
« Vì ta cho lụy đến người,  
1950. « Cát lăm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh !  
« Quản chi lên thác, xuống ghềnh,  
« Cũng toan sống thác với tình cho xong.  
« Tông-đường, (2) chút chữa cam lòng,  
« Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai.  
« Thẹn mình đá nát, vàng phai, (3)  
« Trăm thân, (4) dễ chuộc một lời dục sao ? »  
Nàng rằng : « Chiếc bách sóng dào, (5)  
« Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may !

- ~~~~~
- (1) Cách nhau chỉ trong gang tắc mà xa-xôi như gấp mười lần cách trở núi sông.
  - (2) Tông-đường : Nối đôi tông-đường. Ý nói chưa có con trai.
  - (3) Đá nát vàng phai : Lời thề vàng đá phai lạt.
  - (4) Trăm thân : cũng như nói trăm đời, nghìn kiếp.
  - (5) Chiếc bách : Chiếc thuyền bằng gỗ bách. Sóng dào : Sóng lớn.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Chút thân quần-quai vũng lầy,  
1900. « Sống thừa, còn tưởng đến rày nữa sao ?

« Cũng liều một hạt mưa rào,  
« Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay ! (1)

« Xót vì cầm đã bén dây,  
« Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta.

« Liệu bài mở cửa cho ra,  
« Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu !

Sinh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu,  
• Lòng người nham-hiềm biết đâu mà lường.

• Nữa khi giông-lố phủ-phàng,  
1970. • Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.

« Liệu mà xa chạy cao bay,  
« Ái-ân ta có ngàn này mà thôi !

« Bây giờ kẻ ngược, người xuôi,  
Biết bao giờ lại nối lời nước non ?

« Dẫu rằng sông cạn đá mòn,  
« Con tằm đến thác, cũng còn vương tơ ! . (2)

Cùng nhau kẻ-lễ sau xưa, (3)  
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.

Mặt trông, tay chẳng nở rời,  
1980. Hoa-ti đã động đến người nẻo xa.



(1) Thiên hạ trông vào cảnh-ngộ của Kiều mà chê-cười Thúc-Sinh.

(2) Con tằm đến chết mới hết tơ.

(3) Sau xưa : Việc trước, việc sau.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Ngại-ngùng, nuốt tùi, lảng ra,  
Tiểu-thư đầu đã rẽ hoa bước vào.

Cười cười, nói nói ngọt-ngào,  
Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi ?

Đối quanh, Sinh mới liệu lời :

« Tim hoa quá bước, xem người viết kinh ».

Khen rằng : « Bút-pháp đã tinh, (1)

« So xào với thiếp Lan-Đình, nào thua ! (2)

« Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,

1990. « Nghìn vàng, thật cũng nên mua lấy tài ! »

Thuyền trà cạn nước hồng-mai, (3)

Thong-dong nổi gót thư-trai cùng về. (4)

### VIII

Nàng càng e-lệ ủ-ê,

Rỉ tai, hỏi lại hoa-ti trước sau.

Hoa rằng : « Bà đến đã lâu,

« Rón chân đứng nấp độ đầu nửa giờ.

« Rành-rành kẽ tóc chân tơ,

« Mấy lời nghe hết, đã dư tổ-tường.

« Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương,

2000. « Nổi ông vật-vã, nổi nàng thở-than.

« Dẫn tôi đứng lại một bên,

« Chán tai rồi mới bước lên trên lầu. »

---

(1) Bút-pháp. Cách viết chữ.

(2) Thiếp Lan-Đình là thiếp của Vương-Hi-Chi đòi Tấn, chữ viết thật tốt.

(3) Thuyền trà : Nước trà nhà chùa. Nước hồng-mai : Nước nấu với gỗ hồng mai, nước màu đỏ.

(4) Thư trai : Phòng sách.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Nghe thối kinh-hãi xiết đau :

« Đàn-bà thế ấy, thấy ầu một người !

« Ấy mới gan, ấy mới tài,

« Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng-rời !

« Người đầu sâu-sắc nước đời,

« Mà chàng Thúc phải ra người bỏ tay !

« Thực tang, bắt được đường này,

2.010. « Máu ghen, ai cũng chau mày nghiêng răng.

« Thế mà im chẳng đái-đẳng, (1)

« Chào mừng vui-vẻ, nói-năng dụ-dàng !

« Giận dầu 'ra mặt thế thường, (2)

« Cười này mới thật khôn lường hiểm sâu.

« Thân ta, ta phải lo ầu,

« Miệng hùm, nọc rắn, ở đầu chồn này. ! (3)

« Ví chẳng chấp cánh cao bay, (4)

« Trèo cây, lâu cũng có ngày bẻ hoa !

« Phận hòe, bao quản nước sa,

2020. « Lệnh-dệnh đầu nũa, cũng là lệnh-dệnh.

« Chín e què khách một mình, (5)

« Tay không chưa dễ tìm đường ứn-no ! »

« Nghĩ đi, nghĩ lại quanh-co,

Phật tiền, sẵn có mọi đồ kim-ngân.

(1) Thế mà im lặng chẳng nói chẳng rằng.

(2) Giận mà lộ ra mặt là thương tình. Đây Hoạn-Thư giận mà cười thật khôn lường được lòng sâu-độc.

(3) Lòng dạ Hoạn-Thư độc dữ như miệng hùm, nọc rắn.

(4) Ví chẳng : nếu không.

(5) Chín e : Chỉ e-17.



Hiếu trồn  
đi đến ở  
Châu Ân  
- 377



Hiếu trồn  
đi đến ở  
Châu Ân

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Bèn mình giắt đẽ hộ thân,  
Lần nghe canh đã một phần trống ba. (1)  
Cất mình qua ngọn tường hoa,  
Lần đường theo bóng trăng tà về Tây.  
Mịt-mù dậm cát, đồi cây,  
2000. Tiếng gà diêm nguyệt, dấu giày cầu sương. (2)  
Canh khuya, thàn gái dậm trường,  
Phần e đường-sá, phần thương dãi-dầu !  
Trời đông vừa rạng ngàn dâu,  
Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà !  
Chùa đầu trông thấy nẻo xa,  
Rành rành « Chiêu-ân-am » ba chữ bài.  
Xăm-xăm gõ mái cửa ngoài,  
Trụ-trì nghe tiếng, rước mời vào trong. (3)  
Thấy màu ăn-mặc nâu sồng,  
2040. Giác-Duyên sư trưởng đành lòng liền thương.  
Gạn-gùng ngành-ngọn cho tường,  
Lạ-lùng, nằng hầy tim đường nói quanh :  
« Tiều-thiền què ở Bắc-Kinh, (4)  
• Qui-sư, qui Phật, tu-hành bấy lâu.  
« Bản sư rồi cũng đến sau ; (5)  
« Dạy đưa pháp-bảo sang hầu sư-huynh . . (6)

- 
- (1) Canh đã một phần trống ba : Đã sang trống canh ba một phần tức là gần nửa đêm.  
(2) Tiếng gà gáy dưới trăng, vết giày in trên cầu dây sương.  
(3) Trụ-trì : Nhà sư đã thụ-giới.  
(4) Tiều-thiền : Người tu-hành ở cấp dưới.  
(5) Bản-sư : Sư thầy của mình.  
(6) Pháp-bảo : Những đồ thờ Phật như chuông trống, khánh, cảnh...

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Rày vàng diện hiển rành-rành, (1)

Chuông vàng, khánh bạc, bèn mình giở ra.

Xem qua sự mới dạy qua :

2050. « Phải nơi Hằng-Thủy là ta hậu tình. (2)

« Chín e đường-sá một mình,

« Ở đây chờ-đợi sự-huynh ít ngày ».

Gửi thân được chốn am mây,

Muối dưa đắp-đổi tháng ngày thông-dong.

Kệ kinh câu cũ thuộc lòng, (3)

Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay. (4)

Sớm khuya lá bối phướn mây, (5)

Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. (6)

Thấy nàng thông-tuệ khác thường,

2060. Sự càng nề mặt, nàng càng vững chân.

Cửa thuyền vừa cũ cuối xuân,

Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời. (7)

Gió quang, mây tạnh, thanh-thời,

Có người đàn-việt lên chơi cửa Già. (8)

---

1) Diện hiển : Hiển dáng tận tay.

2) Hậu tình : Có tình-cảm nồng-hậu.

3) Kệ : Lời thơ tóm tắt ý nghĩa trong kinh.

4) Trai-phòng : Phòng chay. Trai phòng quen tay : Quen việc dọn dẹp phòng chay.

5) Lá-bối : Lá bối-đa. Đời xưa hay chếp kinh vào lá bối-đa. Phướn mây : Cây phướn cao vút từng mây.

6) Ngọn đèn khêu nguyệt : Thắp đèn lúc trăng lên. Tiếng chày nện sương : Đánh chuông lúc trời tan sương.

7) Vẽ ngân : Ánh trăng bạc.

8) Người đàn việt : Người đi vãn cảnh chùa. Cửa già : Cửa nhà chùa.

---

TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Giở đồ chuông khánh xem qua,  
Khen rằng : « Khéo giống của nhà Hoạn-nương ! »

Giác-Duyên thực ý lo-lường,  
Đêm thanh, mới hỏi lại nàng trước sau.

Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,  
2070. Sự mình, nàng mới gót đầu bày ngay :

« Bây giờ sự đã dường này,  
« Phận hèn dầu rủi, dầu may, tại người »  
Giác-Duyên nghe nói rưng-rời,  
Nửa thương, nửa sợ, bồi-hồi chẳng xong.

Rỉ tai mới kể sự lòng :  
« Ở đây cửa Phật là không hẹp gì ;  
• E chẳng những sự bất-kỳ,  
• Đề nàng cho đến thế thì cũng thương ! (1)  
« Lánh-xa, trước liệu tìm đường,

2080. « Ngồi chờ nước đến, nên dường còn quê ! » (2)

Có nhà họ Bạc bên kia,  
Am mây quen lối đi về dầu hương.  
Nhấn sang, dặn hết mọi đường,

Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.  
Những mằng được chốn an thân,  
Vội-vàng, nào kịp tính gần, tính xa.  
Nào ngờ cũng tổ bọm già.

Bạc-bà học với Tú-Bà đồng môn ! (3)

Thấy nàng mẶn phẫn, tươi son,  
2090. Mằng thăm được món bán-huôn có lời.

---

(1) Có bản viết : ... đến nỗi thì cũng thương.

(2) Ngồi chờ ' nước đến chân mới nhảy ' thật là khờ-dại.

(3) Đồng môn : Cùng học một thầy. Ý nói cùng một nghề.

---

TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Hư-không đặt để nên lời, (1)

Nàng đà nhón-nhác rụng-rời mấy phen.

Mụ càng xua-đuổi cho liền, (2)

Lấy lời hung-hiêm, ép duyên Châu-Trần. (3)

Rằng : « Nàng muốn dạm một thân,

« Lại mang lấy tiếng dữ gần, lạnh xa.

« Khéo oan-gia, của phá gia,

« Còn ai dám chừa vào nhà nữa đây !

« Kíp toan kiếm chốn xe dây,

2100. « Không-dưng chừa dễ mà bay đường trời !

« Nơi gần, thì chẳng tiện nơi,

« Nơi xa, thì chẳng có người nào xa.

Này chàng Bạc Hạnh, cháu nhà,

« Cũng trong thân-thích ruột-rà, chẳng ai.

« Cửa nhà buôn-bán châu Thai,

« Thực-thà có một, đơn-sai chẳng hề.

« Thế nào nàng cũng phải nghe,

« Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai. (4)

« Bấy giờ ai lại biết ai ?

2110, « Dầu lòng bề rộng, sông dài, thênh-thênh.

~~~~~  
(1) Hư-không : Bỗng không, bỗng dưng.

(2) Cho liền : Liền-liền.

(3) Lời hung-hiêm : Lời hung-dữ hiêm-độc. Ép duyên Châu Trần : Ép duyên vợ chồng.

(4) Thành thân : Thành vợ chồng.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
« Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau. » (1)
 Nàng càng mặt ủ, mày châu,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm.
 Nghĩ mình túng đất, sầy chân,
Thế cùng, nàng mới xa gần, thở-than :
 « Thiếp như con én lạc đàn,
« Phải cung, rày đã sợ làn cây cong ! (2)
 « Cùng đường dù tính chữ tòng, (3)
2120. « Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao ?
 « Nữa khi muôn một thế nào, (4)
« Bán hùm, buôn sói, chắt vào lưng đầu ?
 « Dù ai lòng có sở cầu, (5)
« Tâm mình, xin quyết với nhau một lời. (6)
 « Chứng-minh có Đất, có Trời,
« Bấy giờ vượt bể, ra khơi quản gì ? »
 Được lời, mụ mới ra đi,
 Mách tin họ Bạc tức thì sắm-sanh.
 Một nhà dọn-đẹp linh-đình,
2130. Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp nhang. (7)

-
- (1) Trái nẻo trước : Không nghe lời chỉ đường trước.
(2) Sách có câu : Thương cung chi điều, kiến khúc mộc nhi cao phi : Chim đã bị thương vì cung bắn, thấy cây coag cũng sợ mà bay cao.
(3) Chữ tòng : Ý nói đi lấy chồng.
(4) Muôn một thế nào : Vạn nhưt có xảy ra thế nào.
(5) Sở-cầu : Cầu xin, cầu mong.
(6) Tâm-minh : Lấy lòng thực thề nguyện.
(7) Trác : Hương án.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Bạc-sinh qui xuống vôi-vàng,
Quá lời nguyện hết Thành-hoàng, Thổ-công.
Trước sân, lòng đã giải lòng,
Trong mản làm lễ tở-hồng kết-duyên.
Thành thân, mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thành-thời,
Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành-viện xưa nay, (1)
2140. Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
Xem người, định giá, vừa rồi,
Mỗi hàng một, đã ra mười, thì buồng.
Mượn người, thuê kiện, rước nường,
Bạc đem bạc mặt, kiếm đường cho xa !
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
Bèn trong thấy một mụ ra vôi-vàng.
Đưa nàng vào lạy gia-đường, (2)
Cũng thần mày trắng, cũng phường lầu xanh !
Thoắt trông nàng đã biết tình,
2150. Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao ?
Chém cha cái số hoa đào, (3)
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi !
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài-tình chi lắm, cho trời đất ghen !

(1) Hành-viện : Cửa hàng thanh-lâu.

(2) Gia-đường : Hương hỏa gia-đường, nghĩa là bàn thờ trong nhà.

(3) Số hoa đào : Số đào-hoa. Theo số Tử-vi, đàn bà mà phải sao Đào-hoa và sao Hồng-loan chiếu cung Mệnh, thì cả đời giang-hồ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Tiệc thay nước đã đánh phen,
Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần !

Hồng-quân với khách hồng-quần, (1)
Đã xoay đến thế, còn vẫn chưa tha.

Kể từ lạc bước, bước ra,
2160. Cái thân liêu những từ nhà liêu đi.

Đầu xanh đã tội-tình gì ?
Má hồng đến quá nửa thì, chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liêu mặt phấn, cho rời ngày xanh.

Lần lừa gió mát, trắng thanh,
Bỗng đâu có khách biên-đình sang chơi. (2)

Râu hàm, hàm én, mày ngài, (3)
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

Đường-đường một dấng anh-hào, (4)
2170. Côn-quyền (5) hơn sức, lược-thao gồm tài. (6)

~~~~~  
(1) Hồng-quân : trời. Hồng-quần : con gái.

(2) Khách biên-đình : Khách ở miền biên-thùy.

(3) Hàm-én : Hàm dưới nở rộng như hàm chim én.

(4) Đường-dường : Dáng-diệu đường-bệ.

Anh-hào : Anh hùng hào-khết.

(5) Côn quyền hơn sức : Côn là môn đánh gậy. Quyền là môn đánh bằng tay, ý nói võ-ngệ hơn người.

(6) Lược thao gồm tài : Gồm cả tài về mưu lược dụng-binh.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Đội trời, đạp đất, ở đời,  
Họ Từ, tên Hải, vốn người Việt-Đông.  
Giang-hồ quen thú vầy-vùng,  
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. (1)  
Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,  
Tấm lòng nhi-nữ, cũng xiêu anh-hùng. (2)  
Thiếp-danh đưa đến lầu hồng,  
Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ra.  
Từ rằng : « Tâm phúc tương cờ, (3)  
2180. « Phải người trăng gió, vật-vờ hay sao ?  
« Bấy lâu nghe tiếng má-đào,  
Mắt xanh chẳng để ai vào, có không ?  
« Một đời được mấy anh-hùng,  
« Bỏ chi cá chậu, chim lồng, mà chơi ! (4)  
Nàng rằng : « Người dạy quá lời,  
« Thân này còn dám xem ai là thường !  
« Chút riêng chọn đá thử vàng,  
« Biết đâu má gửi can-tràng vào dầu ?

- (1) Ý nói với thú giang-hồ vùng-vẫy của Từ-Hải chỉ cần một thanh gươm, một cây đàn, và một cái chèo. Câu này mượn ý trong câu thơ của Hoàng-Sào, tướng giặc đời Đường : Bán kiên cung kiếm bằng thiên tủng. Nhất trạo giang-sơn tận địa duy : Nửa vai cung kiếm do trời cho. Một chèo đi khắp non sông mặt đất.
- (2) Tấm lòng nhi-nữ : Tấm lòng ưa thích con gái.
- (3) Tâm-phúc tương-cờ : Lấy lòng thành thực mà ở với nhau.
- (4) Cá chậu chim lồng : Ý nói người tầm thường như cá trong chậu, chim trong lồng.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Còn như vào trước, ra sau, (1)

2190. • Ai cho kén-chọn vàng thau tại mình ? (2)

Từ rằng : « Lời nói hữu tình,

« Khiến người lại nhớ câu Bình-Nguyên-Quân. (3)

« Lại đây xem lại cho gần,

« Phỏng tin được một vài phần, hay không ? »

Thưa rằng : « Lượng cả bao-dong,

« Tấn-Dương được thấy mây rồng có phen. (4)

« Rộng thương cổ nội, hoa hèn,

« Chút thân bèo-bọt, dám phiền mai sau ».

2200. Cười rằng : « Tri-kỷ trước sau mấy người ?

~~~~~  
(1) Vào trước ra sau : Đưa người cửa trước, rước người cửa sau.

(2) Ý nói nàng không có quyền lựa chọn, ai đến cũng phải tiếp.

(3) Đường-thi có câu thơ về Bình-Nguyên-Quân : Bất tri can-đảm hưng thù thị, linh nhân khước ức Bình-Nguyên-Quân : Chẳng biết tỏ gan mặt cùng ai tổ, khiến người lại nhớ Bình-Nguyên-Quân.

Bình-Nguyên-Quân là tướng nhà Triệu, vốn người hào hiệp, giao-du rộng, đãi khách trọng-hậu, trong nhà lúc nào cũng có mấy ngàn khách. Đây Từ-Hải tự ví mình như Bình-Nguyên-Quân.

(4) Xưa, vua Cao-Tô nhà Đường lập nên nghiệp đế tại đất Tấn-Dương, ý nói Kiều tin rằng Từ-Hải sẽ lập nên nghiệp lớn.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Khen cho con mắt tinh đời,
« Anh-hùng, đoán giữa trần-ai mới già ! (1)
• Một lời đã biết đến ta,
• Muốn chung, nghìn tú, cũng là có nhau ! » (2)
Hai bên ý hợp, tâm đầu,
Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân !
Ngỏ lời nói với băng nhân, (3)
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn. (4)
Buồng riêng, sửa chốn thanh nhân,
2210. Đặt giường thất bảo, xây màn bát tiên. (5)
Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên,
Phỉ nguyện sánh phuợng, đẹp duyên cuối rồng.
Nửa năm hương-lửa đương nồng,
Trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương. (6)

-
- (1) Đoán giữa : biết giữa, nghĩa là bấy giờ Từ Hải còn hàng vì thế mà Kiều đoán biết được tướng người anh hùng lúc ấy mới là đoán già.
 - (2) Muốn chung : Muốn cái học đông gạo thóc. Nghìn tú : Nghìn cỗ xe bốn ngựa.
 - (3) Băng nhân : Người mai mối.
 - (4) Nguyên ngân : Số tiền cũ tức là tiền vốn bỏ ra mua Kiều. Phát hoàn : Đưa trả lại.
 - (5) Màn bát tiên : Màn thêu tám vị tiên : Chung Ly-Quyên, Lã Động-Tân, Trương - Quả, Lý-Thiết-Quài, Lam-Thái-Hòa, Tào Quốc Cữu, Hà Tiên-Cô, Hàn Trương.
 - (6) Trượng-phu : Người đàn ông đức hạnh, khí-tiết. Động lòng bốn phương : Lòng nghĩ đến việc tung-hoành bốn bề.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Trông vời, trời bề mệnh-mang, (1)
Thanh guom, yên ngựa, lên đàng thẳng giông.
Nàng rằng : • Phận gái chữ tòng,
« Chàng đi, thiếp cũng một lòng xin đi. »
Từ rằng : « Tâm-phúc tương tri,
2220. « Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ?
« Bao giờ mười vạn tình-binh,
• Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường. (2)
« Làm cho rõ mặt phi-thường,
« Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi-gia. (3)
Bằng nay bốn bề không nhà,
« Theo càng thêm hận, biết là đi đâu ?
« Đành lòng chờ đón ít lâu,
« Chầy chẵng là một năm sau, vội gì ? »
Quyết lời dứt áo ra đi,
2230. Cánh bằng tiện gió, cất lia dậm khơi. (4)
Nàng thì chiếc bóng song mai, (5)
Đem thau dằng-dẳng, nhật cày then mây. (6)
Sân rêu chẵng vẽ dấu giày,
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân. (7)

-
- (1) Trông vời : Trông ra xa.
(2) Tiếng chiêng : Tiếng chiêng truyền hiệu-lệnh. Bóng tinh : Bóng cờ.
(3) Nghi-gia : Nói con gái về nhà chồng.
(4) Bằng : Chim bằng.
(5) Song mai : Cửa sổ có trồng mai bên ngoài.
(6) Nhật cày : Cày nhật. Then mây : Then phòng mây. Phòng mây là phòng tĩnh-mịch.
(7) Liễu gầy vài phân : Tơ liễu thưa-thớt đi vài phân. Cũng có nghĩa là Kiều gầy ốm đi vài phân.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Đoái thương muôn dặm tử phần, (1)

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa. (2)

Xót thay huyền cỗi, xuân già,

Tấm lòng thương-nhớ, biết là có người ?

Chốc đà mười mấy năm trời,

2240. Còn ra, khi đã da dỗi, tóc sương.

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,

Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng. (3)

Duyên em dầu nổi chỉ hồng,

May 1a khi đã tay bằng, tay mang.

Tấc lòng cố quốc, tha hương,

Đường kia, nổi nọ, ngỗ-ngang bời bời.

Cánh hồng bay hồng tuyết-vời, (4)

Đã mòn con mắt, phương trời dăm dăm.

-
- (1) Tử phần : Cây tử, cây phần là thứ cây người ta trồng nhiều ở nhà quê bên Tàu, nên dùng để nói quê nhà mình.
- (2) Chữ mây Tần mượn ý trong câu thơ của Hàn-Dũ : Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại. Đám mây che ngang núi Tần không biết nhà mình ở đâu ? (nghĩa là nhớ nhà)
- (3) Câu này mượn ý câu : Ngẫu đoạn nhi ti liên : ngó sen tuy bẻ gãy, nhưng tơ nó vẫn liền nhau. Ý nói dầu đã bỏ ý định lấy Kim-Trọng, song vẫn không bao giờ quên chàng được.
- (4) Cánh hồng : Cánh chim hồng-hộc, một giống chim mạnh, to, bay cao. Người ta thường ví người anh-hùng với chim hồng.

Từ Hải đi làm giặc



Từ Hải sai người
về đón Kiều.



Ngày đêm luống những âm-thầm,
2250. Lửa binh đầu đã âm-âm một phương !
Ngất trời, sát khí mơ-màng, (1)
Đầy sông kinh-ngạc, chật đường giáp binh (2).

Người quen-thuộc, kẻ chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.

Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,
« Dầu trong nguy-hiêm, dám rời ước xưa ! »

Còn đang dùng-dắng, ngần-ngợ,
Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng loa.

Giáp-binh kéo đến quanh nhà,
2260. Đồng thanh cùng hỏi : « Nào là phu-nhân ? »

Hai bên mười vị tướng-quân,
Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu. (3)

Cung-nga, thế-nữ, nổi sau, (4)
• Rằng : « Vàng lệnh-chỉ rước châu vu-qui. » (5)

Săn-sàng, phượng-liễn, loan-nghi, (6)
Hoa-quân phấp-phới, hà-y rỡ-ràng. (7)

(1) Ý nói binh-sĩ kéo đến đông-đảo dữ-dội.

(2) Sông đầy kinh ngạc : Sông đầy cá kinh, cá ngạc (giống cá lớn, dữ-tợn). Ý nói dưới sông đầy binh-sĩ hùng-dũng. Chật đường giáp binh : Áo giáp, binh khí đầy chật đường.

(3) Khấu đầu : Cúi đầu sát đất lạy.

(4) Cung-nga, thế-nữ : con gái hầu trong cung.

(5) Lệnh-chỉ : Lệnh của vua.

(6) Phượng-liễn loan-nghi : Kiệu phượng, màn loan.

(7) Hà-y : Áo màu đỏ. Hoa quan : mũ hoa.

Dựng cờ, nổi trống, lên dăng,

Trúc tơ nổi trước, kiêu vàng kéo sau. (1)

Hỏa-bài tiền lộ ruổi mau, (2)

2270. Nam-Đình, nghe động trống châu đại doanh. (3)

Kéo cờ lũy, phát súng thành, (4)

Từ-công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài. (5)

Lửa mình, lạ vẻ cân-đai, (6)

Hãy còn hàm én, mày ngài như xưa.

Cười rằng : « Cá nước duyên ưa !

« Nhớ lời nói những bao giờ, hay không ?

« Anh-hùng mới biết anh-hùng,

« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ?

Nàng rằng : « Chút phận ngày-thơ,

2280. « Cũng may dây cát được nhờ bóng cây !

« Đến bây giờ, mới thấy đây,

« Mà lòng đã chắc những ngày một hai ! » (7)

(1) Trúc tơ : sáo, đàn.

(2) Hỏa-bài : Tấm thẻ viết lệnh khẩn-cấp.

(3) Nam-Đình : Triều-đình ở phương nam của Từ-Hải mới lập ra. Đại doanh : Đại-bản-doanh.

(4) Cờ lũy : Cờ trên tường thành.

(5) Ông họ Từ (Từ-công) đích thân ra đón rước (thân nghênh) ở phía ngoài thành.

(6) Lửa mình : Kiêu nói : Trông mình thì quen (lửa mình), nhưng mình mặc triều phục có cân đai thì có vẻ lạ.

(7) Những ngày một hai : ngày thứ nhất, thứ nhì.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trường-mại tự tình. (1)
Tiệc bày thưởng tướng, khao binh,
Om-thòm trống trận, rập-rình nhạc quân. (2)
Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần,
Chữ tình, ngày lại thêm xuân một ngày.
Trong quân có lúc vui-vầy,
2290. Thong-dong mới kể sự ngày hàn-vi :
« Khi Vô-Tích, khi Lâm-chuy,
« Nơi thì lừa-đảo, nơi thì xót-thương.
« Tắm thân rày đã nhẹ-nhàng,
« Chút còn ân-oán đôi đường chưa xong. »
Từ-công nghe nói thủy-chung,
Bất-bình nổi trận ùng-ùng sấm vang.
Nghiêm quân, tuyền tướng sẵn-sàng, (3)
Dưới cờ một lệnh vội-vàng ruổi sao. (4)
Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
2300. Đao ra Vô-Tích, đao vào Lâm-chuy. (5)
Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tầm-nã, bắt về hỏi tra. (6)

-
- (1) Trường mai : Mãn thêu hoa mai.
(2) Trống trận : Trống đánh theo điệu hành quân ra trận.
(3) Nghiêm quân : Chinh-bị quân-sĩ.
(4) Ruổi sao : Đi nhanh như sao băng.
(5) Đao : đao quân.
(6) Tầm-nã : tìm bắt.



Từ và Kiều bàn việc
bảo an, bảo oản ①



Từ sai tướng
đi bắt những
kẻ đã phá hại
Kiều và đã
cứu Kiều ②

TRUYỆN THUY KIỀU

Lại sai lệnh-tiền truyền qua,
Giữ-giàng họ Thúc, một nhà cho yên.
Mụ quản-gia, vãi Giác-Duyên,
Cũng sai lệnh-tiền đem tin rước mời.
Thệ-sur kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy.
Đạo trời, báo phục chửi ghê,
2310. Khéo thay ! một mẻ tóm về đây nơi !
Quân-trung, gươm lớn, giáo dài, (1)
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi. (2)
Sẵn-sàng tề-chỉnh uy-nghi,
Bác đồng chạt đất, tinh kỳ rợp sân. (3)
Trướng hùm mở giữa trung-quân, (4)
Từ-công sánh với phu-nhân cùng ngồi.
Tiên nghiêm, trống chửi dứt hồi, (5)
Điền danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.
Từ rằng : « Ân, oán, hai bên,
2320. « Mặc nàng xử quyết, báo đền cho mình. »
Nàng rằng « Nhờ cậy uy-linh, (6)
« Hãy xin báo-đáp ân-tình cho phu. (7)

-
- (1) Quân-trung : Trong đám quân sĩ.
(2) Vệ trong thị lập : Quân nội-vệ đứng hầu. Cơ ngoài song phi : Cơ-binh đứng giàn ra hai hàng.
(3) Bác đồng : súng đồng lớn. Tinh kỳ : cờ-xí.
(4) Trướng hùm : chỗ ngồi của chủ tướng.
(5) Tiên nghiêm : Hồi trống đánh lúc ra quân để cho nghiêm.
(6) Uy-linh : Cái oai lớn.
(7) Cho phu : Cho thỏa.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Báo ân rồi sẽ báo thù, »

Từ rằng : « Việc ấy để cho mặc nàng. »

Cho gươm mời đến Thúc-lang,
Mặt như chàm đỏ, mình dường giẽ run. (1)

Nàng rằng : « Nghĩa trọng nghìn non, (2)

« Lâm-chuy người cũ, chàng còn nhớ không ?

« Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng. (3)

2330. « Tại ai, há dám phụ lòng cố-nhân ?

« Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,

« Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là.

« Vợ chàng quỷ-quái, tinh-ma,

« Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau ! (4)

« Kiến bò miệng chén chưa lâu,

Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! .

Thúc-Sinh trông mặt bấy giờ,

Mồ-hôi chàng đã như mưa ướt dầm.

Lòng riêng mắng sợ khôn cầm,

2340. Sợ thay, mà lại mắng thăm cho ai !

Mụ già, sư-trưởng, thứ hai, (5)

Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.

-
- (1) Mặt tái xanh như chàm đỏ, mình run cầm-cập như chim sẽ bị bắt.
 - (2) Ý nói ơn-nghĩa sâu-dậm.
 - (3) Sâm Thương : Sao hôm, và sao mai, trở sự cách biệt, không bao giờ gặp nhau.
 - (4) Ngạn-ngữ : « Bà già bắt được kẻ cắp » nghĩa là kẻ cắp thì lanh-lẹ bà già thì lờ-mờ mà lại bắt được kẻ cắp. Ý nói việc xảy ra bất ngờ.
 - (5) Mụ già : Mụ quản-gia ở nhà Hoạn-Thư. (Sư-trưởng Giác-Duyên).

TRUYỆN THÚY KIỀU

Dắt tay, mở mắt cho nhìn :

« Hoa-nô kia, với Trạc-Tuyền, cũng tôi !

« Nhớ khi lỡ bước, sầy vôi, (1)

« Non vàng chưa dễ đền-bồi tám thương.

« Nghìn vàng gọi chút lễ thường,

« Mà lòng Phiếu-mẫu, mấy vàng cho cân ! » (2)

Hai người trông mặt tần-ngần,

2350. Nửa phần khiếp-sợ, nửa phần mừng-vui.

Nàng rằng : « Xin hãy rón ngời,

« Xem cho rõ mặt, biết tôi báo-thù !

Kiếp truyền chừ tướng hiển phù, (3)

Lại đem các tích phạm tù hậu tra. (4)

Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,

Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn-Thư.

Thoắt trông, nàng đã chào thưa :

« Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây ?

« Đàn-bà dễ có mấy tay,

2360, « Đòi xưa mấy mặt, đòi này mấy gan !

« Dễ-dàng là thói hồng-nhan,

« Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều ! »

Hoạn-Thư hồn lạc, phách xiêu,

Khẩu đầu dưới trướng, liệu điều kêu ca.

Rằng : « Tôi chút dạ đàn-bà,

« Ghen tương, thì cũng người ta thương tình !

(1) Sầy-vôi : Thất thế, mất địa vị cũ.

(2) Lúc Hàn-Tín còn hàn-vi, đói khổ, bà Phiếu-Mẫu thương tình cho ăn bữa cơm. Sau Hàn-Tín làm nên, trả ơn bà một nghìn lạng vàng.

(3) Hiển-phù : Dâng nộp những người đã bắt được.

(4) Các tích : Các vụ. Hậu tra : Đợi tra xét.

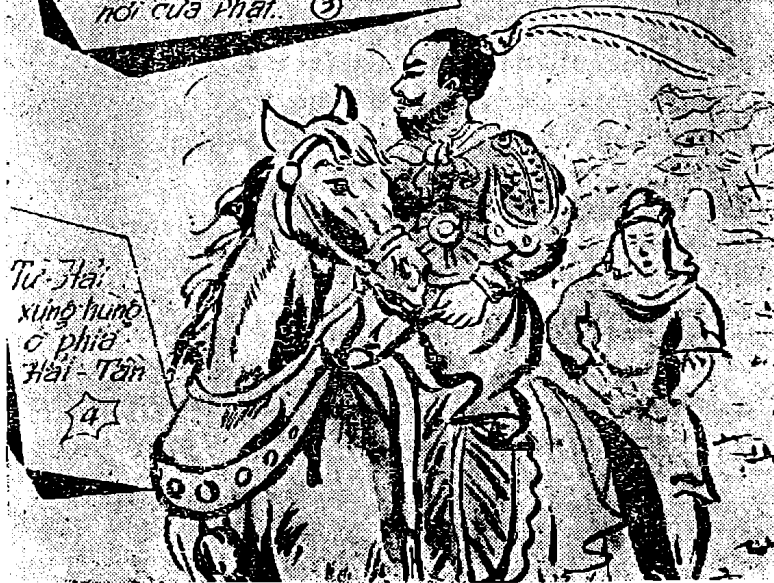
TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Nghĩ cho khi các viết kinh, (1)
« Với khi khỏi cửa, dứt tình chẳng theo. (2)
« Lòng riêng, riêng cũng kính-yêu,
2370. « Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai!
« Trót lòng gây việc chông gai,
« Còn nhờ lượng bề thương bái nào chẳng ? »
Khen cho : « Phật đã nên rằng :
« Khôn-goan đến mực, nói-năng phải lời.
« Tha cho thì cũng may đời,
« Làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen.
« Đã lòng tri quá thì nên... ! (3)
« Truyền quân-lệnh xuống, trưởng-tiền tha ngay »(4)
Tạ lòng, lạy trước sân mây,
2380. Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào.
Nàng rằng : « Lòng-lộng trời cao !
« Hại nhân, nhân hại, sự nào tại ta ?
« Trước là Bạc-Hạnh, Bạc-bà,
« Bên là Ung, Khuyển, bên là Sở-Khanh ;
• Tú-Bà với Mã-Giám-Sinh,
• Các tên tội ấy đáng tình còn sao ?
Lệnh-quân truyền xuống nội-đao, (5)
Thề sao, thì lại cứ sao gia-hình. (6)

- (1) Nghĩ lại cho tôi, khi nàng viết kinh ở Quan-Âm các.
Ý nói khi bắt gặp Kiều nói chuyện với Thúc-Sinh ở Quan-Âm các mà bỏ qua là một cử-chỉ tốt đối với Kiều.
(2) Với lại khi Kiều trốn đi, đem theo đồ thờ quý giá mà cũng bỏ qua luôn, không chạy theo bắt lại.
(3) Tri quá thì nên : Biết tội lỗi quá như thế thì được.
(4) Trưởng tiền tha ngay : Tha ngay tại chỗ xử.
(5) Nội-đao : Quân đao-phủ ở nội cung.
(6) Thề-sự thế nào thì cứ gia hình như thế ấy.



Giặc-Duyên từ-tạ ra về
nơi cửa Phật. ③



Tứ-Hải
xưng-hung
ở phía
Hải-Tân

④

TRUYỆN THÚY KIỀU

Máu roi, thịt nát, tan-tành,
2390. Ai ai trông thấy, hồn kinh, phách rời!
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người, chẳng bỏ, khi người phụ ta !
Mấy người bạc-ác, tinh-ma,
Mình làm, mình chịu, kêu mà ai thương ?
Ba quân đông mặt pháp-trường,
Thanh thiên, bạch nhật, rõ-ràng cho coi. (1)
Việc nàng báo-phục vừa rồi, (2)
Giác-Duyên vội vã gửi lời từ qui. (3)
Nàng rằng : « Thiên tai nhất thì, (4)
2400. « Cố-nhân đã dễ mấy khi bàng-hoàng.
« Rồi đây bèo hợp, mây tan,
« Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu ! » (5)
Sư rằng : « Cũng chẳng mấy lâu,
« Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
« Nhớ ngày hành-cước phương xa, (6)
« Gặp sư Tam-Hợp vốn là tiên-tri,
« Bảo cho hội-hợp chi kỳ,
« Năm nay là một, nửa thì năm năm.

- (1) Thanh thiên bạch nhật : Dưới trời xanh và ánh sáng mặt trời, ý nói rõ-ràng, minh-bạch.
- (2) Báo-phục : báo-hận phục-thù.
- (3) Từ qui : Cáo từ ra về.
- (4) Thiên tai nhất thì : Nghìn năm mới có một lần.
- (5) Hạc nội mây ngàn : Con hạc ở ngoài đồng nội. đám mây trên ngàn. Ý nói nay đây mai đó như chim hạc ngoài đồng nội, đám mây trên núi.
- (6) Hành cước : Tiếng nhà chùa, có nghĩa là đi bộ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Mới hay tiền định chẳng lầm,
2410. « Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau. (1)

• Còn nhiều ân-ái với nhau,
« Cơ duyên nào đã hết đầu, vội gì? »
Nàng rằng : « Tiền-định tiên-tri,
« Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai.
« Họa bao giờ có gặp người,
« Vì tội cậy hỏi một lời chung thân. » (2)

Giác-Duyên vàng dặn ân-cần,
Tạ từ, thoát đã dòi chân cõi ngoài.
Nàng từ ân-oán rạch-rời,
2420. Bề oan dường đã voi-voi cạnh lòng.

Tạ ân, lạy trước Từ-công :
« Chút thân bồ-liễu nào mong có rày ?
« Trộm nhờ sấm-sét ra tay,
« Tắc riêng như cật gánh đầy đồ đi !
« Khắc xương, ghi dạ, xiết chi,
« Dễ đem gan-óc đèn nghì trời mây! » (3)

Từ rằng : « Quốc-sĩ xưa nay, (4)
« Chọn người tri-kỷ, một ngày được chẳng ?
« Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,
2430. « Giữa đường thấy sự bất bằng mà tha !

~~~~~  
(1) Ắt nhằm : ắt đúng.

(2) Lời chung thân : Lời đoán trọn cuộc đời.

(3) Gan-óc : Bờ chữ can não đồ địa : gan óc lăm xuống đất, ý nói chết đi. Đèn nghì trời mây : đèn nghĩa lớn lao.

(4) Quốc-sĩ : Người có tài bậc nhất trong nước.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

- Huống-chi việc cũng việc nhà,
  - Lọ là thâm tạ, mới là tri-ân !
    - Xót nàng còn chút song thân,
  - Bấy lâu kẻ Việt, người Tần cách xa.
    - ◀ Sao cho muôn dặm một nhà, (1)
  - Cho người thấy mặt, là ta cam lòng. .
    - Vội truyền sửa tiệc quân-trung,
    - Muôn binh, nghìn tướng hội-đồng tầy oan.
    - Thừa cơ trúc chẻ, ngói tan, (2)
2440. Binh-uy từ đây sấm ran trong ngoài.  
Triều-đình riêng một góc trời,  
Gồm hai vắn-vỡ, rạch đôi sơn-hà.  
Đòi cơn gió quét, mưa sa,  
Huyện-thành đập đổ năm tòa cõi nam. (3)  
Phong-trần, mài một lưỡi gươm, (4)  
Những phường giá áo, túi cơm sá gì! (5)

- 
- (1) Muôn dặm một nhà : Ở xa muôn dặm mà được sum-hợp thành một nhà.
- (2) Quân của Từ-Hải thắng thế tiến dễ như chẻ tre (trúc chẻ), đối-phương bị tan-vỡ như ngói rơi vỡ tan-tành (ngói tan).
- (3) Chiếm cứ được 5 huyện ở miền nam.
- (4) Ý nói gặp loạn-lạc Từ-Hải dựng nên sự-nghiệp bằng một thanh gươm.
- (5) Giá áo, túi cơm : Thân như cái giá mắc áo, bụng như cái túi đựng cơm. Ý nói người tầm thường, chỉ biết ăn với mặc.



Hồ tôn Hiến  
đang lập mưu  
chống Từ-Hải



Hồ-tôn-  
Hiên  
sai nã:  
mãng  
lê-vật  
nữ-khieu

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Nghênh-ngang một cõi biên-thù,  
Thiếu gì cò-quả, thiếu gì bá-vương !  
Trước cò, ai dám tranh cường,  
2450. Năm năm hùng-cứ một phương hải-tân. (1)  
Có quan Tổng-đốc trọng thần, (2)  
Là Hồ-tôn-Hiến, kinh-luân gồm tài.  
Đầy xe, vàng chỉ đặc sai, (3)  
Tiện-nghi, bát-tiểu, việc ngoài đồng-nhung. (4)  
Biết Từ là đấng anh-hùng,  
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.  
Đóng quân, làm chức chiêu-an, (5)  
Ngọc, vàng, gấm, vóc, sai quan thuyết hàng.  
Lại riêng một lễ với nàng,  
2460. Hai tên thế-nữ, ngọc vàng nghìn cân.  
Tin vào gửi trước trung-quân,  
Từ-công riêng hãy mười phân hồ-đồ. (6)

- 
- (1) Phương hải-tân : Miền duyên-hải tức là cõi biên thù giáp-biên.
- (2) Trọng thần : quan to giữ trọng trách.
- (3) Đầy xe : Ngày xưa, khi tướng lên đường đi dẹp giặc, vua lấy tay đầy xe của tướng ngồi ra đến cửa thành để tỏ ý vua tin-cậy ủy-thác việc ra đánh-dẹp ở ngoài biên cương cho ông tướng. Vàng chỉ đặc sai : Tuân theo sắc-chỉ sai đi công-vụ đặc-biệt.
- (4) Tiện-nghi : Tùy tiện, tùy nghi. Bát tiểu : Dẹp giặc. Đồng-nhung : Thống-lãnh ba quân.
- (5) Làm chức chiêu-an : Lập mưu dụ hàng.
- (6) Hồ-đồ : Chưa rõ sự thế ra sao.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Một tay gậy-dựng cơ-đồ,  
Bấy lâu bề Sở, sông Ngô, tung hoành !  
Bỏ thân về với triều-đình,  
Hàng-thần lo-láo, phận mình ra đâu ? (1)  
Áo xiêm trời buộc lấy nhau, (2)  
Vào lườn, ra cúi, công-hầu mà chi ?  
Sao bằng riêng một biên-thùy,  
2470. Sức này đã dễ làm gì được nhau ?  
Chọc trời, quấy nước, mặc dầu, (3)  
Dọc ngang, nào biết trên đầu có ai ?  
Nàng thì thật dạ tin người,  
Lẽ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu,  
Nghĩ mình, mặt nước, cánh bèo,  
Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.  
Bằng nay chịu tiếng vương-thần, (4)  
Thành-thành đường cái, thanh vân hẹp gì ? (5)  
Công, tư, vẹn cả hai bề,  
2480. Dẫn-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.  
Cũng ngôi mệnh-phụ đường đường,  
Nữ-nang mây mặt, rõ-ràng mẹ cha.  
Trên vì nước, dưới vì nhà,  
Một là đặc hiệu, hai là đặc trung.  
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,  
E dè gió dập, hải-hùng sóng va.

(1) Hàn thần : Bầy-tôi về đầu hàng nhà vua.

(2) Áo xiêm : Lễ-phục các triều thần. Ý nói đối với Tử-Hài chức tước của triều-đình ban cho, chỉ là sự trời buộc, mất tự-do.

(3) Mặc dầu : Mặc lòng.

(4) Vương-thần : Bầy-tôi của nhà vua.

(5) Thanh vân : Mây xanh, trở đường công-danh.



Kiều khuyên Từ Hải giải binh



TỪ HẢI NGHE KIỀU GIẢI BINH

## TRUYỀN THUYẾT KIỀU

Nhân khi hàn-bạc gần xa,  
Thừa cơ, nàng mới bàn ra nói vào.  
Rằng : « Ôn Thánh-đế dời-đào,  
2490. « Tuổi ra đã khắp, thắm vào đã sâu.  
« Bình-thành công-dức bấy lâu, (1)  
« Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao.  
« Ngậm từ đây việc binh-đao,  
« Đổng xương Vô-Định đã cao bằng đầu. (2)  
« Làm chi đề tiếng về sau,  
« Nghin năm ai có khen đầu Hoàng-Sào ? (3)  
« Sao bằng lộc trọng, quyền cao,  
« Công-danh ai dứt lối nào cho qua ? »  
Nghe lời nàng nói mặt-mà,  
2500. Thế-công, Từ mới trở ra thế hàng.  
Chỉnh nghi tiếp sứ vội-vàng, (4)  
Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh. (5)  
Tin lời thành hạ yêu mình, (6)  
Ngọn cờ ngợ-ngác, trống canh trê-tràng. (7)

- 
- (1) Bình-thành : Ý nói trị nước, yên dân.  
(2) Vô-Định : Con sông Vô-Định bên Tàu vì có nhiều chỗ nông chỗ sâu nên mới gọi là Vô-định. Xưa quân Tàu và quân Hung-nô đánh nhau nhiều trận lớn trên sông này hai bên chết nhiều lắm.  
(3) Hoàng-Sào là một tướng giặc dũng-lực đời Đường, cướp ngôi vua trong vòng 10 năm.  
(4) Chỉnh-nghi : Chỉnh-bị nghi-lễ.  
(5) Thúc-giáp : Bỏ áo lại đề ra hàng.  
(6) Thành hạ yêu mình : Hai bên đến dưới thành giao ước hòa với nhau.  
(7) Ý nói chênh-mảng việc canh-phòng.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Việc binh bỏ chẳng giữ-giàng,  
Vương-sư dòm đã tỏ-tường thực hư. (1)  
Hồ-công quyết kể thừa cơ,  
Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập-công. (2)  
Kéo cờ chiêu-phủ tiên-phong, (3)  
2510. Lễ-nghi giản trước, bác đồng phục sau.  
Từ-công hờ-hững biết đâu ?  
Đại-quan lễ-phục ra đầu cửa viên. (4)  
Hồ-công ám-hiệu trận tiền,  
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.  
Đang khi bất ý chẳng ngờ,  
Hùm thiên khi đã sa cơ cũng hèn !  
Tử-sinh, liều giữa trận tiền,  
Dạn-dày cho biết gan liềm tướng-quân !  
Khí thiêng khi đã về thần, (5)  
2520. Nhon-nhon còn đứng chôn chân giữa vòng !  
Trơ như đá, vững như đồng,  
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời !

- 
- (1) Vương-sư : Quân sư nhà vua.  
(2) Lễ tiên binh hậu : Trước thì giả bày lễ đón Từ-Hải ra hàng, còn sau thì phục binh. Khắc cờ : hẹn giờ. Tập-công : đánh úp.  
(3) Toán quân đi đầu mang cờ có đề chữ « Chiêu-phủ ». Chiêu phủ là chiêu dụ về hàng đảng an-cư lạc-nghiệp.  
(4) Mặc quần áo đại-lễ, ra đầu hàng.  
(5) Khí thiêng : Khí người anh hùng Về thần : chết.

Từ hồi Ngô Kiều  
giải binh ra hàng.

Bi Hồ tập binh  
đánh phá.

Từ bi tu-trần.



## TRUYỆN THÚY KIỀU

Quan quân truy-sát đuổi dài, (1)  
Âm-âm sát khí ngất trời, ai đang ! (2)  
Trong hào, ngoài lũy, tan-hoang,  
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi. (3)  
Trong vòng tên đá loi-bời, (4)  
Thấy Từ còn đứng giữa trời tro-tro.  
Khóc rằng : ' Tri dững có thừa,  
2530. « Bối ughê lời thiếp, nên cơ-hội này !  
« Mặt nào trông thấy nhau đây ?  
« Thà liêu sống chết một ngày với nhau ! »  
Dòng thu như giọt cơn sầu, (5)  
Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.  
Lạ thay oan khí tương triền, (6)  
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra !  
Quan quân, kẻ lại người qua,  
Xót nàng, khẽ lại vực ra dần-dần.  
Đem vào đến trước trung-quân,  
2540. Hồ-công thấy mặt, ân-cần hỏi-han.  
Rằng : « Nàng chút phận hồng-nhan,  
« Gặp cơn binh-cách, nhiều nàn cũng thương ! (7)  
« Đã hay thành toán miếu-đường,  
« Chấp công cũng có lời nàng mới nên. (8)

(1) Truy-sát : đuổi theo giết.

(2) Ai đang : Ai địch nổi.

(3) Loạn quân : Đám quân hỗn-loạn.

(4) Tên đá : Mũi tên bằng đá.

(5) Dòng thu : Dòng nước mắt. Ý nói Kiều khóc thảm thiết.

(6) Oan khí tương-triền : Khí oan cảm thông nhau.

(7) Binh-cách : Cũng như nói binh lửa. Nàn : Hoạn-nạn.

(8) Chấp công : lập công.

---

TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Bây giờ sự đã vẹn-tuyền,  
« Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào ? »  
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,  
Ngập-ngừng mới gửi thấp cao sự lòng. (1)  
Rằng : « Từ là đấng anh-hùng.  
2550. « Dọc ngang trời rộng, vẫy-vùng bề khơi.  
« Tin tôi, nên quá nghe lời,  
« Đem thân bách-chiến làm tôi Triều-dinh. (2)  
« Ngõ là phu quý, phụ vinh,  
« Ai ngờ một phút tan-tành thịt xương !  
« Năm năm trời bề ngang-tàng,  
« Dẫn mình đi bỏ chiến-trường như không !  
« Khéo khuyên kẻ lấy làm công,  
« Kẻ bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !  
« Xét mình công ít, tội nhiều ;  
2560. « Sống thừa, tôi đã nên liêu mình tôi !  
« Xin cho thiên-thở một đôi, (3)  
« Gọi là đấp-diểm lấy người tử-sinh ! » (4)  
Hồ-công nghe nói thương tình,  
Truyền cho kiêu-táng di hình bên sông. (5)  
Trong quán mở tiệc hạ-công, (6)  
Xòn-xao tờ trúc, hội-đồng quân quan. (7)

(1) Thấp cao : Gốc-ngọn đầu-duôi.

(2) Bách-chiến : trăm trận.

(3) Thiên-thở : Đất nông. Một đôi : một năm, một gò.

(4) Người tử sinh : Ý nói người đã có quyền cùng sống chết với Kiêu.

(5) Kiêu-táng : bọc cỏ mà chôn, ý nói chôn cất dối-trá.  
Di hình : Hình-hài còn sót lại.

(6) Tiệc hạ công : Tiệc mừng thắng trận.

(7) Tờ trúc : đàn sáo.

Bắt nàng thị yến dưới màn, (1)  
Giở say, lại ép cung đàn nhật tâu. (2)  
Một cung gió tủi, mưa sầu,  
2570. Bốn dây rõ máu năm đầu ngón tay !  
Ve ngâm, vượn hót, nào tà; (3)  
Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.  
Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?  
« Nghe ra muôn oán, nghìn sầu, lắm thay ! »  
Thưa rằng : « Bạc-mệnh khúc này.  
« Phở vào đàn ấy những ngày còn thơ.  
« Cung cầm, lựa những ngày xưa,  
« Mà gương bạc-mệnh, bây giờ là đây. »  
Nghe càng đắm, ngắm càng say,  
2580. Lại cho mặt sắt, cũng ngày vì tình !  
Dạy rằng : « Hương-hỏa ba-sinh, (4)  
« Dây loan xin nối cầm lành cho ai ? »  
Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,  
« Trong mình, nghĩ đã có người thác oan. (5)  
« Còn chi nữa, cánh hoa tàn,  
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiều-Lân (6)

- 
- (1) Thị yến : Hầu tiệc.  
(2) Cung đàn nhật tâu : Bản đàn chơi hàng ngày.  
(3) Tiếng ve kêu, vượn hú cũng không buồn bằng.  
(4) Hương-hỏa ba-sinh : Ba đời có lời thề-ước lấy nhau.  
(5) Ý nói nàng đang có tang người chồng chết oan.  
(6) Ý nói nàng không nghĩ đến việc lấy ai nữa. Mượn ý câu thơ của nàng Tiều-Lân : Dục tri tâm đoạn tuyệt. ưng khán tất thượng huyền : Muốn biết lòng đau thế nào, thì nên xem sợi dây đàn đứt.

Hồ Tôn Hiến thắng trận.  
Ep Kiều lấy thờ quan.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

« Rộng thương còn mảnh hồng-quần,  
« Hoi tàn được thấy gốc phần là may ! » (1)

Hạ-công chén đã quá say,

2590. Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra. (2)

Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,

Quan trên ngắm xuống, người ta trông vào.

Phải tuồng trăng-gió hay sao ?

Sự này, biết tính thế nào được đây ?

Công-nha vừa buổi rạng ngày, (3)

Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài. (4)

Lệnh quan, ai dám cãi lời.

Ép tình mới gán cho người thờ-quan, (5)

Ông tơ sao khéo đa-doan !

2600. Xe tơ sao khéo xe quàng, xe xiên ?

Kiều hoa áp thẳng xuống thuyền,

Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.

Nàng càng ủ liêu, phai dào,

Trăm phần, nào có phần nào phần tươi ?

Dành thân cát đập, sóng vùi,

Cướp cọng cha mẹ, thiệt đời thông-minh !

Chân trời, mặt bẽ lênh-dênh,

Năm xương biết gói tử-sinh chốn nào ?

~~~~~  
(1) Gốc phần : Gốc cây phần.

(2) Rạng ngày : Sáng ngày hôm sau.

(3) Công nha : công-đời.g.

(4) Đoán ngay một bài: Quyết-đoán ngay một cách.

(5) Thờ-quan : Vị quan bản thờ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Duyên dẫu, ai dứt tơ đào ? (1)

2610. Nợ dẫu, ai đã dắt vào tận tay ?

Thân sao, thân đến thế này ?

Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi !

Đã không biết sống là vui,

Tấm thân nào biết thiệt-thời là thương !

Một mình cay-đắng trăm đường,

Thời thì nát ngọc, tan vàng, thì thời !

Mảnh trăng đã gác non đồi,

Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.

Triều dẫu nổi tiếng dùm dùm, (2)

2620. Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-Đường.

Nhớ lời thần-mộng rõ-ràng.

Này thời hết kiếp đoạ-tràng là đây !

« Đạm-Tiên, nàng nhé, có hay ?

• Hẹn ta, thì đợi dưới này, rước ta. »

Dưới đèn sẵn bức tiên-hoa,

Một thiên tuyệt bút, gọi là đề sau. (3)

Cửa bông vội mở rèm châu, (4)

Trời cao, sông rộng, một màu bao-la.

Rằng : « Từ-công hậu đãi ta,

2630. « Xót vì việc nước mà ra phụ lòng.

« Giết chồng mà lại lấy chồng,

« Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời ?

(1) Tơ-đào : tơ hồng.

(2) Triều : Nước thủy-triều.

(3) Làm một bài thơ tuyệt-mệnh đề lưu lại đời sau.

(4) Cửa bông : Cửa thuyền.



KHÉI GIEO MÌNH XUỐNG SÔNG
TIỀN ĐƯỜNG.
- TRÔNG VỚI CON NƯỚC
MÈNH MỎNG.
ĐEM MÌNH GIEO XUỐNG
QUẢ GIÒNG TRĂNG GIANG.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Thôi thì một thác cho rồi,
« Tấm lòng phò mặc trên trời, dưới sông ! »
Trông vời con nước mênh-mông, (1)
Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng-giang.
Thồ-quan theo vót vội-vàng,
Thì đã đắm ngọc, chìm hương cho rồi ! (2)
Thương thay, cũng một kiếp người !
2640. Hại thay, mang lấv sắc tài làm chi !
Những là oan-khổ lưu-ly, (3)
Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân ?
Mười-lăm năm, bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi !
Đời người đến thế thì thôi !
Trong cơ âm cực, dương hồi, khôn hay. (4)
Mấy người hiểu nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương !

X

Giác-Duyên từ tiết giã nàng, (5)
2650. Đeo bầu, quảy tráp, rộng đường vân-du. (6)
Gặp bà Tam-hợp đạo-cô,
Thong-dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :

(1) Con nước : Nước thủy-triều.

(2) Cho rồi : Mất rồi.

(3) Lưu-ly : Chia-ly và lưu-lạc.

(4) Âm cực, dương hồi: Hết khổ rồi đến sướng. Khôn hay: khó mà biết được.

(5) Từ tiết : Từ độ, từ khi.

(6) Vân-du : người tu-hành thường đi đây đi đó.

TRUYỆN THUY KIỆU

- « Người sao hiểu-nghĩa đủ đường ?
« Kiếp sao chịu những đoạn-trường thế thối ? »
Sư rằng : « Phúc họa đạo Trời,
« Cõi nguồn, cũng bởi lòng người mà ra.
« Có Trời mà cũng tại ta,
« Tu là cõi phúc, tình là dây oan. (1)
« Thúy-Kiều sắc-sảo khôn-ngoa,
2660. « Vô duyên là phận hồng-nhan đã đành ;
« Lại mang lấy một chữ tình,
« Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.
« Vậy nên những chốn thông-dong,
« Ở không yên-ổn, ngồi không vững-vàng.
• Ma đưa lối, quỷ dẫn đường,
« Lại tìm những lối đoạn-trường mà đi.
« Hết nạn ấy, đến nạn kia,
« Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần. (2)
« Trong vòng giáo dục, gươm trần,
2670. « Kề lưng hùm sói, gửi thân tôi-dòi. (3)

-
- (1) Tu là cõi phúc : tu tâm dưỡng tính theo đạo-lý là nguồn-cội của hạnh phúc. Tình là dây oan : đa tình đa cảm, ấy là tự tạo nên mối oan-nghiệp cho mình.
- (2) Thanh-y hai lần : Làm con hầu hai lần, một lần ở nhà mẹ Hoạn-Thư, một lần ở nhà Hoạn-Thư.
- (3) Kề lưng hùm sói : Ý nói sống nơi nguy-hiểm như khi ở với Từ-Hải. Gửi thân tôi dòi : Làm thân tôi-dòi.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- Giữa dòng nước chảy, sóng giời,
- Trước hàm rồng-cá, gieo mồi thủy-tinh.
 - « Oan kia theo mãi với tình,
- Một mình mình biết, một mình mình hay.
 - « Làm cho sống đọa, thác đày,
- « Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi ! »
 - Giác-Duyên nghe nói rưng-rời :
- « Một đời nàng nhé ! Thương ôi còn gì ? »
 - Sư rằng : « Song chẳng hề chi,
- 2680. « Nghiệp-duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều ! (1)
 - « Xét trong tội-nghiệp Thủy-Kiều : (2)
- Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm.
 - « Lấy tình thâm, trả tình thâm,
- « Bàn mình đã động hiếu-tâm đến Trời !
 - « Hại một người, cứu muôn người,
- Biết đường khinh-trọng, biết lời phải chẳng.
 - « Thừa công-đức ấy ai bằng ?
- « Túc-khiên đã rửa làng làng sạch rồi ! (3)
 - Khi nên, Trời cũng chiều người,
- 2690. « Nhẹ-nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
 - « Giác-Duyên dù nhớ nghĩa nhau,
- « Tiền-Đường thả một bè lau rước người.

(1) Nghiệp-duyên : Cái nghiệp-báo và cái nhân-duyên theo thuyết luân-hồi nhà Phật.

(2) Tội-nghiệp : Cái nghiệp gây nên tội-lỗi.

(3) Túc-khiên : Tội kiếp trước.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Trước sau cho vẹn một lời,
« Duyên ta mà cũng phúc Trời chi không ? »
« Giác-Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân-la tìm thú bên sông Tiền-Đường. (1)
Đánh tranh, lợp mái thảo-đường, (2)
Một gian nước biếc, mây vàng chia đôi.
Thuê năm, ngư-phủ hai người, (3)
2700. Đong thuyền chực bến, kết chài giăng sông.
Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo thay ! Gặp-gỡ cũng trong chuyền-vần, (4)
Kiều từ gieo xuống dòng ngân, (5)
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
Ngư-ông kéo lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam-Hợp rõ mười chẳng ngoa !
Trên mui lướt-mướt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương (6)
Giác-Duyên nhận thật mặt nàng,
2710. Nàng còn thiêm-thiếp giấc vàng chưa phai. (7)

~~~~~  
(1) Thú : chỗ ở.

(2) Thảo-đường : nhà tranh.

(3) Thuê năm : Thuê làm công cả năm.

(4) Trong chuyền vần : Trong cơ trời.

(5) Dòng ngân : dòng nước bạc.

(6) Chưa lòa bóng gương : vẫn còn tươi sáng, hồng-hào.

(7) Giấc vàng : Cơn mẽ.



---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Mơ-màng phách quế, hôn mai, (1)  
Đạm-Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.  
Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,  
« Mất công mười mấy năm thừa ở đây.  
« Chi sao phận mỏng, đức dày ?  
« Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai !  
« Tâm thành đã thấu đến Trời,  
« Bản mình là hiếu, cứu người là nhân.  
« Một niềm vì nước, vì dân,  
2720. « Âm-công cất một đồng cân đã già. (2)  
« Đoạn-trường sỏ, rút tên ra,  
« Đoạn-trường thơ, phải đón mà trả nhau. (3)  
« Còn nhiều hưởng-thụ về sau,  
« Duyên xưa tròn-trặn, phúc sau dôi-dào ! »  
Nàng còn ngờ-ngẩn biết sao,  
« Trạc-Tuyền » ! nghe tiếng gọi vào bên tai.  
Giật mình, thoát lĩnh giấc mai,  
Bàng-khuàng nào đã biết ai mà nhìn.  
Trong thuyền, nào thấy Đạm-Tiên ?  
2730. Bên mình chỉ thấy Giác-Duyên ngồi kề.  
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,  
Dọn thuyền, mời rước nàng về thảo-lư. (4).

- 
- (1) Phách quế, hôn mai : Hồn phách thơm như quế, trắng như mai, trở hồn phách người đẹp.  
(2) Âm-công : âm đức, phúc đức.  
(3) Đoạn-trường thơ : Mười bài thơ mà Đạm Tiên đã đưa cho Kiều làm theo đầu đề của Hội-chủ Hội-Đoạn-Trường.  
(4) Thảo-lư : nhà tranh.

---

## TRUYỆN THÚY KIỀU

---

Một nhà chung-chạ sớm trưa,  
Gió trắng mát mặt, muối dưa chay lòng.  
Bốn bề bát-ngát mênh-mông,  
Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.

### XI

Nạn xưa, trút sạch lâu-lầu,  
Duyên xưa, chưa dễ biết đầu chốn này.  
Nỗi nang tai-nạn đã đầy,  
2740. Nỗi chàng Kim-Trọng bấy-chầy mới thương.  
Từ chàng muôn dặm phù-tang, (1)  
Nửa năm ở đất Liêu-duyên lại nhà.  
Vội sang vườn Thúy dò-la,  
Nhìn phong-cảnh cũ, nay đã khác xưa.  
Đầy vườn cỏ mọc, lau thưa,  
Song trắng quanh-quẽ, vách mưa rã-rời. (2)  
Trước sau nào thấy bóng người,  
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.  
Xập-xoè én liệng lầu không, (3)  
2750. Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày. (4)  
Cuối tường gai-gốc mọc đầy,  
Đi về, này những lối này năm xưa.

~~~~~  
(1) Phù-tang : hộ tang.

(2) Song trắng : Cửa sò có ánh trắng chiếu vào.

(3) Lầu không : lầu vắng người.

(4) Rêu phong dấu giày : Rêu mọc phủ lên những vết giày đi, ý nói đã lâu không ai qua lại.



KINH TRONG 1905
VỀ
— Nữ nãg
Tài nãn cũ
đây
Nữ chãng
Kim-bãn
bãy chũ
hiệ thũg

TRUYỆN THÚY KIỀU

Chung-quanh lặng-ngắt như tờ,
Nỗi-niềm tâm-sự bấy giờ hỏi ai ?
Láng-giềng có kẻ sang chơi,
Lân-la mới hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông, ông mặc tụng-đình,
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã dòi xa,
2760. Hỏi chàng Vương, với cùng là Thúy-Vân.
Đều là sa-sút khó-khăn,
May thuê, viết mượn, kiếm ăn lần-hồi.
Điều đầu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng đã rụng-rời xiết bao !
Hỏi thăm di-trú nơi nào ? (1)
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh, vách đất tả-toi,
Lau treo rèm nát, trúc gài phen thưa. (2)
Một sân đất cỏ dầm mưa,
2770. Càng ngao-ngán nỗi, càng ngo-ngẩn dường !
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng, vội-vàng chạy ra.
Dắt tay, vội rước vào nhà,
Mái sau, viên-ngoại ông bà ra ngay.
Khóc-than kể hết niềm tày :
« Chàng ơi ! biết nỗi nước này cho chưa ?
« Kiêu-nhi phận mỏng như tờ ;
« Một lời đã lỗi tóc-tơ với chàng !

(1) Di trú : Dời chỗ ở đi nơi khác.

(2) Lau treo rèm nát : Cái gậy lau treo cái rèm cũ nát. Trúc gài phen thưa : Phen bằng trúc đan thưa.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Gặp cơn gia biến lạ đường,
2780. « Bán mình, nó phải tìm đường cứu cha.

« Dùng-dặng khi bước chân ra,
• Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.

« Trót lời nặng với lang-quân,
« Mượn con em nó Thúy-Vân thay lời.

« Gọi là trả chút nghĩa người,
« Sầu này dặng-dặc muôn đời chưa quên.

« Kiếp này, duyên đã phụ, duyên,
« Dạ-đài còn biết, sẽ đền lai sinh. (1)

« Mấy lời ký-chú đình-ninh. (2)
2790. « Ghi lòng để dạ, cắt mình ra đi.

« Phận sao bạc hấy Kiều-nhi !
• Chàng Kim về đó, con thì ở đâu ? »

Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa.

Vật mình vầy gió, tuôn mưa,
Dầm-dề giọt ngọc, thần-thờ hồn mai !

Đau đòi cạo, ngắt đòi hồi,
Tĩnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.

Thấy chàng đau nỗi biệt-ly,
2800. Ngập-ngừng, ông mới vỗ-về giải-khuyên :

« Bấy giờ ván đã đóng thuyền,
« Đã đành phận bạc, khôn đền tình chung !

« Quá thương chút nghĩa đèo-bồng,
« Nghìn vàng thân ấy, dễ hòng bỏ sao ? »

(1) Lai sinh : kiếp sau.

(2) Lời ký-chú : Lời dặn.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Dỗ-dành, khuyên-giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền.

Thề xưa, giở đến kim-hoàn, (1)

Của xưa, lại giở đến đàn vôi hương.

Sinh càng trông thấy, càng thương,

2810. Gan càng tức-tối, ruột càng xót-xa.

Rằng : « Tôi trót quá chán ra,

« Để cho đến nổi trời hoa, giạt bèo.

« Cùng nhau thề-thốt đã nhiều,

« Những điều vàng đá, phải điều nói không !

« Chưa chẵn-gối, cũng vợ chồng,

« Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang ?

« Bao nhiêu của, mấy ngày đàng,

« Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi ! »

« Nổi thương nói chẳng hết lời,

2820. Tạ từ, Sinh mới sụt-sùi trở ra.

Vội về sửa chốn vườn hoa,

Rước mời viên-ngoại ông bà cùng sang.

Thần-hôn, chăm-chút lễ thường,

Dưỡng-thân, thay tấm lòng nàng ngày xưa. (2)

Đình-ninh mài lệ, chép thư, (3)

Cắt người tim-tối, đưa tờ nhẵn-nhe.

Biết bao công mướn, của thuê,

Làm-thanh mấy độ đi về dặm khơi.

Người một nơi, hỏi một nơi,

2830. Mèn-mông nào biết bề trời nơi nao ?

(1) Kim-hoàn : Xuyên vàng (của Kim-Trọng tặng Kiều ngày trước).

(2) Dưỡng thân : nuôi cha mẹ.

(3) Mài lệ chép thư : Mài mực bằng nước mắt để viết thư.



Kim-Trọng đến đón ông bà họ Vương về nhà.
 - Vội về sửa chôn vườn hoa,
 Rước mời Viên-nghoại ông bà cùng sang...



KIM-TRONG THUÊ NGƯỜI ĐI TÌM KIẾM.
 - Định quinh mai lễ chạp thu. - Các người tìm tôi, đừng tởn nhỡ.

TRUYỆN THÚY KIỀU



Sinh càng thâm-thiết, khát-khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm, ngày một héo-don,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thần-thờ, lúc tỉnh, lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm-bao ! (1)
Xuân-huyền lo sợ xiết bao,
Quá ra, khi đến thế nào mà hay !
Vội-vàng sắm-sửa chọn ngày,
2840. Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Người yếu-diệu, kẻ văn-chương,
Trai tài, gái sắc, xuân đương vừa thì.

Tuy rằng vui chữ vu-qui,
Vui này, đã cất sầu kia được nào !

Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng sâu duyên mới, càng dào tình xưa. (2)

Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trăn, vò tơ trăm vòng.



TRUYỆN THÚY KIỀU



Có khi vắng-vẻ thư-phòng,
2850. Đốt lò hương, gió phím đồng ngày xưa (3)
Bẽ-bại, rầu-rĩ tiếng tơ, (4)
Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm.
Dường như trên nóc, bèn thềm,
Tiếng Kiều đồng-vọng, bóng xiêm mơ-màng. (5)
Bồi lòng lạc đá, ghi vàng,
Trông nàng, nên lại thấy nàng về đây.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- (1) Máu theo nước mắt : Khóc lóc thảm thiết tưởng chừng như máu trào ra. Hồn lìa chiêm bao : thẩn-thờ, ngây dại như kẻ mất hồn.
- (2) Đào : dỗi-dào.
- (3) Phím đồng : Đồng là gỗ đồng, là cây đàn làm bằng thứ gỗ cây đồng chứ không phải đồng là loại kim-khí.
- (4) Có bản viết : Bế-bai, rầu-rĩ, tiếng-tơ. Ở đây bế-bai có nghĩa là bế-bàng, mĩa-mai.
- (5) Tưởng chừng như có tiếng của nàng Kiều, vọng lại và mơ-màng, như thấy phảng-phất có bóng áo xiêm. Câu này thật hay và ý tưởng-tượng lại dỗi-dào. Có bản viết : tiếng kiêu... (chữ kiêu không viết hoa) và chú giải là tiếng của đàn bà con gái và cho như vậy nghe thanh-nhã hơn chữ Kiều viết hoa.

TRUYỆN THÚY KIỀU



Những là phiền-muộn đem ngày, (1)
Xuân thu, biết đã đổi-thay mấy lần?
Chế khoa gặp hội trăng-vãn, (2)
2860.Vương. Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày.(3)
Cửa trời mở rộng đường mây, (4)
Hoa chào ngô hạnh, hương bay dặm phần. (5)
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung-Lão, tạ ân chu-tuyên, (6)

TRUYỆN THÚY KIỀU

Tình xưa, ân trả, nghĩa đền,
Gia-thân bèn mới kết duyên Châu Trần. (7)
Kim tử nhẹ bước thanh-vân, (8)
Nôi nàng, càng nghĩ xa gần, càng thương.
Ấy ai hèn ngọc, thề vàng, (9)
2870. Bảy giờ kim-mã, ngọc-đường với ai ? (10)
Rễ bèo, chân sóng, lạc-loài,
Nghĩ mình vinh-hiễn, thương người lưu-ly.
Vàng ra ngoại nhâm Lâm-chuy.
Quan-san nghìn dặm, thê-nhi một đoàn.



TRUYỆN THÚY KIỀU



Cầm-đường ngày tháng thanh-nhàn, (11)
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn, tiêu-dao.
Phòng xuân trưng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm, hồng chiêm-bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng,
2880. Nghe lời, chàng cũng hai đường tin nghi.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- (1) Phiền muộn chẳng khuây.
- (2) Chế-khoa là một khoa thi Hội.
- (3) Bảng xuân : Bảng ghi tên những thí-sinh thi đỗ vào kỳ thi Hội.
- (4) Cửa Trời : cửa đền vua. Đường mây : đường công danh.
- (5) Ngõ hạnh : ngõ vườn hoa hạnh. Ý nói sau khi thi đỗ, được Vua cho phép vào vườn trồng hoa hạnh trong vườn thượng-uyên thưởng hoa.
- (6) Tạ ơn chu-tuyên : tạ ơn đã lo liệu giùm cho Vương-ông được vẹn-toàn, khỏi bị tội.
- (7) Gia thân : làm cho thân mật thêm.
- (8) Thanh-vân : đi làm quan. Có bản viết : Chàng càng nhẹ bước thanh-vân. Nhưng dùng chữ ‘chàng’ ở đây thành ra tối nghĩa, không rõ là Kim-Trọng hay Vương-Quan.
- (9) Hẹn ngọc thề vàng : lời thề hẹn quý báu như vàng như ngọc.
- (10) Kim-mã : cũng như kim-môn, trở việc làm quan. Ngọc-đường : dinh thự các quan.
- (11) Cầm-đường : nhà chơi đàn.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Nọ Lâm-thanh với Lâm-chuy,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.

Trong cơ thanh, khí, tương tầm, (1)
Ở đây hoặc có giai-âm chẳng là? (2)

Thăng đường chàng mới hỏi tra,
Họ Đò có kẻ lại già thừa lên :



TRUYỆN THÚY KIỀU



« Sự này đã ngoài mười niên,
« Tôi đã biết mặt. biết tên rành-rành.
« Tú-Bà cùng Mã-Giám-Sinh,
2890. « Đi mua người ở Bắc-Kinh đem về.
« Thúy-Kiều tài sắc ai bì,
« Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ !
« Kiên-trình chẳng phải gan vừa. (13)
« Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Phong-trần, chịu đã è-chề,
« Dày duyên, sau lại gả về Thúc-lang.
« Phải tay vợ cả phũ-phàng,
« Bắt về Vô-Tịch, toan đường bẻ hoa.
« Bực mình nàng phải trốn ra,
2900. « Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
« Thoắt buồn về, thoắt bán đi,
« Mày trời, bèo nổi, thiếu gì là nơi !



TRUYỆN THÚY KIỀU



« Bông đầu lại gặp một người,
« Hơn người tri-dững, nghiêng Trời uy-linh. (4)
• Trong tay muôn vạn tinh binh,
« Kéo về đóng chặt một thành Lâm-chuy.
« Tóc-tơ các tích mọi khi,
« Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
« Đã nên có nghĩa, có nhân,
2910. « Trước sau trọn- vẹn, xa gần ngợi-khen.
« Chưa từng được họ được tên,
« Sự này, hỏi Thúc-Sinh viên mới tường ». (5)

TRUYỆN THÚY KIỀU

Nghe lời Đò nói rõ-ràng,
Tức thì đề thiệp mời chàng Thúc-Sinh.

Nỗi nàng hỏi hết phân-minh,
Chồng con dâu tá, tinh-danh là gì?

Thúc rằng : « Gặp khúc lưu-ly, (6)
« Trong quân, tôi hỏi thiếu gì tóc-tơ,





Đại-Vương tên Hải, họ Từ,
2920. « Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.

« Gặp nàng thời ở châu Thai,
« Lạ gì quốc-sắc, thiên-tài phải duyên.

« Vẫy-vùng trong bấy nhiều niên,
« Làm cho động địa kinh thiên dùm dùm.

« Đại-quân đồn đóng cõi đông.
« Về sau chẳng biết vân-mông làm sao ? » (7)

Nghe tường ngành-ngọn tiêu-hao, (8)
Lòng riêng, chàng lưỡng lao-đao, thần-thờ.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Xót thay chiếc lá bơ-vơ !

2930. Kiếp trần, biết rữ bao giờ cho xong ? (9)

Hoa theo nước chảy xuôi dòng,

Xót thân chim-nồi, đau lòng hợp tau !

Lời xưa đã lỗi muôn vản,

Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây. (10)

Đàn cầm lưỡng ngân-ngờ dày,

Lửa-hương biết có kiếp này nữa thôi ?





Bình-bồng còn chút xa-xôi, (11)
Đĩnh-chung sao nỡ ăn ngồi cho an !

Rắp mong treo ấn, từ quan,
2940. Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.

Giẩn mình trong áng can-qua, (12)
Vào sinh, ra tử, họa là thấy nhau.

Nghĩ điều trời thẳm vực sâu,
Bóng chim, tắm cá, biết đâu mà nhìn !

TRUYỆN THÚY KIỀU

Những là nấn-ná đợi tin,
Nắng mưa đã biết mấy phen đời đời ?
Năm mây, bỗng thấy chiếu Trời, (13)

Khâm ban sắc-chỉ đến nơi rành-rành :

Kim thì cải-nhậm Nam-Bình,
2950. Chàng Vương cũng cải-nhậm thành Phú-
Dương. (14)

Sấm-sanh xe ngựa vội-vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan. (15)



TRUYỆN THÚY KIỀU



Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc-Kiến, lửa tàn Triết-Giang.
Được tin, Kim mới rủ Vương,
Tiện đường, cùng lại tìm nàng sau xưa,
Hàng-Châu, đến đó bây giờ, (16)
Thật tin hỏi được tóc-tơ rành-rành.
Rằng : « Ngày hôm nọ giao binh,
2960. « Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền.

TRUYỆN THUY KIỀU

- (1) Tương tầm : tìm lẫn nhau.
- (2) Giai-âm : tin tức tốt, lành.
- (3) Kiên trinh : Giữ vững trinh-tiết.
- (4) Có bản viết : hơn đời...
- (5) Thúc-sinh-viên : Sinh-viên họ Thúc.
- (6) Khúc lưu-ly : Bước đường hoạn nạn. Có bản viết :
Anh hùng lúc ấy tính danh là gì ?
- (7) Vân-mồng : tin-tức.
- (8) Tiêu hao : cũng là tin tức.
- (9) Kiếp trần : kiếp phong-trần.
- (10) Có bản viết : Mảnh gương thì sai vì lúc thề với nhau
chỉ có hương chớ không phải là gương.
- (11) Bình-bồng : Bình là bè, bồng là cỏ nổi trên mặt nước.
- (12) Áng can-qua : chỗ chiến trường.
- (13) Năm mây : Năm sắc mây. Chiếu trời : Chiếu chỉ nhà
vua. Chiếu chỉ nhà vua thường có vẽ mây ngũ sắc.
- (14) Cải-niệm : Đòi đi cai-trị nơi khác.
Phú-Dương : Một huyện thuộc tỉnh Triết-Giang.
- (15) Phó quan : đi nhậm chức.
- (16) Hàng-Châu : một huyện thuộc tỉnh Triết-Giang.

TRUYỆN THÚY KIỀU



TRUYỆN THÚY KIỀU

Nàng Kiều công cả, chẳng đền,
« Lệnh quan lại bắt ép duyên Thồ-tù ! (1)
« Nàng đã gieo ngọc, trầm châu,
« Sông Tiền-Đường đó, ấy mờ hồng-nhan !
« Thương ôi ! không hợp mà tan,
« Một nhà vinh-hiến, riêng oan một nàng ! »

XII

Chiều hờn, thiết vị, lễ thường, (2)
Giải-oan, lập một đàn-tràng bên sông.
Ngọn triều, non bạc, trùng-trùng, (3)
2970. Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo. (4)
Tình thâm, bề thăm, lạ điều, (5)
Nào hờn tinh-vệ, biết theo chốn nào ? (6)

- ~~~~~
- (1) Thồ tù : Người tù-trưởng địa-phương, đây chỉ là người thồ quan.
 - (2) Thiết vị : đặt bài vị.
 - (3) Ngọn nước thủy-triều chẳng khác chi lượng sóng bạc trùng-trùng đập vào núi đá.
 - (4) Vời trông : trông xa ra trên mặt nước.
 - (5) Ý nói trước cảnh sông nước bao la thăm-thẳm người nhà của Kiều cảm thấy có điểm lạ.
 - (6) Tinh-vệ : loài chim : Chuyện con gái vua Viêm-Đế chết đuối ở bề Đông. sau hóa làm chim Tinh-Vệ tha đá ở núi Tây-Son về lấp bề bề để trả thù.

TRUYỆN THÚY KIỀU

Cơ-duyên đâu bỗng lạ sao?

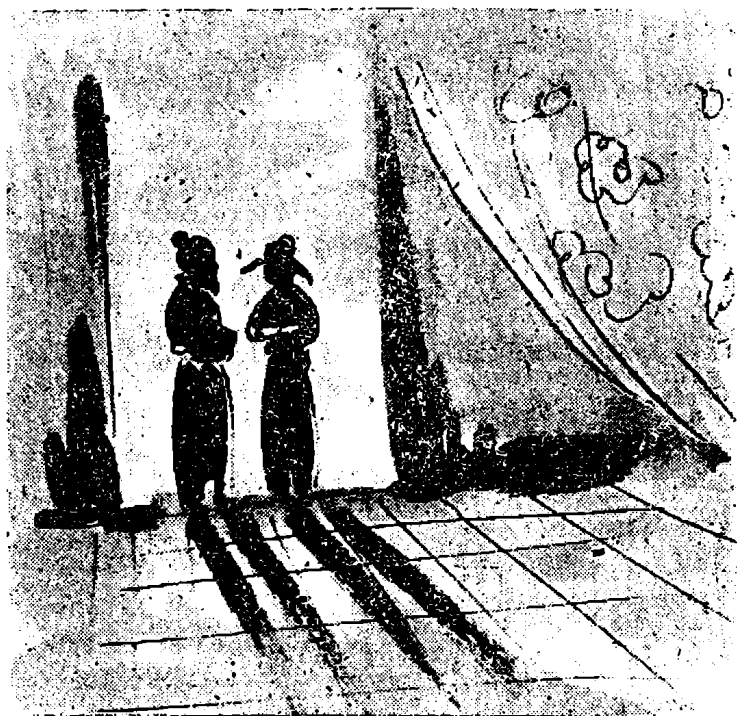
Giác-Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.

Trông lên linh-vị chữ bài. (1)

Thất kinh mới hỏi : • Những người đâu ta ?



TRUYỆN THÚY KIỀU



« Vời nàng thân-thích gần-xa?

« Người còn, sao bỗng làm ma khóc người ? »

Nghe tin ngờ-ngác rưng-rời,
2980. Xúm quanh kẻ-lẽ, rộn lời hỏi tra :

« Nay chồng, này mẹ, này cha,
« Nay là em ruột, này là em dâu.

« Thật tin nghe đã bấy lâu,
« Pháp-sư dạy thế, sự dâu lạ đường ! »

TRUYỆN THÚY KIỀU

Sư rằng : « Nhân quả với nàng, (2)
« Lâm-chuy buổi trước, Tiên-Đường buổi sau.
« Khi nàng gieo ngọc, trăm châu,
« Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
« Cùng nhau nường cửa Bồ-đề, (3)
2990. « Thảo-am đó, cũng gần kề chái xa. (4)
« Phật tiền ngày bạc lân-la,
« Đăm-đăm, nàng cũng nhớ nhà khôn khuây ».



TRUYỆN THÚY KIỀU



Nghe tin, nở mặt, nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?
Từ phen chiếc lá lia rừng,
Thăm tìm lưỡng những liệu chừng nước mây.
Rõ-ràng hoa rụng, hương bay,
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
Minh dương đôi ngả chắc rồi, (5)
3000. Cõi trần mà lại thấy người cứu-nguyên! (6)

TRUYỆN THÚY KIỀU

Cùng nhau lạy tạ Giác-Duyên,
Bộ-hành một lũ, theo liền một khi.

Bẻ lau, vạch cỏ, tìm đường,
Tinh thâm lưỡng hỷ hồ-nghi nửa phần.

Quanh-co theo dãy giang-tân, (7)
Khởi rùng lau, đã tới sân Phật-đường.

Giác-Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong, vội dạo sen vàng bước ra.





Trông xem đủ mặt một nhà,
3010. Xuân già còn khỏe, huyền già còn tươi ;
Hai em phương-trưởng hòa hai, (8)
Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa !
Trưởng bây giờ, là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt, còn ngờ chiêm-bao !

TRUYỆN THÚY KIỀU

Giọt châu thành-thót quện bèo, (9)
Mừng-mừng, tủi tủi, xiết bao sự tình!

Huyền già, dưới gối gieo mình, (10)
Khóc-than, kê-lễ sự mình đầu đuôi :

« Từ con lưu-lạc quê người,

3020. « Bèo trôi, sóng vỗ, chốc mười-lăm năm !

« Tinh rằng sông nước cát lằm,

« Kiếp này, ai lại còn cầm gập đây ! » (11)

Ông bà trông mặt, cầm tay,

Dung-quang chẳng khác chi ngày bước ra.





B y clầy dài nguyệt, dầu hoa,
Mười phần xuân, cũng gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng, biết lấy gì can?
Lời tan-hợp, chuyện xa gần, thiếu đâu?
Hai em hỏi trước, han sau,
3030. Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi.
Quây nhau lạy trước Phật-đài,
Tái-sinh trần-tạ lòng người từ-bi. (12)

TRUYỆN THÚY KIỀU

Kiều hoa giục-giã tức thì,
Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.

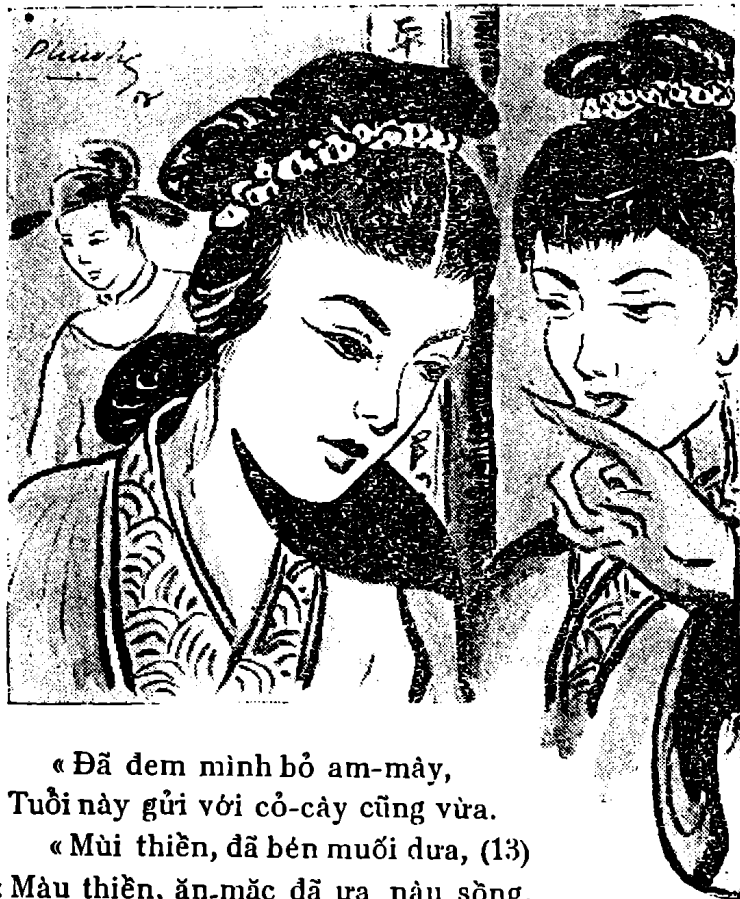
Nàng rằng : « Chút phận hoa rơi,
« Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng-cay.

« Tỉnh rãng mặt nước, chàn mây,
« Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?

« Được rày tái-thế tương-phùng,
3040. « Khát-khao đã thỏa tấm lòng lâu nay!



TRUYỆN THÚY KIỀU



- « Đã đem mình bỏ am-mây,
« Tuổi này gửi với cỏ-cây cũng vừa.
« Mùi thiên, đã bén muối dưa, (13)
« Màu thiên, ăn-mặc đã ra nâu sồng.
« Sự đời, đã tắt lửa lòng,
« Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi?
« Dở-dang, nào có hại gì?
« Đã tu, tu trót qua thì, thì thôi!

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Trùng-sinh ân nặng bề Trời, (14)
3050. « Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi? »

Ông rằng : « Bĩ thử nhất thi, (15)
« Tu-hành thi cũng phải khi tông quyền.

« Phải điều cầu Phật, cầu Tiên,
« Tình kia, hiếu nọ, ai đền cho đây?

« Độ sinh nhờ đức cao dày, (16)
« Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung.».



TRUYỆN THÚY KIỀU



Nghe lời, nàng phải chiều lòng,
Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.
Một đoàn về đến quan-nha,
3060. Đoàn-viên, vội mở tiệc hoa vui-vầy.
Tàng-tàng, chén cúc đỡ say,
Đứng lên, Vân mới giải-bầy một hai.
Rằng : « Trong tác-hợp cơ Trời, (17)
« Hai bên gặp-gỡ, một lời kết-giao.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Gặp cơn binh-địa ba-đào,
« Vay đem duyên chị buộc vào duyên em.
« Cũng là phận cải, duyên kim,
« Cũng là máu chảy, ruột mềm, chớ sao ?
« Những là rày ước, mai ao,
3070. « Mười-lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình !
« Bây giờ gương vỡ lại lành, (18)
« Khuôn thiêng lừa-loc, đã đành có nơi. (19)



TRUYỆN THÚY KIỀU

- (1) Trông lên linh-vị chữ bài : Nhìn lên bài vị đề tên đề thờ trong chùa.
- (2) Nhân-quả với nàng : Có nhân-duyên với nàng.
- (3) Cửa Bồ-đề : Cửa Phật.
- (4) Thảo am : Am bằng tranh.
- (5) Minh là mờ, cũng như nghĩa chữ âm.
- (6) Cứu-nguyên : âm-phủ, cũng như nói cứu-tuyềa.
- (7) Giang tân : bến sông.
- (8) Phương-trưởng : trưởng-thành,
- (9) Quện : ố ra, hoen ra.
- (10) Có bản viết : Gieo mình dưới gối huyên-đình.
- (11) Còn cầm gập đây : còn chắc gì gập được đây.
- (12) Trần-tạ : Bày-tỏ lòng cảm-tạ.
Khi Kiều kể tâm-sự khờ-sở của nàng và lòng từ thiện của Giác-Duyên đã thuê người vớt được nàng tại sông Tiền-Đường thì cả nhà Vương viên-ngoại phục xuống lạy tạ Giác-Duyên.
- (13) Mùi-thiền : Mùi vị ở nhà chùa.
- (14) Trùng sinh : Sinh đẻ lần thứ hai.
- (15) Bì thử nhất thì : bì nhất thì, thử nhất thì nghĩa là lúc ấy là một thì, bây giờ là một thì. Ý nói mỗi lúc một khác, phải hành-động tùy thời cuộc.
- (16) Độ sinh : cứu sống (tiếng nhà Phật trở sự cứu-vớt chúng-sinh).
- (17) Trong Kinh Thi có câu : Thiên-tác chi hợp : Trời làm cho 2 bên lấy nhau.
- (18) Gương vỡ lại lành : Ý nói sau khi chia-ly rồi lại được sum họp.
- (19) Lừa-lọc : Lựa chọn.



Còn duyên, may lại còn người,
« Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyện xưa.

« Quả mai ba bảy đương vừa,
« Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì ». (1)

Dứt lời, nàng vội gạt đi :
« Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ ?

« Một lời tuy có ước xưa,
3080. « Xét mình dải gó, dầm mưa, đã nhiều.

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Nói càng hồ thẹn trăm chiều,
« Thà cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi! » (2)

Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời !
« Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ?

« Một lời đã trót thâm-giao, (3)
« Dưới đây có đất, trên cao có Trời.

« Dẫu rằng vật đổi, sao dời,
« Tử-sinh, cũng giữ lấy lời tử-sinh !





« Duyên_kia có phụ chi tình,
3090. « Mà toan chia gánh chung tình làm hai? »

Nàng rằng : « Gia-thất duyên hài, (4)
« Chút lòng ân-ái, ai ai cũng lòng.

« Nghĩ rằng : Trong đạo vợ chồng,
« Hoa thơm phong nhụy, trắng vòng tròn gương,
« Chũ trình đáng giá nghìn vàng,
« Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa. (5)

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Thiếp từ ngô biển đến giờ,
« Ong qua, bướm lại, đã thừa xấu-xa.
« Bấy-chầy, gió táp, mưa sa,
3100. « Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
« Còn chi là cái hồng-nhan ?
« Đã xong thân-thể, còn toan nôi nào ?
« Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao ?
« Dám đem trần-cầu dự vào bố-kính ! (6)





« Đã hay chàng nặng vì tình,

TRUYỆN THÚY KIỀU



« Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru ! (7)

« Từ rày khép cửa phòng thu,

« Chẳng tu, thì cũng như tu mới là !

« Chàng dù nghĩ đến tình xa,

3110. « Đem tình cầm-sắt đổi ra cầm-kỳ. (8)

« Nói chi kết tóc, xe tơ,

« Đã buồn cả ruột, lại nhớ cả đời ! .



Chàng rằng : « Khéo nói nèn lời,

TRUYỆN THÚY KIỀU

« Mà trong lẽ phải có người có ta !

• Xưa nay trong đạo đàn-bà,

• Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường :

« Có khi biến, có khi thường ,

« Có quyền, nào phải một đường chấp kinh ? (9)

• Như nàng lấy hiếu làm trinh,

3120. • Bụi nào cho đục, được mình ấy vay ?

« Trời còn để có hôm nay,

« Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời :

• Hoa tàn mà lại thêm tươi,

• Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

• Có điều chi nữa mà ngờ ?

« Khách qua đường để hăng-hờ chàng Tiều. » (10)

Nghe chàng nói đã hết điều,

Hai thân thì cũng quyết theo một bài.

Hết lời khôn lẽ chối lời,

3130. Cúi đầu, nàng những ngẩn dài thở-than.

Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,

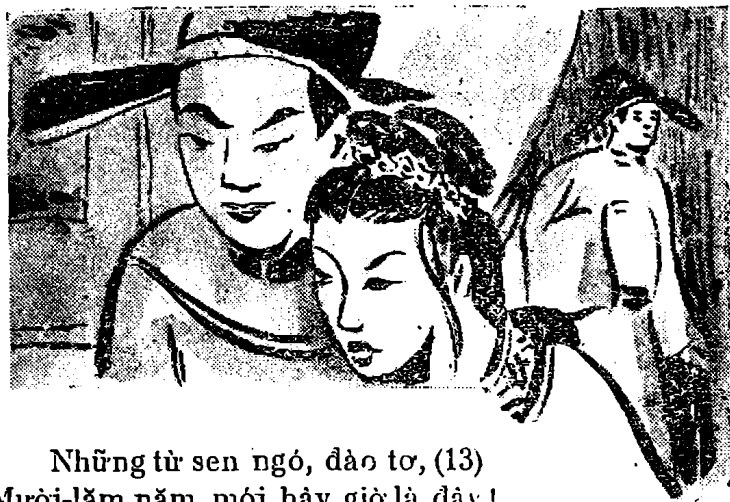
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.

Cùng nhau giao-bái một nhà, (11)

Lẽ đà đủ lẽ, đôi đà xứng đôi.

Động-phòng diu-dặt chén mời, (12)

Bàng-khuàng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa.



Những từ sen ngó, đào tơ, (13)
Mười-lăm năm, mới bảy giờ là đây !

Tình-duyên ấy, hợp tan này,
3140. Bi-hoan mấy nổi, đêm chày trăng cao. (14)

Canh khuya, bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm xuân.

Tình-nhân lại gặp tình-nhân,
Hoa xưa, ong cũ, mấy phen chung tình !

Nàng rằng : • Phận thiếp đã đành,
• Có làm chi nữa, cái mình bỏ đi !

« Nghĩ chàng nghĩa cũ, tình ghi,
« Chiều lòng gọi có xương tủy mây-may. (15)

« Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
3150. « Cũng là mặt dạn, mày dày, khó coi !

« Những như âu-yếm vành ngoài,
« Còn toan mở mặt với đời cho qua. (16)

TRUYỆN THÚY KIỀU

- (1) Kinh Thi có câu : Đào chi yêu yêu là nói cây đào non, dễ ví với người con gái còn trẻ tuổi.
- (2) Cờ-thi có câu : Tâm như qui hải triều, mộ phong lưu bất trụ : lòng như nước thủy triều chảy ra bề gió không giữ lại được.
- (3) Thâm-giao : Giao-ước sâu-xa.
- (4) Gia - thất : vợ chồng. Duyên-hài : duyên vui - vẻ, êm đẹp.
- (5) Đuốc-hoa : đèn thắp trong phòng đêm tân hôn.
- (6) Trần-cầu : đất bụi dơ-bẩn.
- (7) Hoa đèn : Đèn hoa thắp đêm động phòng.
- (8) Đem tình vợ chồng đòi ra tình bạn hữu.
- (9) Có quyền : Có đạo quyền. Chấp kinh : Giữ đạo kinh.
- (10) Chàng Tiêu : tức là Tiêu Lang. có vợ tên là Lục Chân bị người ta bắt đem dâng cho Quách-Tử-Nghị. Từ đấy chàng thấy vợ thì cứ đứng đưng như khách qua đường. Đây ý nói nở nào lại hững-hờ với người nghĩa củ hay sao ?
- (11) Giao bái : Vợ chồng lạy nhau khi làm lễ cưới.
- (12) Chén mời : Chén bằng đôi-mời.
- (13) Ý nói từ buổi gặp nhau khi còn trẻ.
- (14) Bi hoan mấy nỗi : đau buồn khi ly - biệt và vui sướng khi tái hợp. Đêm chầy trăng cao : đêm khuya, trăng đã lên cao.
- (15) Xương tùy : Phu xướng phụ tùy nghĩa là chồng bảo vợ nghe.
- (16) Ý nói may ra còn có thể nhìn mặt thiên hạ mà lòng không hờ-thẹn.

TRUYỆN THÚY KIỀU

- « Lại như những thói người ta,
« Vót hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
« Khéo thay dơ-đuốc bày trò,
« Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi !
« Người yêu, ta xấu với người,
« Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau.
« Cửa nhà dù tính về sau,
1360. Thi còn em đó, lọ cầu chị đây ?
« Chử trình còn một chút này, (1)
« Chẳng cần cho vững, lại giầy cho tan !
« Còn nhiều ân-ái chan-chan,
« Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ? »
« Chàng rằng : « Gắn-bó một lời,
« Bồng đầu cá nước, chim trời, lữ nhau.
• Xót người lưu-lạc bấy lâu,
• Tưởng thề-thốt nặng, cũng đau-đớn nhiều !





- Thương nhau, sinh tử đã liều,
- 3170. • Gặp nhau một chút bấy nhiêu là tình.
- « Chừng xuân tơ liễu còn xanh, (2)
- Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh ái-ân.
- Gương trong chẳng chút bụi trần,
- « Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm !
- Bấy lâu dây bẻ mờ kim,
- « Đã nhiều vàng-dá, phải tìm trăng-hoa ?

TRUYỆN THÚY KIỀU

• Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chần gối mới ra sắt-cầm! .

• Nghe lời sửa áo cài trâm,
3180. Khẩu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng,

• Thân tâu gạn đục khơi trong, (3)
« Là nhờ quân-tử khác lòng người ta.

• Mấy lời tâm phúc ruột-rà,
• Trương-tri dường ấy mới là trương-tri!
• Chở-che, đùm-bọc, thiếu gì ?
• Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay! . (4)

Thoắt thôi, tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình.

Thêm nển giá, nổi hương bình,
3190. Cùng nhau lại chúc chén huỳnh giao-hoan.

Tình xưa lai-láng khôn hàn, (5)
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.



TRUYỆN THÚY KIỀU



- Nàng rằng : • Vì mấy đường tơ,
• Làm người cho đến bây giờ mới thôi !
• Ăn-năn thì sự đã rồi !
• Nề lòng người cũ, vâng lời một phen .
Phím đàn diu-dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đàu đậm-ấm dương-hòa !
3200. Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh ? (6)
Khúc đàu êm-ái xuân-tình !
Ấy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quyên ? (7)
Trong sao châu rõ duềnh quyên ! (8)
Ấm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đông ! (9)
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng nảo-nùng xôn-xao !
Chàng rằng : • Phở ấy tay nào ? (10)
« Xưa sao sầu-thảm, nay sao vui-vầy ?

TRUYỆN THÚY KIỀU

- (1) Chữ trinh đây là lòng thủy-chung của Kiều đối với Kim-Trọng từ xưa đến nay.
- (2) Chùng xuân : Giữa chùng xuân-xanh.
- (3) Gạn đục khơi trong : Gạn hết cái dơ cái đục dặng khơi nguồn nước cho trong. Ý nói xóa bỏ những dơ bần dặng giữ lại cái gì tốt đẹp.
- (4) Danh-tiết : Danh-dự và tiết-tháo.
- (5) Khôn hàn : khó cầm.
- (6) Hồ điệp : Con bướm. Trang-sinh : Trang-Chu ngày xưa năm thấy mình hóa làm con bướm, ông bâng-khuâng tự hỏi : không biết ta hóa làm con bướm hay con bướm hóa làm ta ?
- (7) Tục truyền rằng : xưa vua Thục-Đế mất nước, lúc chết hóa làm con quốc (dồ-quyên) ngày đêm sầu-oán kêu mãi không thôi.
- (8) Duềnh quyên : Vũng nước dưới ánh trăng. Cả câu : Tiếng đàn trong như hạt ngọc rỏ xuống vũng nước sáng trăng.
- (9) Lam điền : chỗ gieo hạt thành ra ngọc. Mới đông : mới thành.
- (10) Phò ấy tay nào ? Cũng bản đàn ấy nhưng nghe như người nào lạ gảy.



Tẻ vui bởi tại lòng này,

TRUYỆN THÚY KIỀU

3210. • Hay là khổ-tận, đến ngày cam-lai ? .

Nàng rằng : • Vì chút nghề chơi,

• Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !

• Một phen tri-kỷ cùng nhau,

« Cuồn dây từ đấy, về sau xin chừa ».

Chuyện-trò chưa cạn tóc-tơ,

Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông.

Tình riêng, chàng lại nói sòng, (1)

Một nhà ai cũng lạ-lùng khen-khao.

Cho hay thực-nữ chí cao,

3220. Phải người sớm muộn, tối dào như ai ? (2)

Hai tình vẹn-vẽ hòa hai,

Chẳng trong chấn-gối, cũng ngoài cầm-thơ.

Khi chén rượu, khi cuộc cờ,

Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Ba-sinh đã phỉ mòi nguyên, (3)

Duyên đôi, lừa cũng là duyên bạn-bầy.

Nhớ lời, lập một am mây,

Khiến người thân-tín rước thầy Giác-Duyên.

Đến nơi đóng cửa, cài then,

3230. Rêu trùm kẽ gạch, cỏ lên mái nhà.

Sư đà hái thuốc phương xa,

Mây bay, hạc lánh, biết là đi đâu ?



Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.

Một nhà phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm dằng-dặc, quan giai lần lần. (4)

Thừa gia chẳng hết nàng Vân, (5)
Một cây cù-mộc, một sân quế-hoè. (6).

Phong-lưu phú-quí ai bì,
3240. Vườn xuân một cửa, đề bia muôn đời. (7)

TRUYỆN THÚY KIỀU



Ngâm hay muôn sự tại Trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong-trần, phải phong-trần,
Cho thanh-cao, mới được phần thanh-cao.
Có đâu thiên-vị người nào,
Chữ tài, chữ mệnh, dồi-dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài?
Chữ tài liền với chữ tai một vần ! (8)
Đã mang lấy nghiệp vào thân, (9)
3250. Cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa. (10)
Thiện căn ở tại lòng ta. (11)
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài !
Lời quê chấp-nhặt dòng-dài,
3254. Mua vui cũng được một vài trống canh.

— CHUNG —

TRUYỆN THÚY KIỀU

- (1) Nói sòng : nói rõ.
- (2) Sớm muộn, tối dào : Sớm ấp muộn tối ôm dào, ý nói lảng-lơ đi-thỏa, nay với người này, mai với người khác.
- (3) Mười nguyệt : mười điều ước nguyện.
- (4) Quan giai : lẩn-lẩn.
- (5) Thừa gia : Đảm đương việc gia đình.
- (6) Một cây cù-mộc : Một cây cao lớn. Một sân quế hồo : Cây quế cây hồo đầy một sân. Ý nói sinh nhiều con trai quí.
- (7) Vườn xuân : Cảnh gia-đình vui tươi như vườn hoa mùa xuân.
- (8) Tai : tai họa.
- (9) Nghiệp : trong kinh Phật nói rằng : sinh làm người ai ai cũng có cái nghiệp của mình. Nghiệp đó là việc làm của mình kiếp này mà cũng là kết quả ở kiếp sau ; cứ như thế luân-hồi mãi không bao giờ dứt. Mà cái nghiệp ấy lại tự mình gây ra cho mình chứ không phải người khác gây cho mình được. Hễ có thân là có nghiệp và thân với nghiệp cứ đeo nhau mãi như hình với bóng.
- (10) Cũng đừng oán trách lẩm-lẩn rằng Trời ở gần hay ở xa.
- (11) Thiện-căn : Cái gốc của thiện. Ý nói họa hay phúc cũng đều ở lòng ta mà ra, ở thiện thì gặp phúc, ở ác thì gặp họa. Làm người, phải cố gây đều thiện để cho nhẹ cái nghiệp kiếp sau chứ không nên cậy tài làm đều ác thì cái nghiệp sẽ nặng nề về sau.

**BÀI THƠ BẰNG HÁN-TỰ CỦA ÔNG
PHẠM - QUÍ - THÍCH**

佳人不是到錢塘
Giai-nhân bất thị đáo Tiền-đường.

半世埋花債未償
Bán thế yên hoa trái vị thường.

玉面豈應煙水國
Ngọc diện khỉ ưng mai thủy-quốc.

冰心自可對金郎
Băng tâm tự khả đối Kim-lang.

斷腸夢裏根緣了
Đoạn-trường mộng lý căn duyên liễu ;

薄命終琴怨恨長
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường.

一片才情千古累
Nhất phiến tài tình thiên cổ lũy.

新聲到底爲誰傷
Tân thanh đáo đê vị thùy thương.

Dịch ra Quốc-văn :

Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,

Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.

Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng,

Gót ngọc khôn đành giãc thủy quan.

Nửa gởi đoạn-trường tan giấc điệp,

Một dây bạc mệnh đứt cầm loan.

Cho hay những kẻ tài-tình lắm,

Trời bắt làm gương đê thế-gian.

Nhà xuất bản

THANH-TÂM

40-A Cao-bá-Nhạ

293-B Trần-hưng-Dạo

SAIGON



Các bạn học-sinh nên đón mua!!

ĐÃ KHỞI CÔNG IN

« LOẠI SÁCH LUYỆN DỊCH »

BẬC TRUNG - HỌC



ANH-VĂN

PHÁP-NGỮ

HÀN-TỰ

- Ba thứ chữ trên đây sẽ được phiên-dịch rõ-ràng, thật sát nghĩa, kỹ và đúng do một nhóm giáo-sư biên soạn rất công-phu, hầu giúp các học-sinh muốn thi « Trung-học đệ nhất cấp », có trong tay một quyển sách có giá-trị đề tự luyện dịch.
- Những bài dịch được chọn lọc trong những áng-văn kiệt-tác của các danh-nhân.

TRUYỆN THÚY KIỀU

(Đoạn trường tân thanh)
của Nguyễn - Du, loại sách
Văn-chương Cổ-điển của Nhà
xuất-bản Thanh-Tâm in xong
ngày 15-11-58 tại Nhà In
NGUYEN DUONG, 23 ĐỀ-Thám
(Saigon).

Ấy phép số 1910 X-B.
ngày 13-11-58 của Nha
Thông-Tin Nam-Việt.
